

PHÓ THÔNG

Tạp-chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

Giám-Đốc : NGUYỄN-VĨ

24

Văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam	NGUYỄN VĨ
Bộ Sắc-trang	VƯƠNG-ĐỨC-HÀ
Không Minh	NGUYỄN QUANG LỤC
★ Tôi thân can cho Tôn Thất Thuyết	TÔ ĐẰNG MINH
Trái cỏ Bụy (truyện ngắn)	HOÀNG THÁNG
Một đời người (nói-ký)	THIẾU SƠN
• Sinh hoạt văn-hóa V. N. tại Pháp . . .	GUSTAVE MEILLON
Cá kịch Việt-Nam	TCHYA
Mai sau (thơ)	VĂN KHANH
Hòn đất nan nén ống Bụt	THANH PHƯƠNG
✖ Văn sĩ thi sĩ tiền chiến :	
.	NGUYỄN VĂN VĨNH
Thi sĩ lão thành : Ba CAO NGỌC ANH . .	DIỆU HUYỀN
Nỵ cười Phò-Thông	TRỌNG TÂU
• Đại sứ Việt-Nam, 8 tuổi, tại Pháp triều .	TÂN PHONG
Đôi bóng (thơ)	NGUYỄN VĨ
• Minh ơi !	Cô DIỆU HUYỀN .
Những người đời mươi	NGUYỄN THU MINH
Y học phò-thông	QUANG HOA
Dạ sầu (thơ)	H. T. DUYÊN HẢI

TRUYỆN DÀI

Kiên trinh truyện dài của Cô VĂN NGÀ

Cô gái điền truyện dài của TÙ-VŨ

Bản dịch của VI HUYỀN ĐẮC

(Xem mục-lục đầy đủ ở trang 4-5)

Phò-Thông kỳ tới, Số 25

ra ngày 15-12-59 sẽ là

SỐ ĐẶC BIỆT

NOËL



PHÒ-THÔNG là một tạp-chí văn-hóa thuần-túy, cho nên không có chia rẽ về Tôn-giáo.

Độc giả của Phò-Thông hiện nay có gần 20.000, người theo Phật giáo, kẻ theo Công-giáo, hoặc Tin-Lành, Cơ-Đốc Phục-Lâm, Bà-la-môn, Hồi-giáo, ở trong nước và ở Hải-ngoại.

Đối với Phò-Thông, tất cả các Tôn-giáo đều là những yếu-tố văn-hóa, những yếu-tố thực-tế, cụ thể, góp phần xây dựng xã hội loài người, và duy-tri Tự-do tự-trưởng và tự-do tín-ngưởng. Cho nên PHÒ-THÔNG sẽ ra SỐ ĐẶC BIỆT NOEL để chào mừng các bạn đọc Công giáo trong dịp lễ Giáng-sinh của Đấng Jésus Christ, và đến ngày 8 tháng 4 âm-lịch chúng tôi cũng sẽ phát-hành SỐ ĐẶC BIỆT PHẬT-DÂN, để liên hoan cùng các bạn đọc Phật-tử trong ngày Đản-sinh ĐỨC THÍCH-CA MÂU-NI.

Đó là những dịp để toàn thể bạn đọc tìm hiểu thêm chút ít về các Tôn-giáo, tuy nói riêng biệt là Đạo của Chúa, hay Đạo của Phật, nhưng trên địa-hạt văn-hóa rộng lớn, vô-tu, đều là Đạo của Người.

PHÒ-THÔNG.

PHÓ THÔNG

TẠP CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỐ BIỂN VĂN HÓA ĐỒNG LÝ XÃ HỘ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VĨ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài-gòn — Đ. T. Sài-gòn 307



BỘ MỚI SỐ 24 1.12.1959

- | | | | | |
|--|------------------|----|----|----|
| 1.— Văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam . . . | Nguyễn-Vỹ | 6 | — | 9 |
| 2.— Tôi thân oan cho Tôn-thất-Thuyết . . . | Tô-Đặng-Minh | 10 | — | 20 |
| 3.— Đây, Sóc-trăng | Vương-đức-Hà | 21 | — | 26 |
| 4.— Sinh hoạt văn-hóa V.N. tại Pháp . . . | Gustave Meillon | 27 | — | 33 |
| 5.— Dạ săn (lhor) | H.T. Duyên-Hải | | 34 | |
| 6.— Trái « Ô Buy » (truyện ngắn) | Hoàng-Thắng | 35 | — | 37 |
| 7.— Ca-kịch Việt-Nam | Tchya | 38 | — | 44 |
| 8.— Một đời người (hồi ký) | Thiếu Sơn | 45 | — | 48 |
| 9.— Không Minh | Nguyễn quang Lực | 49 | — | 52 |
| 10.— Đại sứ Việt-Nam tại Pháp | Tân-Phong | 53 | — | 60 |
| 11.— Mai sau (lhor) | Vân-Khanh | 61 | — | 62 |
| 12.— Hòn đất nắn nén ông Bụt. | Thanh-Phương | 63 | — | 70 |

VĂN CHƯƠNG

UÌ TÙ-TÙ Ở NG

VIỆT - NAM

QUA CÁC THỜI ĐAI

CHƯƠNG II

B.— TUY-NHIÊN VĂN-
CHƯƠNG VIỆT-
NAM KHÔNG
PHONG - PHÚ

I.— Tiếng Việt rất thuận
lợi cho văn Thơ

2.— ẢNH HƯỞNG CỦA
VĂN HÓA TÀU.

Ảnh hưởng này đã thâm-
nhập vào truyền-thống sinh-
hoạt Việt-nam ngay từ
nguyễn-thủy của Lịch-sử
Dân ta.

Nước ta đã không có chữ
riêng, phải học chữ Tàu lại
gặp lúc bị nhà Hán chinh-
phục, rồi qua hết đời Tiền-
Lý thì lại bị nội thuộc nhà
Đường.

Nói giỗng Việt-nam bắt
dần khai-hóa đã phải hắp-
thụ tất cả các học-thuyết luân-
lý đạo-đức từ đời nhà Chu
dể lại, đồng-thời với Hồng-
Bàng Kỷ-Nguyễn, Tâm-hồn
dân ta đã bị nhồi-nén trong
khuôn-khổ duy nhất của tư-

NHẬN XÉT TỔNG QUÁT

về VĂN-HỌC SỬ VIỆT-NAM

tướng Trung-quốc, cho đến hết đời Lý, thì văn-thơ phồn-thịnh của nhà Đường lại tràn sang nước ta, để thâm-nhập vào tâm-hồn Việt-nam cả một trào-luồng-mạn của bốn thế-hệ Đường-thi, lâu đến 290 năm, gần 3 thế-kỷ! Cho nên khắp các tầng lớp từ dân của Việt-nam thời bấy giờ đều mặn-nhiên thơ-huởng dẫu-tích sâu-dậm ấy.

Rồi từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, trải qua các thời-dai sau, vượt tắt cả các biến-cố chính-trị và quân-sự, ảnh-hưởng của văn-Thơ đời Đường vẫn tồn-tại, hòa-lẫn vào nếp sống tinh-thần của Dân-tộc.

Tren phuong-dien chinh-trị lãnh-thổ, Vua và Dân ta vẫn cương-quyết không chịu lè-thuộc nước Tàu. Trong lúc mỗi vị Thủ-lĩnh của mỗi thời đại Trung-Quốc tạo riêng một thế-lực và một uy-quyền rộng lớn, gây ra những cuộc chiến

tranh-lịch-tiếp, nhất là từ đời Tam-quốc trở đi, để chinh-phục các quốc-gia chư-hầu và thâu-gồm hết cả giang-sơn Thiên-hạ vào trong tay một cá-nhân, một gia-dinh, một họ, lập ra các triều-dai-mệnh-danh là « Thiên-tử », trong lúc đó nước Việt-nam cũng là một nước chư-hầu, phải cống-hiến Bắc-triều, và thừa-nhận uy-danh của Hoàng-Đế nước Tàu, nhưng vẫn có hết sức biệt lập thành một quốc-gia tự chủ.

Trải qua mấy nghìn năm, từ đời Hùng-Bang lập-quốc cho đến Thế-kỷ XIX, kể-tiếp từ Trung-Trắc đến Nguyễn-Huệ, các vua chúa của Nước ta và toàn thể Dân ta đều đã chứng tỏ ý-chí quyết-liết không chịu nô-lệ các Triều-dai Trung-Quốc, và xây-dựng một quốc-gia độc-lập trên một lãnh-thổ riêng. Lịch-sử Dân-tộc Việt-nam còn ghi

tên những vị Nam-Nữ anh-hùng hiền-hách đã hoàn-thành các cuộc chiến-dấu ấy, và đã biệt-lập hẳn ngoài hệ-thống chính-trị và quân-sư của Trung-Hoa. Đó là về Lịch-sử chính-trị.

Nhưng, trái lại, về phương-diện văn-hóa, và nói riêng về phương-diện văn-chương thi-phù, nước ta đã chịu hoàn-toàn chi-phối trong hệ-thống tư-tưởng và học-thuật của Tàu.

Nhận-xét đại-cương văn-học-sử Việt-nam với con mắt khách-quan của một nhà sú-học, chúng ta không thể chối cãi rằng trải qua 2.000 năm văn-hiến, Học-thuật và tư-tưởng Việt-nam đã MẶC-NHIÊN TÔN-TRỌNG ĐỊA VỊ BÁ-CHỦ của văn-học Trung-Quốc, và nhìn nhận sự thực-te nô-le ấy một cách công-khai, ưng-thuận và gần như hân-diện.

Không những Không-Tử, (một nhà Hiền-triết, vâng, nhưng một bậc Thần-Thánh?) được các Vua Chúa lập đèn thờ và lễ-lễ với tất cả các nghi-thức sùng bái một đặng

oai-linh, — không những lịch-sử và chiến-sử của các Hoàng đế Tàu và các Vua Chúa hào, như Vua Nghiêng vuơ Thuần, như Tào Tháo, Lưu Bị v.v... đều được dân-chúng Việt-nam học gần thuộc lòng, và biết rõ hơn là Lịch-sử và chiến-công của Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ, — không những thế mà thôi, các nhà Thi-sĩ Tàu đời Đường, đời Tống, cũng như các Thi-Nhân ở các Triều-đại khác, đều được các nhà Tri-Thúc và Thi-sĩ Văn-sĩ Việt-nam của các thời Nho-học tôn làm Thi-Thần Thi-Thánh cả.

Lòng sùng bái ấy có ảnh-hưởng sâu rộng cho Văn-Chương và Tư-tưởng Việt-nam trong suốt các thời đại mà chữ Hán được đương-nhiên chiếm địa-vị độc-quyền bá-chủ trong lịch-sử tiến-triển văn-hóa của Dân ta.

Tôi đã nói về chính-trị và độc-lập lãnh-th thổ, các vì Vua chúa và toàn dân đều quyết liệt chống lại cuộc đô-hộ của Tàu. Cho đến những cô thiếu-nữ và những nàng thiếu-phụ

21, 22 tuổi cũng hăng hái
phát cờ khởi nghĩa để đánh
duổi quân thù. Nhưng, lạ
thay, trên địa-hạt Văn-hóa,
Ông Cha chúng ta đã tỏ ra
triết-đề lè-thuộc người Tàu.
Mười-chín thế - kỷ, tất cả
cuộc sinh-hoạt tinh-thần và
tri-thức của Dân tộc Việt -
nam đều rập theo khuôn
mẫu của Tàu.

Hiển triết như Khổng-tử,
Mạnh-tử, Đạo giáo huyền -
bi như Lão-tử, Trang-tử, thơ
hay như Lý-Bach, Đào-Tiêm,
dòn giỏi như Bá-Nha, Tử -
ký, rượu nồng như Lưu -
linh, cờ cao như Đế Thích,
dàn bà thì giỏi văn -
chương như nàng Ban ả Tạ,
đẹp lộng lẫy như Tây - Thi,
thương chồng như Tô Huệ,
Võ-tướng thì mưu-trí như
Khổng - Minh, tài thao lược
như Tào - tháo, v.v... đều là
những nhân-vật diễn hình
trong Văn-Thơ-bác-học Việt -
nam cũng như trong văn -
chương bình - dàn vây. Từ
Thiên-tử đến thứ Dân, đều
lấy các nhân-vật Tàu, Lịch -
sử Tàu, truyền-tích Tàu,
Thi phú Tàu, làm mục
thuộc. Cho đến đối một viên
tướng Tàu là Quan - Công,
không định - liu gù đến
nước ta mà Dân ta cũng

đóng tran đè thờ, chứ
không riêng gì Khổng-Tử !
Cả nước Việt - nam đều
khao-khát Văn - minh tinh
thần của Hán - lỵ, say sưa
hương-vị văn-hóa của các
Triều - đại Trung - Hoa.

Bởi vậy nên một phần lớn
Văn-chương và Tư - tưởng
Việt-nam trong 19 thế kỷ,
đều hầu hết rập theo kiều
mẫu của Tàu, kiều mẫu duy
nhất, bắt di bắt dịch, chỉ bị
hỏa trộn một phần ít với
văn-minh Phật giáo của Ấn -
độ mà thôi. Ngay Phật giáo
của ta cũng rập theo Phật -
giáo Đại thừa của Trung -
quốc truyền sang.

Trong một tình trạng « bẽ
quan tỏa cảng », nước Việt -
nam chỉ thấy có một nước
Tàu là Chúa Tể « ả Thiên-hạ »,
chỉ học chữ Tàu, viết chữ
Tàu, đọc sách Tàu, dùng
diễn-tích Tàu, và áp - dụng
cách-thức cảm-xúc và tư -
tưởng của các nho - sĩ Tàu.

Vì vậy, từ nguyên thủy đến
cuối Thế-kỷ XIX, hầu hết
các Văn-nhân Thi-sĩ Việt-nam
đều làm thơ Đường - luật,
đè, lại những « Thi tập »
bằng chữ Hán, diễn tả hoàn
toàn theo cú pháp của văn
thơ đời Đường.

(Còn nữa)

TÔI THÂN OAN CHO



TÔN - THẤT - THUYẾT



Một ý kiến của Nhà Học Giả Trần trọng - Kim

Trang 288 cuốn Việt-Nam Sử Lược, nhà Học-Giả kiêm Sứ-Gia Trần-trọng-Kim có chủ thích và bàn về hành động của Tôn-thất-Thuyết bại trận trốn sang Tàu cầu cứu như sau đây :

— « *Tôn-thất-Thuyết chạy lên ở Lai Châu nương tựa vào nhà họ Đieu. Đến lúc nghe quân Pháp lên đánh liền bỏ họ Đieu mà trốn sang Tàu. Con cháu họ Đieu nói chuyện lại rằng : Khi Tôn-thất-Thuyết lên đến Lai-Châu còn có bốn, năm mươi người đi theo. Lên đây ở một dãy, chém hết hơn 3 phần. Lại có khi toàn hại cả nhà họ Đieu nữa. Xem như thế thì ông Thuyết là một người cuồng dại mà lại nhát gan. Một người như thế mà làm Đại-Tướng giữ nước thì tài gì nước không nguy được».*

Lời chủ thích và bàn của nhà Học-Giả Trần-Trọng-Kim, chúng tôi thấy có điều chủ quan, thiên lệch. Không biết có phải khi viết cuốn Việt-Nam Sử-Lược nhà Học-Giả họ Trần đã chịu ảnh hưởng phần nào về uy quyền thống trị của

* TÒ ĐÀNG MINH

Thực-Dân Pháp, kẻ thù số một của cha con Tôn-thất-Thuyết nên mới có lời chủ thích và bàn trên đây đối với Tôn-thất-Thuyết chăng ? Sở dĩ chúng tôi đoán như thế vì trong cuốn Việt-Nam Sử Lược nhà Học-Giả Trần-trọng-Kim đã dùng nhiều danh từ suy tôn người Pháp rất « Phong-Kiến ». Ví dụ gọi viên Đại-Uy (quan ba) Henri Billet đi hộ giá vua Đồng Khánh là QUAN ĐẠI ỦY Henry Billet (V.N.S.L. Chương XIV, trang 291, giòng cuối).

Tôn-thất-Thuyết là võ tướng, tính nóng nảy lại có quyền thiêng tay, tiền tram, hậu tấu, lập Vua này, phế Vua khác, ai cũng khiếp sợ nên thời bấy giờ không mấy người ưa Thuyết. Bởi vậy, dân gian mới đặt ra mấy câu đong giao sau đây :

« *Nước Nam có bốn Gian hung* »
« *Tướng gian, Viêm dốt, Khiêm khùng, Thuyết ngu* »

« *Lại thêm hai đứa vô phu* »
« *Đè Đức, đè Soạn đứa mu chịu đòn* ».

Gian sảo là Nguyễn - văn - Tường, dốt nát là Hoàng-Kế - Viêm, điên khùng là Ông Ích - Khiêm, ngu muội là Tôn-thất-Thuyết, vô dũng vô mưu là đè đốc Nguyễn-văn-Đức và Trần-xuân-Soạn, hai tỳ Tướng của Tôn-thất-Thuyết.

Lấy những câu đồng giao thời bấy giờ mà phê phán với sự chủ quan thiên lệch e rằng không đúng tư cách của một nhà Việt Sỹ vô tư chẳng?

Dè khỏi tui cho người đã chết, vì nướm lưu vong, thân tang tại Long-Châu hồn uất nơi Tượng-Quận, chúng tôi cần phải đem việc làm, thân thể của Tôn-Thất-Thuyết và hai con của Thuyết là Thiệp và Đạm ra bàn lại để chứng minh cho lòng chung thủy của người đã khuất.

VƯƠNG GIAN NHƯNG THUYẾT CÓ NGƯ KHÔNG ?

Tôn - thất - Thuyết là giòng Nguyễn-Phúc họ Tôn-Thất nhà Nguyễn, triều Tự-Đức làm Tán Tương quân vụ cùng với Lạng Bình Ninh Thái Tông đốc quân vụ Hoàng-kế-Viêm ra Bắc dẹp giặc...

Hồi bấy giờ ở đất Bắc có rất nhiều giặc giã, nội loạn. Nào giặc cờ Đen, cờ Vàng của Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng sùng Anh, giặc Châu Châu của Cao - bá - Quát Cai Tông Vàng, của Lê Văn Phụng tục danh là Cai Tông Nguyễn văn Thịnh cùng với bọn giặc Khách Lý-Dương-Tà.

Quan quân nhà Nguyễn đi đánh mãi không được. Năm Tự Đức thứ 28, vào khoảng tháng 8 năm Ất Hợi (1875), Tôn thất Thuyết

đang làm Tán Tương quân vụ tỉnh Sơn Tây thì gặp bọn giặc Khách Cờ Vàng là một bọn giặc lớn nhứt hồi bấy giờ kéo đến đóng tại làng Châu Thượng, phủ Vĩnh Tường, Vĩnh Yên nhan sang bên Sơn Tây của Thuyết. Thuyết liền đem quân đến đánh. Trận đụng độ đầu tiên Thuyết đã giết được hàng hà sa số quân Cờ Vàng và bắt sống được Hoàng sùng Anh đem trị tội. Giặc Cờ Vàng từ đó lần lần tan rã. Năm sau, Thuyết lại giết được giặc tên Trận ở Cồ Loa và dẹp yên được những bọn cướp ở mạn Sơn Tây, Phú Thọ và Vĩnh Yên. Thuyết dụng binh rất tài tình. Thuyết đúng là một vị quan vở ngày xưa, tính nóng nảy, quân-pháp rất nghiêm đối với con cái, gia nhân cũng vậy.

Truyền rằng, Thuyết đóng quân ở đâu luật lệ quân ngũ hết sức nghiêm minh. Binh lính dưới quyền Thuyết phải tuân theo một kỷ luật sắt. Nơi Tông-Hành Dinh của quân đội Thuyết đóng phải yên lặng. Chó không được sủa, gà không được gáy, mèo không được kêu, trẻ không được khóc, run dê không được kêu nghĩa là mọi vật xung-quanh phải tuyệt đối im lặng.

Dân gian thường gọi Thuyết là quan Tướng. Thuyết có quyền tiền trảm hậu tấu nghĩa là giết trước tâu sau! Có khi giết rồi Thuyết cũng không cần phải tâu về Kinh

nữa. Thuyết giết người không biết ghê tay, gớm máu. Nằm mơ Thuyết cũng giết người.

Theo lời kể lại của những ông già bà cả đã được sống thời Thuyết làm tướng thì Thuyết chẳng những nghiêm minh trong quân ngũ mà thôi đến việc gia đình Thuyết cũng nghiêm như thế.

Lệnh của Thuyết ban ra là phải thi hành ngay không được trì trệ. Đao Phủ quân luôn luôn cầm gươm đứng hầu bên Thuyết để chờ lệnh Thuyết. Một ngày 11 nhứt Thuyết cũng giết hàng chục mạng. Bởi vậy, câu chuyện nhà họ Đinh ở Lai Châu mà cụ Trần Trọng Kim thuật lại trong Việt Nam Sử Lược là đúng. Trên án thư của Thuyết luôn luôn có một mờ cờ lệnh. Hễ Thuyết ném cờ lệnh xuống là một người chết. Nhiều lúc Thuyết đang ngồi ở Án thư xem sách có bóng người đi qua, Thuyết ném cây cờ lệnh xuống là Đao phủ đem người kia ra chém rồi giang dầu cho Thuyết coi. Một hôm, Thuyết ngủ mơ gốc trên án thơ. Không hiểu Thuyết mơ những gì bỗng Thuyết hét lên một tiếng rồi vứt ngọn cờ lệnh sai đao phủ quân chém. Giữa lúc ấy, người vợ Ba của Thuyết đi ngang, người vợ Thuyết yêu quý nhất lúc nào cũng cho đi theo trong quân ngũ, Đao Phủ

quân lo sợ không hiểu Quan Tướng vứt cờ lệnh giết ai? Nhìn quanh quân chỉ có bà Ba, Đao Phủ Quân dành đem bà Ba ra chém đầu. Lệnh của Thuyết rất nghiêm minh dù là con hay vợ, hễ Thuyết ban lệnh chém là chém ngay không được trì hoãn, hễ trì hoãn là dao phủ quân bị chặt đầu. Bởi vậy, Đao Phủ quân thấy cờ lệnh vội đem người vợ Ba Thuyết ra chém. Chém xong đưa dầu vô dâng, Thuyết mới bừng tỉnh nhưng el-ot đã ra lệnh Thuyết cũng làm bình luân. Có đau xót chỉ đau xót trong lòng mà thôi, Thuyết không bao giờ chảy nước mắt cả. Thuyết không khóc bao giờ. Thuyết luôn luôn giữ bộ mặt nghiêm trang, đầy sát khí. Lại một hôm Thuyết nằm mơ ném cờ lệnh giết người con trai nhỏ vừa trong phòng vẫn đi ra. Đao Phủ Quân đem con trai Thuyết vô, Thuyết giật mình ôm lấy lảng người. Một người đầy tớ trung thành của Thuyết cũng bị Thuyết giết khi nằm mơ.

Thuyết đa nghi lắm. Hơi nghi là Thuyết giết ngay không cần suy xét. Trong một buổi khi Thuyết đóng quân ở Thanh - Hóa, Thuyết gặp một người đàn ông và một người đàn bà đang cãi nhau. Thuyết truyền gọi đến hỏi. Người đàn ông thưa rằng:



Vua Ham-Nghi

CL BAN

TÔI THÀN OAN CHO TÒN-THẤT-THUYẾT

— Tôi mua bánh lá (tức bánh dò ở Bắc, tiếng thanh gọi là bánh lá) của Mụ ni, ăn 3 chiếc, mụ nhất định biếu tôi ăn những 4 tôi không chịu nên cãi nhau. Người đàn bà bán bánh thưa : — Hắn ăn của tôi 4 cái, chối có 3 nên tôi không chịu.

Thuyết hỏi người đàn ông : — Một chiếc bánh lá mi ăn mấy miếng ?

Người đàn ông thưa : — Đã 3 miếng một chiếc.

Thuyết truyền quân mỗ bụng người đàn ông ra coi số bánh ăn. Quả người đàn ông ăn có 3 chiếc bánh vì dấu cuống họng ba nắc một cái bánh đã rõ rệt.

Thấy quan Tường mỗ bụng người đàn ông đề khám bánh. Mụ bán bánh lo sợ chết ngất nhưng Thuyết đâu có tha về tội đồ oan cho người ăn. Thuyết truyền đem người đàn bà bán bánh ra mỗ bụng, chém đầu.

Mỗi buổi tối, Thuyết ghét nhứt những tiếng động. Chỗ Thuyết đóng, quân là Chó bị giết thịt cho khói sủa, mèo bị giết thịt cho khói kêu. Hằng đêm run để kêu vang, Thuyết bắt phải đào giết cho kỳ được.

Bởi vậy đêm đêm quân lính của Thuyết cứ phải thay phiên nhau cầm xàm xàm đất cho run để khói kêu. Chỉ vì tiếng run để kêu có khi lính bị chết oan.

Mỗi buổi sáng mai lúc Thuyết thức dậy là nhiều người bị

chết nhứt. Thuyết sôa tóc chống gươm lom khom đứng như mè mẫn, như hốt hoảng, hễ nghe tiếng động hoặc tiếng người đi là Thuyết sợ, ném cờ lệnh bắt chém. Võ phuc kẻ nào đi ngang là bị Thuyết giết rồi.

Tinh tình của Thuyết hung ác, đa nghi như thế nên dân gian ai cũng ghét Thuyết. Chính khi bị Tây lùa đuổi chạy lên Lai-Châu còn có một số người tăm huyết mà Thuyết vẫn còn đa nghi giết không kê số.

Khi được về Kinh để làm Phụ-Chánh Đại-Thần cùng với Nguyễn-văn-Tường. Thuyết chỉ biết có vì nước đánh Tây, còn mưu tri đều do Nguyễn văn Tường bày đặt ra cả. Tường gian hùng, còn Thuyết thời ngay thẳng, nóng nảy. Hễ nghe Tường bàn phải, có lý là Thuyết làm. Có thể nói Tường là lý trí, đầu não, còn Thuyết là hành động, tay chân. Vua Tự-Đức băng hà. Tường đã xúi dục Thuyết lập Hiệp Hòa, Kiến Phúc rồi lại xúi giết đi để lập Vua Hàm-Nghi. Giết Vua rồi lại lập Vua không phải Thuyết tham quyền cố vị mà Thuyết muốn dựa vô uy-tín của một đẳng Quân vương anh minh để kêu gọi nhân tài và dân chúng đoàn kết kháng Pháp. Thuyết đã hy sinh cá nhân, hy sinh, cả cuộc đời, cả danh vọng cho công cuộc tranh đấu Giải-Phóng Quê hương. Thuyết đã cảm thấy nhục nhã làm một tên

TÔI THÂN OAN CHO TÒN-THẤT-THUYẾT

Dân hay là một viên Quan dù là Nhứt phẩm Đường Quan, Nhiếp Chánh Đại thần của một Triều đình nô lệ, mất nước giữa lúc hàng trăm, hàng ngàn kẻ khác bo bo giữ lấy chức phận, cùi đầu, khom lưng làm nô lệ cho bọn ngoại bang. Có lẽ Thuyết ngu vì thế. Thuyết ngu vì không biết gió chịu nào che chịu ấy. Thuyết ngu vì không đạt vận Nước, không biết mình và cũng không biết người, không cảm thấy cái sức nhỏ bé yếu ớt của một Nhược tiểu Quốc như nước Việt Nam hồi bấy giờ mà dám đương đầu với «Quan Đại Pháp», tay không dám chống nhau với súng đòng.

Người đồng chí ruột của Thuyết là Nguyễn văn Tường mà người đời không cho là ngu lại cho là Gian Hùng mới là một kẻ chí ngu. Đối với Tường người Pháp khinh thường cho là hạng biền lận, lưu manh lừa thầy, phản ban, theo đám ăn tàn. Tường dựa vó Thuyết để hống hách, để vinh thân phi gia đến kỉ Thuyết thua chạy, Thuyết và các con dem vua đi ẩn trốn thi Tường gian manh hơn ra đầu Tây để giữ miếng cơm, manh áo một cách dê hèn. Kẻ thù của Dân tộc là bọn Thực dân; một bọn lưu manh chủ trương dùng người Việt trị người Việt mà không thèm dùng hạng Tường vì Tường là kẻ giàn mạnh chó không thể là tên giàn

hung được. Đầu Tây cốt đè vinh thân, phi gia. Đầu Tây cốt đè khỏi phải tội tú. Bao kẻ đánh Tây rồi lại đầu Tây đều được Tây, nể và có khi trọng dụng. Riêng Tường chẳng những không được Tây dùng đến mà còn bị Tây si vả, tống ra Côn Đảo, rồi đưa đây ra đảo Haïti, Thái Bình Dương.

Cái quan định luận (dày nấp áo quan rồi mới đ nh công, luận tội) nay chúng ta đem hành động của Thuyết và Tường ra mà bàn, vậy Tường ngu hay Thuyết ngu?

Cứ như cũ Trần bàn trong Việt Nam Sử Lược thì chẳng những Thuyết ngu mà lại còn dát nữa. Theo tôi Thuyết không ngu hoặc có lẽ vì thời gian cũ Trần viết cuốn Việt Nam Sử lược là thời gian chính quyền Bảo Hộ của Tây đang đe nặng trên đầu nhân dân ta nên cũ Trần phải viết như vậy chăng? Tôi không dám tin như thế đối với một bậc tiền bối mà tôi vẫn hằng kính trọng, một hực. Thầy đã thông hiểu Hán học và Tây học há khi viết Sử, Cụ lại không nhớ chuyện ba Anh em người Việt Sử thời Thôi. Tề thi Tề Quân?

Tính Thuyết có ác, có da - nghi hay giết bậy nhưng không phải tinh tinh ấy mà bảo Thuyết là dát được. Dát tức là sợ và hèn. Nếu sợ, Thuyết đã khoanh tay đứng trước sức xâm lấn của

TÔI THẦN OAN CHO TÒN-THẤT-THUYẾT

quân Pháp, Thuyết không dám động quan Cựu-Thần kè chuyệnl
khởi binh đánh Pháp bằng một
đội quân Phấn Nghĩa của
Thuyết đã chiêu mộ cho triều-
định ngày 23 tháng 5 năm Ất-
Dậu (1885).

Khi De Courcy đến Huế cho
đời Tướng và Thuyết sang hầu.
Thuyết không đi chỉ có Tướng
cang mà thôi. De Courcy hỏi
đến Thuyết thì Tướng bảo
Thuyết đau. De Courcy hách-
dịch bảo khiêng Thuyết sang hầu.
Thuyết uất ức nhất định không
chiu sang.

Việt-Nam Sử Lược trang 281, Cu
Trần-Trọng Kim đã tả hình dáng
của Thuyết và phê bình hành
động của Thuyết khi cưỡng lệnh
De Courcy không chịu sang hầu,
chúng tôi thấy không được vô
trú :

— Đến ngày 19 tháng 5 năm
Ất Dậu, Thống Tướng De Courcy
đem non 500 quân di Tàu vào
Huế. Triều-Định cử hai quan Đại
l'hàn theo quan Khâm-Sứ Pháp
là ông De Champeaux ra đón
quan Thống-Tướng ở cửa Thuận-
An. Sáng hôm sau, Thống-Tướng
cho đời hai quan Phụ-Chánh sang
bên Khâm-Sứ để định việc vào
gель-kiến vua Hàm-Nghi.

Hai ông (Tướng và Thuyết) lúc
bấy giờ còn đang lững lẫy, việc
triều chính ở trong tay mình cả
mà thấy Thống-Tướng làm sự
dường đột như thế cũng đã lúc
giận lắm. Lại cứ như lời mấy

lại thì ông thuyết là quan Văn
làm Tướng Võ nhưng hình dáng
thời không được thanh tú, đầu
thì trọc, người thì béo và đen
cách đi đứng thì không được
chứng chắc, sự giao thiệp và đối
đáp thì không sành. Xưa nay chỉ
lấy quyền thế mà đè nên người
ta, hơi một tí thì lấy sự chém
giết làm oai. Đến khi phải ra theo
lễ bang giao mà đối với một
người tướng ngoại quốc như
ông De Courcy thì trong bụng
khiếp sợ không biêt ra như thế

nào.

Ông Tướng thì là một t y giao
thiệp giỏi lại có nhiều naru cơ và
tài nghề ứng biến cho nên lúc
ấy chỉ có một mình ông Tiròng
sang ra mắt quan Thống Tiròng
De Courcy mà thôi, còn ông
Thuyết thì cáo bệnh không sang.
Thống Tiròng thấy vậy bảo dan
cũng phải khiêng sang.

Ông Thuyết không sang hầu
De Courcy có phải vì ông Tướng
xấu béo và trọc đầu, đi đứng
nói năng không được chứng
chắc, sự giao thiệp đối đáp không
được sành hay vì ông Thuyết
ghét mặt những tên trùm sở
cướp nước ông mà ông không
thèm sang. Nếu quả ông Thuyết
không sành việc giao thiệp thời
ông hãy bắt chước những bạn
đồng liêu của ông hồi bấy giờ
cũng như sau này là cứ việc
cúi gập lưng xuống, vễn tai



Nguyễn văn Tường

lên mà nghe, miệng luôn luôn « dạ » để cầu mong lấy sự thương hại của De Courcy lẽ nào không được.

Hành động của Thuyết là hành động ái quốc. Thuyết chỉ biết có Tô-Quốc nên Thuyết đã gánh bao nhiêu điều thiệt hại chẳng riêng gì cho cá nhơn Thuyết mà cho cả gia đình Thuyết nữa. Người như thế chúng ta có thể cho là ngu và dốt không ?

Nếu Thuyết cứ bo bo an phận với chức Phụ Chánh Đại Thần thì Thuyết cũng như Hoàng-Cao-Khai, Nguyễn - Thành, Lê-Hoan, Hoàng-Kế-Viêm v.v... chờ đâu đến nỗi cha Thuyết là Cù Tôn-thất-Dinh bị Pháp bắt dây ra Côn-Lôn, 2 con Thuyết là Tôn-thất - Đạm, Tôn-thất-Thiệp kẻ bị đâm chết, kẻ treo cổ tự vận chết, còn thân Thuyết thành một ông Già chém đá bỏ xác ở Long-Châu và con rể là Nguyễn-thượng-Hiền cũng phải lưu vong bên Trung-Quốc.

Thất bại trong trận tập kích quân đội Pháp ở Huế ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, Thuyết mang Vua Hàm-Nghi ra trú ở Quảng-Trị rồi một mình lặn lội ra Bắc cầu cứu với Càn Vương đất Bắc. Khi Vua Hàm-Nghi bị tên Việt Gian Trương-quan Ngọc và tên Tinh đầu Pháp phản bắt tại làng Thanh Lang và Thanh Cuộc, Tôn-thất-Thiệp,

con Cù Tôn-thất-Thuyết đang ngủ, giật mình thức dậy cầm gươm ra phòng giữ nhà Vua, bị tên Ngọc lén đâm chết. Thấy Thiệp chết, tên Ngọc làm phản, Đức Hàm-Nghi liền trao gươm cho tên Ngọc rồi bảo : « Giết tao đi còn hơn đưa tao về nạp cho Tây ».

Giữa khi tên Ngọc bắt Đức Vua giao cho Tây thì người con thứ hai của Thuyết là Tôn-thất Đạm ở Ngàn Trươi Hà-tĩnh nghe tin, liền hội các tướng sĩ lại truyền cho ra thủ đề về yên nghiệp làm ăn rồi viết hai bức thơ : một dâng Đức Vua Hàm Nghi để xin tha tội làm tội không cứu đăng Vua ; còn một gửi Thiếu tá Habat đóng ở đồn Thuận-Bài xin cho bọn Thủ Hả ra đầu thú.

Viết xong thơ rồi, Tôn-thất-Đạm nói rằng : « Bây giờ bọn Pháp muốn bắt ta thi vô tim nũa của ta trong rừng này ». Đoạn Đạm thắt cổ tự vẫn chết.

Thật là cha Hồ sanh con Hồ không mang tiếng cho dòng giống nhà Thuyết vậy. Phê bình về hành động của hai người con Tôn-thất-Thuyết, nhà Học Giả họ Trần viết như sau đây : « Ông Tôn-thất-Thuyết làm Đại Tướng mà cư xử ra một cách rất hèn nhát không đáng là người trung phu chút nào. Nhưng hai người con thì thật là bậc thiếu niên anh hùng có thể che được cái xấu cho cha vậy ».

TÔI THÂN OAN C Giriş TÔN-THẤT-THUYẾT

Trong đời người, ai cũng có sở đoản và sở trường, ai cũng có tính tốt và tính xấu, vậy cái tính đa sát của một vị tướng như Thuyết có đầy đủ quyền hành đâu phải là xấu. Vả lại có riêng gì Thuyết là đa sát trong lúc bấy giờ. Lê Hoan giết người nổi tiếng ở đất Bắc, Tông Đốc Lộc ở miền Nam, Nguyễn Thủ ở miền Trung, là những kẻ xưa thời báu nước, hành động nhiều điều đê hèn, bỉ ổi như vụ Nguyễn Thủ đốt xương cụ Phan đình Phùng để trả thù cụ Phan «đám đánh Tây» và không chịu đầu Tây bán nước như Thủ.

Cha già bị dày ra Côn Đảo, hai con chết một cách đau thương chỉ vì hành động ái quốc của Tôn thất Thuyết. Rồi vì Thuyết không chịu được cảnh cui lòn, không chịu được cái nhục vong quốc nên dành Jang thang ở đất Long Châu. Chiều chiều tại Long Châu, Tôn thất Thuyết uất hận nhìn về phía Nam, mặt cau, lòng căm uất, giang tay rút gươm chém lên những phiến đá cho hả giận căm thù mất nước. Dân chúng Long Châu lấy làm lạ vì hành động chém đá của ông già nước Việt.

Rồi tháng 7 năm Giáp Dần (1913), Thuyết chết ở Long Châu. Thuyết chết vì uất hận ngập lòng son, căm thù trào máu đỏ. Thuyết chết chỉ có người con rè thân yêu là cụ Nguyễn thượng -

Hiền, một nhà Chí sĩ Việt Nam đồng thời với cụ Phan bộ Chau, cụ Huỳnh thúc Kháng v.v... đến thăm viếng, ma chay.

Các Nhân sĩ ái quốc Trung Hoa cũng như các nhà Cách Mạng Việt Nam lưu vong ở đất Trung quốc đến viếng Thuyết đôi câu đối :

— **Thù Nhụng bắt cộng dâng thiêm, vạn cõi phượng danh lưu Tượng Quận.**

— **Hộ giá biệt tầm tinh địa, thiên niên tàn cốt ký Long Châu.**

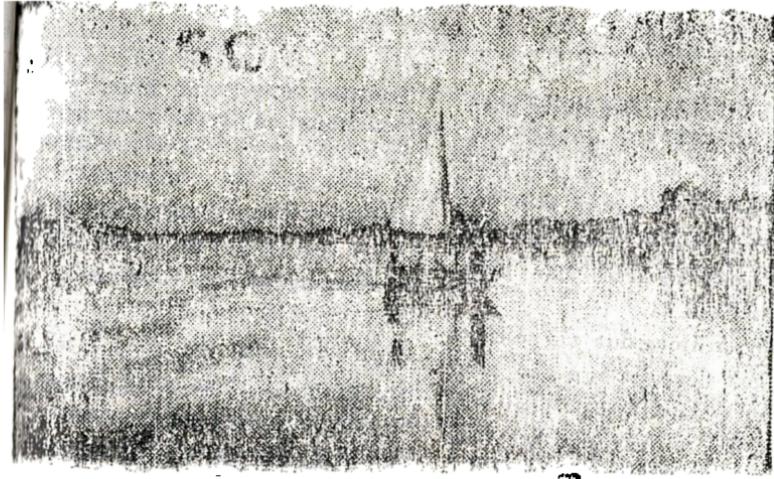
Tạm dịch :

— **Thù ngoại không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng Quận.**

— **Giúp chúa riêng tìm cõi khác, ngàn năm xương bạc gởi Long - Châu.**

Hai câu đối đã tả rõ hết nỗi lòng Thuyết và hành động ái quốc của vị Đại tướng nhà Nguyễn trước nạn xâm-lăng của bọn thực dân Pháp. Thế mà trong Việt Nam Sử lược của nhà Học giả Trần trọng Kinh nó nào hạ bút chê chưởi Thuyết như thế cho đành !

Quả thật là oan cho Tôn thất Thuyết vô cùng:



* VƯƠNG. BỨC. HÀ

Ba-xuyên dì dẽ khó về,
Trai dì có vợ, gái về có con !
(ca dao).

(Tiếp theo P. T. số 23)

N GÀY nay tỉnh Sóc-trăng
và tỉnh Bạc-liêu hợp lại
thành một tỉnh Ba-xuyên rộng lớn.

Sau khi đã đánh một vòng phía
Bắc Sóc-trăng, chúng ta lại trở
về phía Nam.

Qua Phi - trường Ba - xuyên.
trên con đường ngòng-ngoèo ngọt
5 cây số, chúng ta đến Hòa tâm
(Xài-tim) nay đổi Đại-tâm rồi đến
Xài-ca-nả (Nhu-gia). Từ vùng
này tới mặt Nam, chí biến Nam -
Hoa toàn là đất cát và dân chúng
chuyên về da-canhh.

Nhà nông không hề được rảnh
việc. Mùa mưa họ dọn đất làm
ruộng. Mùa nắng thì lo trồng
trọt, rây bái. Dưa hấu và bắp
cải Xà-ca-nả (được danh tiếng
lắm. Từ mấy năm nay, khắp tỉnh
nơi nào cũng có trồng dưa hấu.
Đến như bên "cồn" người ta cũng
trồng được dưa hấu, song có
miếng mà không có tiếng. Thật ra
không có dưa hấu nơi nào bì-kip
dưa hấu Xài-ca-nả !

Dưa hấu có 2 loại : loại sớm
được trái, và loại hái trái trễ.
Loại sớm được trái là loại dưa
xấu; từ ngày gieo hạt đến ngày
hái trái chỉ mất 50 ngày thôi. Còn
loại sau là loại dưa tốt trái, tới
60 hay 70 ngày mới ăn trái được

Hình thù trái dưa hấu không phân biệt được. Hầu hết có thứ dưa ruột vàng và dưa ruột đỏ. Đặc biệt là nếu ta bón phân tôm (có nhiều chất vô) thì dưa ngọt nhất, ngoài ra các loại phân khác thì thua xa.

Dọn đất trồng dưa cần có công kỹ. Ngoài đồng rất hợp cho việc trồng dưa. Tự trung là phải bón phân 2 lần, từ ngày gieo hạt đến tết hoa. Kỳ đầu bón mặn còn kỳ sau bón lạt. Mỗi dây chỉ đẻ vài trái là cùng. Chỉ dưa ngọt và nhì là có giá-trị thôi, dù nhỏ trái.

Năm nào dưa trúng và có giá thì mỗi công dưa có thè bán được từ 8 đến 15 ngàn đồng. Dưa hấu rất sợ mưa. Năm nào mưa muộn và còn sót đến tháng 11 tức nhiên năm ấy thất bại mùa dưa hấu...

Qua khói Nhu-gia chúng ta tới chợ Phú-lộc (nay là quận Thạnh Trị). Hai cây cầu Nhu-gia và Phú-lộc đã xây xong năm 1957, nên sự giao thông rất thuận tiện. Theo đường liên-tỉnh chúng ta tới Bạc-liêu (quận Vĩnh-Lợi) qua Tri-khuôn và Cái-Dầy.

BẠC-LIÊU

Bạc-liêu là xứ quê khờ,
Dưới sông cá trốt, trên bờ
Triều chau.
(Ca-dao)

Bạc-liêu cũng thường gọi là Po-liêu (âm tiếng Tàu — Pé == thứ dăng ngăn cá ở sông rạch ; liếu : chòi nhỏ).

Khi xưa trên bờ sông Bạc-liêu chỉ có một nhóm người Trung hoa đến lập nghiệp. Họ chuyên nghề lưới cá trước. Dưới sông đóng dăng ngăn cá ; trên bờ cất những cái chòi nho nhỏ để ở và giữ dâng, đáy...

Hiện giờ về phía Đông — Bắc Bạc-liêu có ngôi chùa Miên rất lớn. Kế bên ấy chiếm cứ một ngôi trường Tiều-học, mang danh trường Po-liêu...

Dân Bạc-liêu quê khờ hay không thì không biết ; chó về cắn • tám » (ca-dao) ở dưới thì thật là đúng. Sự buôn-bán trong thành phố đều gồm trong tay người Tàu. Còn dưới sông nước mặn có cá trốt rất nhiều. Đó là loại cá ở khắp các sông. Thân nhỏ chừng bằng ngón tay, không vảy, bụng trắng, lưng hơi đen, có 2 ngạnh rất sắc. Cá trốt sống từng bầy rất nhiều — vài trăm đến vài ngàn con — Mùa nước lên, hàng bầy cá tràn lên theo các đường

mường, hào rảnh trong thành-phố.
Nhưng ít ai ăn, chỉ làm phân và
nấu nước mắm vì chúng nó ăn
toute phần.

Thành-phố Bạc-liêu hơi hẹp so
với Sóc-trăng. Bạc-liêu không có
mặt hậu. Đường phố ít sửa-sang
nhứt là sau khi đổi thành quận.
Chợ Bạc-liêu có nhiều cá biển do
những vùng biển đem tới.

Theo con đường trải đá — nay
đã trót đá vì thời-gian — đi về
phía đông tới Vĩnh-châu qua Vĩnh
trạch, Lai-Hòa, Vĩnh Phước; dân
trung hoa sống rất đông.

Towards Đông-nam chợ Bạc-liêu,
qua cầu sắt có con lộ đá chạy
thẳng ra biển. Tại nơi này có đền
cá Ông thờ đã lâu đời Kè từ đó
có con đường đất cát chạy dọc
theo ven biển về phía đông - bắc
song song với con đường về Vĩnh
châu. Con đường này không hẹp
nhưng hơi bất-tiện. Mùa nắng thì
khô, cát nỗi lên, các thứ xe khó
chạy. Còn về tháng mưa thì lầy -
lội lại càng khó giao - thông hơn.

VƯỜN NHÂN



Hai bên quãng đường từ Vĩnh
trạch ngoài cho tới Lai-Hòa ngoài
(Prey-chóp) là vườn nhân. Nhữngh

cành nhán oắn trái về tháng 7.
tháng 8 là-là trên mặt đường.
Những chùm trái tròn mọng nước
màu xám xám lung-lay theo chiều
gió thu như đang chào đón du -
khách. Mùi thơm ngọt - ngọt tỏa
khắp nơi. Những khúc nhạc sâu
do những chú chim đồng trống lên
như ru-lòng khách viễn-phương...
Trong đám nhán xanh um, ló-thor
ân hiện vài mái nhà lụp-xụp, tối
tăm. Ta có thể vào bắt cứ một
mái nhà nào cũng được biệt - dài
cả. Dân ở đây thành thật và hiền-
lành lắm dù họ ít hiểu tiếng Việt.

Nghề trồng nhán lợi to lắm.
Trung bình một gốc nhán bán trên 1
ngàn đồng. Nếu một gia đình trồng
từ 100 đến 200 gốc ; số huê-lợi
thâu vào hằng mùa không thể kẽ.

Hàng năm đến tháng 7 tháng 8
là hái nhán được. Sự chăm nom
nhán không phải là việc dễ. Lắm
công phu. Chủ vườn nhán treo
những chiếc thùng thiếc liên-tiếp
nhau trên cành nhán, nỗi nhau
bằng sợi dây. Ngày thì chăn chim.
Đêm thì đuổi dơi — nhứt là dơi
quạ — mỗi con có thể ăn vài trăm
trái trong một đêm. Người chủ
vườn ngày đêm luôn phiền giữ
nhán. Độ giây lát, họ giựt - dây

dại » thì trong vườn, tất cả những
thùng đều kêu vang rầm-rầm làm
rền vang cả khu vườn. Nếu chúng
ta không hiểu trước mà lọt vào
đó, có lẽ chúng ta hoảng lắm !

VĨNH CHÂU

Vũn 29 cây số, chúng ta đến
Vĩnh châu. Vĩnh châu còn gọi
Trà - nho. Không hiểu sao gọi
vậy ?

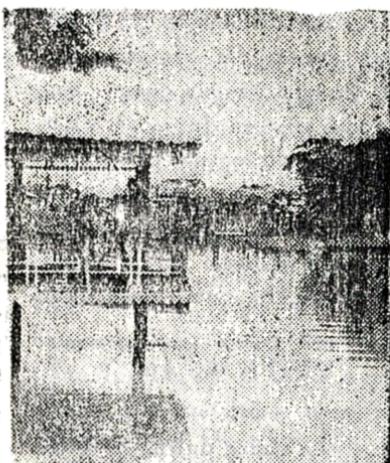
Còn Vĩnh châu thật ra là Vinh
châu (vùng đất mới bồi).

Vĩnh châu trước kia là quận,
sau đổi thành Tông Thạnh Hưng.

Giờ đây có văn phòng Phụ-tá
Quận Trưởng đặt tại chợ. Chợ
Vĩnh châu khá lầm. Phố, lầu sạch
sẽ, chung đợn đẹp mắt. Dân
đông. Người Tàu có tới 60%
trong số người Việt và Miên.

Phía nam chợ Vĩnh châu có con
lộ ra biển, lối cây số gấp con
đường từ vườn nhân đi lên tạo
thành ngả tư giòng biển. Chịch
về hướng tây lối 500 thước có
ngôi miếu.

PHƯỚC - HƯNG CỎ MIỀU



Nhà mái trên sông Sóc-trăng (Baxuyêñ)

Miêu này còn gọi chùa « Xà-bố » (âm tiếng tàu : ngựa cây). Miếu rộng lối 2 căn nhà, xây tường gạch, mái ngói. Bên trong thờ 3 vị thần (ông « bỗn »). Hai bên vách vẽ hình xưa. Trong những bức hình ấy có hình 3 anh em Lưu bì, Quan-Công, Trương Phi kết nghĩa tại vườn đào. Trước miếu có 2 cây diệp (phượng) rất lớn, sống trên 50 năm. Đầu mùa mưa diệp trổ hoa đỏ cành — rò 2 lần — năm nào trổ hoa trễ là mưa muộn.

Theo vài ông lão trong xóm là lại thì cách đây lối 100 năm trước miếu là bãi biển. Rừng rú um tùm. Một vài gia-dinh Trung-hoa đến lập-nghiệp. Lần-lần thêm đông, sống lẫn lộn với người Cao-miên. Khi ấy ở nơi này có cợp thường phá rối sự an-ninh, làm ván đục đời sống yên tĩnh của dân quê. Nhưng nhờ sự đoàn-kết họ tiêu trừ được loài thú dữ.

Và cũng vào khoảng ấy, con ngựa bạch của vua Cao-miên (?) chạy lạc đến vùng này. Vua cho người theo tìm. Nhưng vẫn bắt tóm. Ít lâu sau, trên bãi biển có khúc gỗ giống hình con ngựa từ lâu trôi dạt đến. Từ mờ sáng,

nhiều người trông thấy « con ngựa cây » chập chờn trên sóng biền. Sáng ra dân chúng hay tin đồ xô ra xem. Mọi người đều ngờ rằng mảnh gỗ ấy là « hiện-tinh » của con ngựa nói trên. Họ truyền ra thấu tối tai nhà vua Miên. Vua truyền cho em gái cùng số cận thần túc-tốc họp dân cử hành « đám phuớc » cầu siêu vong hồn cho con ngựa thân yêu. Do đó, dân bèn lập đền thờ tiếng gọi « xà bố ». Trước miếu trồng 2 cây thốt-nốt dè làm kỷ niệm. Đến năm Thìn, trận bão làm ngã một cây. Còn một đền năm 48 lính Pháp bắn g่าย ngọn và tiêu luôn:

Mấy năm gần đây, sau giặc già, dân quê vẫn sống yên ổn và một lòng thờ « thần mã », dè tò lòng tri-ân bèn hợp lực dựng lên ngôi miếu đẹp hơn, ngoài cửa đền : « Phuớc hung cõi miếu. »

*
Mảnh đất kế ngả tư (còn gọi Long-Hải) trước năm 45 quân đội Pháp lấy làm sân bay. Do đó, anh em họ Trần-Trinh... có máy bay hay đậu sân này. Người ta thường gọi anh em họ Trần Trinh

ĐÂY ! SÓC-TRĂNG

là Hắc công Tử và Bạch công
Tử vì chúng đã từng gây sóng
gió khắp tỉnh Sóc-trăng — Bạc-liêu
này. Mà danh từ công tử Bạc-liêu
cũng ám chỉ anh em họ ấy !



Nhân dân miền duyên hải Bạc
liêu sống về nghề biển và ruộng
rây. Công việc biển gồm có :
dánh lưới, dầm xiệp (lưới tê hay
lưới tép), lưới rọ, lưới chì, đặt
nò... Nơi nào cũng chuyên nghề
rây và nghề ruộng. Địa thế cao
rào ; đất khô, hiếm nước, ít sông,
nước mặn và phèn, nên mùa màng
hay thất.

Nói đến vùng này, chúng tôi
không quên nhắc đến ván đề muỗi.
Thật vậy, rạn muỗi gồm lắm !
Bạn đêm nghe muỗi kêu mà lạnh
nhìn ! Người ta ví « muỗi kêu
như sáo thổi » thật không ngoa
chút nào. Đến nỗi những trường
ở vùng xa phải hung muỗi trong
lớp mới ngồi yên học được. Thật
thảm đạm quá !!!



Đường lên xứ Mỹ cong cong,
Lộ xe vắng lạnh, đồi nòng
gẹp-ghẽnh !

Một buổi sáng về mùa mưa,
trời không đẹp lắm, chúng tôi cả
thảy năm người đi Mỹ - Thành
bằng xe đạp. Đường xa băng -
băng 24 cây số. Sở dĩ chúng tôi
tôi chức đi xe đạp là vì đường ấy
không có xe chạy tới cửa Mỹ -
Thành. Vả lại, chúng tôi cũng
ham thích thể-thao lắm lắm !

Đi Mỹ - Thành có hai ngả :
ngả phía Đông và phía Bắc.
Đường không trải đá chỉ toàn
băng cát.

Qua cầu phía Bắc chợ Vĩnh -
châu, vượt 12 cây số, chúng tôi
đến xã Lạc-Hòa. Đoạn đường
này chỉ có vài chuyến xe trong
một ngày thôi. Hai bên đường có
cây cao che bóng mát. Thỉnh
th thoảng hiện ra một khoảng trống,
nhìn đồng ruộng bao-la chạy dài
tăm - tắp đến rặng cây xa xa.
Người Tàu, Việt và Miên ở rải
rác khắp nơi...

(Còn nữa)

SINH HOẠT VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI PHÁP

Bạn đọc PHÒ-THÔNG đã biết Ông Gustave Meillon, Chủ tịch hội Việt Pháp ở Paris và giáo sư Việt-nam tại trường Đại-học sinh ngữ Á-Đông ở Thủ đô Pháp. Tháng trước Ông có sang viếng Việt Nam do chính phủ Pháp phái qua để nghiên cứu tình hình văn hóa nước ta từ sau chiến tranh. Ông có tiếp xúc với rất nhiều giới Trí-thức và Văn-học Việt Nam ở khắp nước. Hôm 18-10, Ông có diễn thuyết tại Trụ sở Phái bộ Văn-hóa Pháp ở Saigon về vấn đề « Văn-hóa Việt-Nam ở Pháp ». Ông diễn thuyết bằng tiếng Việt, và Ông nói rất hùng hồn lưu loát, được rất đông thính giả nhiệt liệt hoan nghênh. Bài thuyết trình của Ông chứa đựng nhiều báo cáo rất ích lợi về địa vị của Văn-hóa Việt-Nam ở Pháp và thái độ của sinh viên Việt-Nam đối với Văn-hóa của Việt-Nước ở nơi đất khách quê người.

Bạn đọc PHÒ-THÔNG ở Paris, Bordeaux, Montpellier, Lyon, Marseille, có ý kiến gì về vấn đề này không? Chúng tôi mong các bạn tham gia thảo luận.

Giáo sư Meillon có nhã ý gửi bài thuyết trình của Ông cho Phò-Thông. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn giáo sư, và xin dâng nguyên văn như sau đây để quý Độc giả đồng lâm.

N. V.

* GUSTAVE MEILLON

Thưa quý ngài, Thưa quý ông, quý bà, quý bạn. Có lẽ không một ai là không biết rằng nhiều vạn người Việt-Nam hiện đang sống ở Pháp. Đối với nhiều người trong số đó, những biến cố trong vòng hai mươi năm gần đây là lý-do chính đã khiến họ phải rời quê - hương xứ-sở. Trước hết là những thơ-thuyền, gọi là « thơ không chuyên môn », đã sang Pháp trước kỳ thế-chiến thứ-nhì mà thêm vào con số những người Việt-nam đã ở sẵn đó. Họ cõt đẽ thay - thế những người Pháp bị động - viên đẽ bảo-vệ đất nước. Rồi khi cuộc xung-dột kết liễu ở Âu - châu, chính nước Việt-nam cũng đã

SINH HOẠT VĂN HÓA VIỆT-NAM

trải qua một thời-kỳ chiến - tranh thảm khốc trên đất này, với tất cả những cảnh nghèo nàn, tang - tóc và tàn-phá. Bấy giờ nhều lợp người cũng đã di-cư từ Việt-nam sang Pháp. Gần đây, từ khi người ta đã tò rá khôn-ngoan hơn sau những sự hy - sinh, mà một phần chỉ có tính-cách tạm - thời, như cuộc phân-chia Việt - nam ở Bến-Hải, có thêm những làn sóng Tây-du khác nhở hơn. Nước Việt nam độc-lập thấy rõ rằng thành lập những ngạch chuyên-viên trong mọi ngành là một điều thiết-yếu. Do đó nhiều sinh-viên đã được gửi đi ngoại - quốc, nhất là đi Pháp, vì họ không thể thâu - thái được ở nước-nhà tất cả những hiểu biết cần-thiết. Vì vậy mà ở Pháp hiện có tới hơn bốn ngàn thanh-niên đang theo đuổi việc học về mọi ngành, ở những trường đủ loại.

Phải chăng như thế là số người quan-trọng ấy chỉ còn vài dây liên lạc lỏng-lẻo với tờ - quốc họ ? Chắc-chắn rằng một số thợ - huyền đã lập gia-dình tại chỗ, đã sinh con đẻ cái và có nghề sinh - nhai như bát-cú người thợ Pháp nào. Cũng chắc-chắn rằng một số gia-dình Việt-nam đã sinh - cơ lập - nghiệp ở Pháp trong những điều-

kiện có thể gọi là vĩnh-viễn. Cuối cùng, hiền-nhiên là một số sinh - viên còn tiếc nǎ quá lâu tại vài trường nào đó, để giặt hết mành bằng nợ đến mảnh bằng kia, rồi xong những năm học dài dằng - dẳng ấy, đã kiếm được một sở-lam. Sở-lam ấy, trong các co-quan kinh d-anh, sẽ giúp họ đem ứng-dụng những hiểu biết về lý-thuyết của họ, khiến họ có thêm nhiều kinh-nghiệm thực-hành, mà đầu sao, ta cũng không phủ-nhận được tính-cách hữu-ích.

Nhưng ta chỉ cần quan sát gần hơn một chút là-lối sinh-hoạt của những người Việt-nam ấy là nhận thấy rằng sự thật khác xa bề ngoài. Nhiều người đã khéo tạo ra cho mình, trong phạm-điều gia-dình họ, một khung - cảnh nhắc lại được quang-dài niêm - thiếp của họ. Nhiều người, tùy số thời-giờ mà họ đề ra được, tùy số vật - phầm mà họ mua được, vẫn ăn theo lối Việt - nam. Số khách ăn cũng không phải ít trong những tiệm ăn V.N. khá nhiều, ở Ba-lê cũng như ở những thành-phố chính các tỉnh, là một bằng-chứng rõ-ràng. Rồi những ngày hội-hè lớn trong năm là những dịp cho các cuộc hội-họp trong đó người ta nói

chuyện về xứ sở, người ta trao đổi những tin-tức từ nước nhà sang. Trong dịp Tết và ngày Quốc-khánh, các cuộc vui - chơi, tò-chức công-cộng, hắp dẩn hàng ng n người tham-dự. Ai nấy đều sung sướng được chung sống, đều là trong khoảnh-khắc, trong phút thông-cảm với các đồng - bào ở nước nhà. Dĩ-nhiên là trong cảnh tha-hương, lòng nhớ quê - hương đã xâm-chiếm tâm-hồn họ..

Rồi đều đều, mỗi chuyến tàu, mỗi chuyến máy-bay lại đem về đất nước Việt-nam một vài đứa con yêu-dẫu; và còn mong gì hơn thế nữa, vì xứ-sở này vẫn cần đến tất cả các con-dân, xứ-sở còn cần đến những chuyên - viên đã được đào - luyện kỹ - càng, mà không đòi-hỏi một khả - năng chuyên - môn quá cao. Xứ - sở đã và còn hiến cho họ một phạm-vi hoạt-động rộng-rãi trong đó, hơn bất cứ nơi nào khác, họ sẽ thực-hiện những hoài-bão của họ đúng với khả-năng của họ, thích hợp với bôn-phận công-dân của họ, trong đại gia-dình tò-quốc.

Những cuộc ở Pháp về » ấy thường là những dịp cho họ kè-lại, trong những lúc trà dư tửu

hậu, đời-sống của họ ở một nơi xa-cách ngàn trùng ra sao, với tất cả những nỗi vui - buồn, thương-nhớ, những mối hy-vọng, những phút ngã-lòng, nhất là trong khi không ai là bà-con thân-thích. Họ tả lại những nơi-chốn dày ký-niệm mà họ đã lui-tới, những khung-cảnh quen thuộc mà họ hay còn luyến-tiếc. Thế là đôi khi, một mối u-hoài khác lại chớm dậy trong lòng, và họ lại mơ-tưởng đến một cuộc viễn-du mới.

Tuy vậy, mặc dầu tất cả những tâm-sự ấy, dầu tất cả những mẫu chuyện ấy, ta vẫn còn có thể dừng lại đời phút mà không sợ thành nhảm-lời, để nói về cục-diện chính của đời sống văn-hóa Việt-Nam ở Pháp, và thử phác họa những nét chính về đời sống ấy.

Chúng ta đang ở ngoại-quốc. Nếu chúng tôi nhấn mạnh vào sự hiền-nhiên đó, lý-do là, ngay từ buổi đầu, phải nhận-thức rằng những điều-kiện sinh-hoạt khác nhieu, và nhân đó, cả sự hoạt-động của mỗi người cũng khác, mặc dầu về nhiều điểm, vẫn có thể so-sánh được. Một thí dụ sẽ giúp ta hiểu ngay. Ở Sài-gòn, và ngay ở những nơi khác, có

SINH HOẠT VĂN HÓA VIỆT-NAM

những hội văn-học. Một vài buổi tối nào đó, văn-nghệ-sĩ tụ-hợp lại ; trong bầu không-khí đầy hương-vị của tao-nhân mặc-khách, và, nếu có thể, dưới ánh trăng sáng dịu, họ sẽ trình bày tác-phẩm của họ, những lời thơ nhẹ-nhang, những câu văn chải-chuốt. Rồi họ ngâm ngợi ; họ phàn-bình những tác-phẩm ấy mà, nhiều khi vì nhữn nhẫn hay vì dè-dặt, tác-giả không dè phồ-biển. Trái lại, ở Pháp, theo chỗ chúng tôi biết, thì không có được những cảnh như thế trong giới Việt-nam. Ở đó, những hoạt động văn-nghệ thuần-túy thường hiếm-hoi, trừ vài trường-hợp đặc-biệt, gặp dịp thuận-tiện để tự-do thực-hiện, vì sinh-hoạt văn-hóa Việt-Nam hầu như thuộc cả về phái thanh-nền mà mỗi bǎn-khoán dáng kề nhau là sự thành-công trong việc học, tiên-riệu của sự thành-công trong cuộc sinh-hoạt mai sau.

Những kẻ chủ-dòng trong đời sống văn-hóa ấy chính là những học-trò, và tiếng « học-trò » này, chúng tôi muốn hiểu theo một nghĩa rộng nhất là những « người còn đi học ». Người ta gặp họ trong tất cả những thành-phố Pháp, rải-rác và biệt-lich trong

các đô-thị nhỏ ở tỉnh. Họ là những học-sinh trường trung-học: này hay trường trung-học nọ ; họ là những sinh-viên, ở các viện đại-học mà chúng tôi thấy rằng vài nơi hình như được họ ưa-thích hơn : Marseille, Montpellier, Toulouse, Bordeaux, và nhất là Ba-lê. Họ theo học ở dãy các môn học khác nhau, tùy theo sở-thích của họ : y-học, dược-c-học, luật-học, và gần đây — một điều rất đáng mừng — những môn thiên về kỹ-thuật.

Là nội-trú hay ngoại-trú, đời sống của họ không có thay-dời chí nhiều. Suốt ngày họ có mặt ở giảng-đường hay ở thư-viện, tận-dụng số thời-giờ mà họ có, và thúc-thật khuya để khỏi chậm-trễ trong việc học hỏi. Như vậy, đa số các sinh-viên làm việc, học - hành và tiến-bộ khả-quan. Những người giỏi nhất, khi thi đậu, được báo chí nêu danh, và đó là lẽ đương-nhiên. Nhưng cũng cần phải thừa-nhận công phu của những kẻ khác, những kẻ dầu không có những thành-tích vang cho lắm, cũng không vì thế mà không thành-công trong việc học, và không góp phần vào việc biều-duong thanh-danh xứ-sở ở ngoại-quốc.

Cố-nhiên cũng có những lè - ngoại. Vài người lè bước từ lớp này qua lớp khác, nếm hết trường họ đến trường kia, và dành tất cả ngày-giờ quí-báu cho các cuộc du-hí sẵn-sàng đón rước họ : kết cuộc; họ không đạt đến một thành quả nào đáng kè. Trường - hợp các sinh-viên ấy tương-phản với các trường-hợp trên rõ-ràng đến nỗi nó có một giá-trị quan-trọng quá-dáng dè gán cho sự thật một tinh-cách không hay mà ta phải biết là chưa đúng.

Sự thật buộc ta nói rằng những lè-ngoại ấy sẽ hiếm hơn nữa nếu con-em được hưởng-dẫn cần-thận hơn, nếu các bậc phụ-huynh sáng suốt hơn. Có một thời - kỳ mà thanh-niên có trong tay những số tiền không-lồ, tiêu-xài vô ý thức, hoang-phí không giới-hạn. Chính họ lôi-kéo đến với họ những cảm-đỗ của sự vui chơi đủ loại, và đi đến chỗ bỏ-bê học-hành. Thời-ky đó đã qua, nhưng các bậc phụ-huynh không nên quên rằng họ phải tính cho đủ g mức những nhu-cầu của con-em, và sự quá - độ nào cũng có hại, ngay về tiền-bạc.

Phụ - huynh còn phải lo cho con-em những người đỡ đầu đáng

tin-cậy. Con-em cần đến những phương-tiện vật-chất, nhưng cũng cần đến những người có kinh-nghiệm dè, thay-vì gia-dình vắng mặt, có thể hướng + dẫn, khuyên-nhủ, khuyễn - khích, hay răn-bảo họ, dè giúp họ vượt được những khó-khăn mà sự thiếu kinh-nghiệm của họ có thể khiến thành nguy-hiểm nữa. Phận - sự của những người lớn ấy tể-nhi và quan-trọng, hơn ta thường tưởng. Cách mà người ta làm tròn phận sự ấy nhiều khi định - đoạt cho chính tương - lai của con - em, đến nỗi những lối-lầm + điều-khiển có thể đưa đến những thất-bại chua cay. Những thất-tại ấy do ở sự thiếu tinh-thi nírách-nhiệm của người lớn hơn là ở bản-tính kém-cỏi của kẻ mà họ phải trông-nom.

Điều, này không đem ta đi xa vấn-dề của chúng ta, như người ta có thể tưởng, vì mỗi người Việt-nam ở ngoại-quốc là một sứ-thần của đất-nước, một đại-diện phát-huy văn-hóa dân-tộc Họ là hình-ảnh linh-động của xứ-sở họ, và người ngoại-quốc xét nước Việt-nam một phần lớn qua hình-ảnh ấy. Nhiều giáo-sư có thiện-cảm đặc-biệt với nước Việt-nam

SINH HOẠT VĂN HÓA VIỆT-NAM

hơn vì các học-trò Việt-nam của họ đã biết khiến người ta chú ý đến nhờ hạnh-kiệm rất tốt, nhờ tính cẩn-mẫn trong việc học, nhờ tình bạn chân-thành trong sự giao-du.

Cũng những đức-tính ấy đã có ảnh-hưởng rất nhiều đến các sinh-viên Pháp. Những người này đã kết-bạn với sinh-viên Việt-nam, và tình-bạn ấy càng là một yếu-tố để tạo ra những dịp trao-dồi thông-tin về hai xứ. Người ta, khó mà tưởng-tượng được số những cuộc nói chuyện về tình-hình h' xú-sở của hai bên trong tình-thân-hữu ấy.

Như vậy, những sinh-viên ấy biết gây thiện-cảm cho mình với các thầy và các bạn, cũng như với những người trong hoàn-cảnh si:h-hoạt của họ bao nhiêu thì họ càng khiến chính nước Việt-nam được chú ý đến bấy nhiêu. Bấy giờ, nhiều cuộc nói chuyện được trao-dồi, hàng ngàn câu-hỏi về Việt-nam được đặt ra, và tất cả những gì dính-liu đến Việt-nam được lưu-tâm đến. Đó là những trung-tâm p át huy văn hóa Việt-nam uy nho-nhỏ nhưng ta không nên coi thường.

Những trung-tâm khác có một

hình thức rõ-rệt hơn: Ta có, thè-kè, chẳng hạn : những buổi diễn-thuyết đầy hứng - thú-tò-chức ở Trung-tâm Sinh-viên đường-Monge (do cơ-quan Văn-hóa tòa đại-sứ Việt-Nam), những cuộc hội-họp có định-kỳ ở Hội Truyền-giáo Gia-tô, tại đại-lộ Observatoire, những cuộc tò-chức trí-thức, nghệ-thuật và chiếu-bóng: của Hội « Thân-Hữu Pháp Việt » (Association « Amitié France-Vietnam »). Thêm vào đó có nhiều tạp-chí Việt-nam, như tạp-chí « Tin văn-hóa » của tòa đại-sứ Việt-nam, ấn-hình, và những tạp-chí của sinh-viên luật-khoa, sinh-viên y-khoa và dược-khoa. Các tạp-chí đăng những bài thật đúng-dắn trong đó có những bài về các văn-dề Việt-Nam. Sau cùng, ta cũng không thể quên, trong bản-tòng-kê quá sơ-lược này, một số sinh-viên vẫn viết những bài rất được tán-thưởng cho những tạp-chí phát-hành ở Việt-nam, nhất là tờ tạp-chí rất có giá-trị của viện Đại-học Huế: đó là tờ Đại-Học. Nói một cách tòng-quát, những bài-viết đó, chứng-tỏ ở tác-giả những khả-năng chắc-chắn và góp một phần không phải là nhỏ vào sự đề-cao.

thanh-danh của Việt-nam.

Tất cả những hoạt-động dù loại ấy nuôi - dưỡng một cuộc sinh - hoạt văn - hóa Việt - nam mạnh - mẽ, với sự tham - dự của những người có đủ các quốc-tịch, từ đủ mọi nơi đến; điều này nhờ ở uy-tín của văn-hóa Pháp và số người ngoại-quốc rất đông theo học các trường đại-học Pháp.

Một trạng-thái sinh-hoạt văn-hóa Việt-nam khác nữa ở Pháp đã tìm thấy trong chương-trình giáo-đục Pháp. Chúng tôi đã nhận thấy, trong số nhiều sự-kiện khác, rằng những tha-hiên Việt-nam sống ở Pháp cần phải luôn-luôn hướng về tò-quốc đe, khi tốt-nghiệp, có thể trở về phụng-sự qnốc-gia. Muốn thế, không gì bằng chính văn-hóa, mà bồn - phận họ là phải thâm - nhuần một cách sâu-xa hơn. Họ không được phép sống như những kẻ mất gốc, mà trái lại, phải luôn - luon, ngay trong lúc xa quê-hương, tìm cách thâu-thái thêm những hiều - biết mới về nước-nhà. Ai đã dám tự-hào là biết rõ đất nước, nhất là vì tuổi nhỏ, vì chiến - tranh, họ

chưa có nhiều dịp đi đây đi đó để nhận-xét, và sự học-hỏi về nước-nhà của họ chắc-chắn còn thiếu-sót, đôi khi ngay ở trong trường, không nói gì ở ngoài đời.

Do đó, trong những năm gần đây, một phần quan-trọng đã dành cho ngôn-ngữ và nền văn - minh Việt-nam trong chương-trình học và chương-trình thi Pháp. Tiếng Việt đã được kè trong chương-trình đối với chí-h người Việt - nam, hoàn - toàn ngang hàng với những ngôn-ngữ gọi là « quan-trọng nhất », tiếng Anh, tiếng Đức chẳng hạn. Tiếc thay, chúng tôi nhận thấy rằng đôi khi thanh-niên Việt-nam đã từ-chối không thụ-hưởng những sự thuận - tiện dành cho họ, không phải vì còn lo học-hỏi thêm về các mặt khác, mà vì sợ những khó - khăn mới chồng thêm vào việc học của họ ! Tuy vậy, ở vài trường đã sẵn cho họ những điều-kiện dễ-dàng để có một chương-trình Việt - nam giúp cho họ khỏi phải so - bì về mặt ấy, ở bất - cứ diêm nào, với các bạn ở nước nhâ, và khỏi phải cảm thấy thua-kém cũng về mặt ấy, khi trở về xứ-sở.

(Còn nǚa)



DẠ SẤU

Trà giấc nghe sầu lên gối chăn
Cô-liêu vây xuống tự cung Hằng
Nghe hương phấn lạ vào xiêm áo
Nửa giấc thơ buồn lạnh ái-ân.

Trăng ở ngoài kia tôi ở đây
Phòng hoang từ độ gió hương gầy
Tiêu tan đến cả hòn khuê-nữ
Lòng thức với đêm mộng trăng ngày.

Gió lạc trời xa mây hết xanh
Người vui cùng với mộng lâm-hanh
Mùa xuân đi hết không thương tiếc
Tôi gởi hồn theo bước viễn trình.

Lạnh nhường chiều hoang, mưa cuối sông
Nửa đêm chợt tỉnh nhớ muôn trùng
Cô-liêu vây kín hòn hoang dại
Anh hối phương nào anh biết không?

HOÀNG-THỊ DUYÊN-HẢI



KHI nhìn
thấy trái « ô
buy » nằm
chình ịnh
trong một,
cái hố nơi
thửa ruộng
của mình,
bác Tấn,
một nông
dân cùa
xóm Mai
Thanh, run
lên bần bật.
Nếu bác

không nom thấy và với một
nhát cuốc bồ xuống thì thử
hỏi rằng đời bác sẽ ra sao ?

Bác chưa đi lính bao giờ như
Mạnh, người hàng xóm của bác
nên bác không hiểu cách thảo
gõ ra làm sao. Bác chỉ biết rằng
đung vào nó thì nguy hiểm lắm.

Bác lặng ngắm « của quý » đó
một lúc lâu mà không biết tính
sao. Bác cũng không muốn về
hỏi người hàng xóm mà bác
đang ghét cay ghét đắng họ. Đã
từ lâu, bác và hắn giận nhau vì
cây mít mọc ở bờ đâu hai nhà.
Gốc cây thi ở bên phia bác
nhưng cảnh
lại chĩa sang
bên cạnh và
lẽ dĩ nhiên
những trái
mít thơm
ngon đã
được ông
hang xóm

quý hóa bê mang vào nhà dùng
một mình.

Nhưng chẳng lẽ cứ để trái « ô
buy » ở đây, nhớ ra có bọn trẻ
chăn trâu nào chúng thấy và có
thể chúng mang ra nghịch thi
nguy. Báo chí đã từng đăng nhiều
vụ trẻ nit, vì không biết đã đập
đạn để rồn chơi rồi chết tan xác.
Bác phải tìm cách mang về nhà
rồi di bão các hương chức trong
làng tới để lấy đi.

Không phải bác là người thút
nhút đã tìm thấy đạn bởi vì
những thứ này thấy thường luôn
trong khu cánh đồng làng bác.
Chiến tranh kết liễu, hòa bình
mới được tái lập, nhưng những
viên đạn giết người kia vẫn còn
nằm rải rác ở cánh đồng chưa
lùm ra hết vì ruộng nương bỏ
hoang từ lâu, cỏ lau mọc rậm rạp
qua.

Rất khéo léo, bác Tấn lấy
được viên đạn lên. Nó không to
lắm nhưng cũng nặng và đã rỉ
vi đất bám nhưng cũng còn nguy
hiểm.

TRUYỀN NGĀN

Trái

« Ô-BUY »

* HOÀNG THẮNG

Bác nâng nó như nâng trứng nhẹ nhàng, nhẹ nhàng, bác bước chậm chạp theo dọc bờ ruộng của mình để lên đường cài. Không thể vò ý đẽ đánh rơi nó được : muôn vạn phần nguy hiểm.

Khi đi ngang qua ruộng của người hàng xóm, một ý nghĩ thoáng hiện trong óc bác Tấn.

« Tôi gì mang về cho nhọc xác rồi nhở ra... Tiện có đốt cổ ở trong thửa ruộng của lão Mạnh mà hắn mới dọn được mấy hôm nay chỉ còn chờ khô là đốt... »

Đảo mắt nhìn từ phía, không có một bóng người. Im lặng bao trùm toàn cá h đồng. Bác Tấn tiến nhanh lại đống cổ và lẹ làng dứt trái « ô-buy » vào giữa đống cổ cao.

Vừa soa tay bác vừa nghĩ « ngày mai hoặc một tên Mạnh đáng ghét sẽ đốt đống cổ này. Nào xem hắn có còn tranh giành những trái mít của ta nữa không ! »

*

Vì có việc phải ra tỉnh, ba ngày sau bác Tấn mới trở về làng. Từ dâng xa, bác đã trông thấy vợ bác đứng chờ ở cổng bộ mặt nghiêm trọng như cốt chờ bác về để báo một tin đặc biệt.

— Minh không biết gì cả về bác Mạnh sao ?

Bác Tấn gai, mặt tái hằn đi khi nghĩ tới trái « ô-buy » mà bác đã giấu kín trong đống cổ của người hàng xóm. Rất có thể hắn đã chết khi đốt đống cổ khô đó.

Bác run run hỏi vợ :

— Có chuyện gì thế ? Tôi ở tỉnh về có biết gì đâu.

— Có một chuyện lạ đến với bác ta mà không phải là đến với mình.

Bác Tấn gai sot ruột :



— Nhưng đó là chuyện gì mà mình cứ úp úp mở mở hoài vậy ? Nói mau coi.

Bác Tấn gai kẽ lè :

— Cách đây hai ngày bác Mạnh ra đồng đẽ đốt cổ khô... Sau khi tàn ngọn lửa, bác ta mới tăi do ra khắp ruộng thì cái sêng của bác chạm phải một vật bằng sắt. Bác ta nhìn kỹ thì là một trái đạn « ô-buy ». Chắc mình cũng đoán được là bác ta run sợ lắm nhỉ ? Nhưng vì bác ta trước có đi lính phao thủ nên biết ngay nó không có kip và không có thuốc nén nó không nổ.

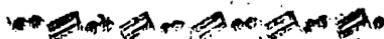
Cầm lên thấy nặng, mờ ra coi.
Trời, ở trong toàn là vàng là
vàng. Chắc một người giàu có
nào đó sợ để vàng ở nhà sẽ nguy
hiểm cho tính mạng của mình
cũng như của gia đình nên họ đã
giấu bằng cách đó... Có lẽ tới
hàng mấy trăm ngàn... Ô, vẫn
luôn luôn những kẻ gian tham thi-

lại được ông trời đoái tới. Thật
chẳng công bằng chút nào cả

Tại sao lại không là mình
nhất được trái «ô-buy» đó nhỉ ?

Bác Tán trai bàng hoàng, thở
thần nói :

— Ủ, tại sao mình khôngくな
được trái «ô-buy» đó nhỉ ?



* MỘT NHÀ BÁCH HỌC UYÊN THÂM *

Ông Bigourdan, một nhà thiên-văn danh tiếng của Pháp, chết vào năm 1933, vốn rất ưa cần đối với ký-giả. Nhưng mỗi lần được phỏng vấn, ông lại hụt quên rằng ông đang tiếp chuyện với những người không am hiểu về thiên-văn học. Ông nói về tinh vân, sao, hành tinh cho các ký giả nghe mà không cần giải nghĩa cũng như khi ông diễn thuyết trước Hán-lâm-viện khoa học.

Với một giọng thao thao bất tuyệt, ông cố thường những con số dì thường, cũng như một thi sĩ ngâm lên bài thơ vừa viết xong. Nhiều khi ông bước lại bản đèn, viết một loạt phương trình, lại trả về chỗ cũ, tiếp tục cái khái niệm vượt khỏi tầm hiểu biết về toán của các ký giả. Ông lại bình tĩnh nói rằng :

— Đây, tôi giao các ông làm những bài toán khó này !!!

* TẤI RÌI *

Anh Tám là người giúp việc cho ông Z. người có chén trong Hán-Lâm-Viện. Một buổi sáng, anh Tám vào phòng ông chủ để nhờ người viết hộ một bức thư cho người bác, vì anh Tám rất dốt. Sau khi viết xong bức thư, ông chủ bèn trao cho anh Tám, nhưng anh này liền cung kính nói : «Thật là đội ơn ông, nhưng một bức thư mà không có tái bút thì chưa phải là một bức thư. Vậy xin ông làm ơn thêm...»

Rồi ! ông chủ nói, vừa cười mỉm : chí, vậy anh muốn tôi thêm cái gì ?

Dạ, xin ông đền giùm : hãy miễn thứ những lỗi về chính-tà !!!

CA KỊCH

Việt-Nam



THUYA

QUAN niệm « sinh ký tử qui », kết tinh của ba nguồn tư tưởng Nho, Lão, Thích, tựa hồ như được người V.N triết đẽ đem áp-dụng vào thực tế, cho nên mới này nở ra thái độ phong lưu nhàn nhã, cho cuộc đời là một trận cười.

Cười bao nhiêu là lâi bấy nhiêu, cười mà chết như Trình-giáo-Kim là một câu chuyên thú vị. Họ Trình sống iỏi 120 tuổi, sung sướng quá nên cười ngất mà bỏ mạng. Người con trai lớn, ít nhất cũng ngoài tầm chục, thương cha quá, khóc lịm đi rồi lìa đời. Chung qui cười cũng chết, mà khóc cũng chết, tốt hơn là chọn lấy thú vui cười. Người cười, đến Trời Phật cũng cười, chỉ có người Việt-Nam mới dám nghĩ như vậy.

Tản - Đà, Nguyễn-khắc-Hiếu, muôn làm rè Thiên cung viết thư hồi Thượng-Đế :

*Ngồi buồn lẩy giây viết thơ,
Viết xong lại mượn gió đưa
lên Trời,*

*Xem thơ trời cũng nực cười.
Cười cho hạ giới làm người
oái oăm.*

Trời của Tản - Đà cười, thì Phật trong ca-dao cũng cười :

*Của Bụt mãi một đèn mươi.
Bụt hagy còn cười, Bụt chừa
lấy cho.*

Óc trào phúng hí hửng của người Việt-Nam, thiết tưởng như thế là đã tới triệt đẽ. Hát chèo xuôi hiện do ở óc trào phúng đó. Bởi vậy mới dám chủ trương rằng chèo có trước tuồng.

Một lý do thứ hai chứng minh

rằng hát chèo có tự thuở xưa, đó là vẫn đề kỹ thuật. Kỹ thuật ở đây là sân khấu, Sân khấu nào cũng phải cần trang trí, duy có sân khấu chèo là không có gì cả. Hát chèo tuy không phải là một nghệ thuật tượng trưng, như từ cõi tối kim người ta vẫn theo tập quán là không cần sân khấu. Sân khấu chỉ là một cái sân, một cái bục, hay yại ba cái sập, có một bức màn vải điều che là đủ. Sân khấu chèo thiết lập chỗ nào cũng được, chỉ khoanh khắc là xong. Như vậy, tại vì những gánh chèo là những gánh lưu động, phần nhiều gồm các tài tử không phải là nhà nghề, hằng niên tụ nhau lại trong dịp đầu xuân để đóng trò mua vui và kiếm ít tiền chi phí. Hết vụ hát lại giải tán ai đi đường ấy, dè rồi vài năm sau lại hội họp cùng nhau.

Sự thiếu sót mất sân khấu thích hợp cho nghề biểu diễn chứng tỏ hát chèo chỉ là một lối hát đơn sơ, dản dì, dì dői với tinh thần bồng bột ấu trĩ của lớp bình dân, cho nên các nghệ sĩ hát chèo không cảm thấy nhu cầu thiết yếu phải có một sân khấu huy hoàng và những y-phục lộng lẫy như nghệ thuật hát tuồng chẳng hạn.

Hát tuồng là môn hát bắt chước của người Trung-Quốc có tinh thần Á-Đông hơn là có tính cách thuần túy Việt-Nam. Còn hát chèo trăm phần trăm là của Việt-Nam, cho nên, nếu xuất hiện trước hát tuồng, thì chẳng có gì lạ cả.

Duy chỉ có một điều là hát chèo khởi xuất từ thời nào, điều đó khó lòng ai biết rõ. Sử chép rằng Ngọa - triều Lê-long-Đinh, mỗi khi ra chầu, hễ có ai tâu sớ điều gì thì cho những thằng hề nói khôi hài hay là nhại tiếng làm trò. Như vậy có thể phỏng đoán rằng nước ta đã có những thằng hề từ thời Tiền Lê, và nếu đã có hề, thì tức là có hát chèo rồi đó. Giả thuyết cho rằng gốc tích chữ « chèo » là chữ « trào » có phần đúng vững được là vì có ấy.

Theo những người lão luveten sành sỏi, thì môn hát chèo gồm: trên dưới một trăm giọng hát, hoặc khác hẳn nhau; hoặc na ná giống nhau, có thành thuộc lầm mói phân biệt nỗi. Về phương diện âm điệu, thì nghệ thuật hát chèo rất tể nhị tinh vi, nhưng về kỹ thuật sân khấu, thì tựa hồ không có, hay thiểu số. Do lẽ đó, môn hát chèo bị các nghệ thuật ca

kịch khác lẩn át, đến nỗi càng ngày càng lú-mờ. Đầu thế kỷ XX này, có một lão nghệ sĩ cố gắng chấp chính lại nghề hát chèo, nhưng nghề đó chỉ bùng lên được một thời gian ngắn ngủi, rồi lại âm ỉ như than, không cháy đượm cũng không tắt hẳn. Hiện tình, môn hát chèo đang ở trong một giai đoạn suy nhược, không biết rằng một mai đây, có cơ hội phục hưng lại nữa hay chẳng ?

Môn hát chèo, nếu muôn một bị chìm lấp hẳn, thì cũng là một sự đáng tiếc. Cũng như môn hát tuồng.

Khác với hát chèo, hát tuồng là một nghệ thuật của người Trung Hoa, mà người Việt Nam bắt chước.

Nếu chúng ta đã thường thức qua một vài buổi diễn tuồng cồ của người Trung Quốc, thì chúng ta sẽ nhận thấy rằng kỹ thuật Việt Nam về tuồng, tuy có nhiều điểm chưa kém người Tàu, song cách phô diễn của cả hai bên không khác nhau là mấy.

Hát tuồng Việt Nam gần giống như « Kinh Hi », tức là tuồng Kinh của người Trung Hoa. Sở dĩ như vậy, cũng có một căn

nguyên lý.

Sử chiép rằng khi binh tướng nhà Trần bắn chết Toa-Đô ở trận Tây Kết, thì bắt luôn được cả một gánh hát mà quân Mông Cổ đem theo để tạc động tinh thần. Người cầm đầu gánh hát đó là Lý nguyên Cát.

Trong khi bị giam giữ, họ Lý làm trò vui cho lính canh ngục xem. Việc đồn đến tai vua, Trần nhân Tôn bèn tha tội cho Lý nguyên Cát. Theo Trần Trung-Kim thì về sau họ Lý « ở lại nước ta lấy cồ truyện mà đặt thành bài tuồng, rồi dạy người mình hát. Khi con hát ra làm trò thì mặc áo gấm, áo vóc, theo dịp đàn dịp trống mà hát. Sự hát tuồng của Việt Nam khởi đầu từ đây » (Việt-Nam sử lược).

Có người nói rằng trong những tích hát trước tiên, có một tích thường đem diễn để chúc thọ vua, tức là tích « Ây Vương Mẫu » quan tiên phó hội. Hội đó cũng gọi là Hội Ban Đào, vì Ây Vương Mẫu ban đào trường thọ cho các vị tiên. Diển tích tuồng đó, phải có một đoàn cung nữ trang sức kiều diễm mỹ lệ, mỗi người tay cầm một đĩa đựng trái đào. Cho

nên người ta gọi các cung nữ đó là các « cô đào » hay là các « à đào ». Chữ « à » có nghĩa là chỉ-

Các à đào múa hát rất đẹp rất hay nên các vua nhà Trần rất yêu tuồng và rất thích tuồng. Sau khi thành được giặc Nguyên, non sông được yên lặng và dân cư được thái bình, cho nên chí khí anh dũng càng ngày càng suy đần, Trần Tôn mất đi thì có Anh Lân là một dũng anh quân, rồi kế tiếp Minh Tôn cũng là một ông Vua có đức. Sau Minh Tôn nhường ngôi cho con là Hiển Tôn mới có 10 tuổi, nhưng vẫn tự mình giữ quyền chính trị. Rồi, tới lúc Hiển Tôn băng hà, thì Minh Tôn lại lập em Hiển Tôn lên làm vua, tức là Dụ Tôn.

Khi Minh Tôn mất, thì Dụ Tôn dâm ra chơi bài lêu lõng, rượu chè cờ bạc, giao du với lú trọc phú, lại « bắt các vương hầu công chúa phải đặt ra chuyện hát tuồng, và bắt các quan trong triều thi nhau uống rượu, ai uống rượu được một trăm thang thì thưởng cho hai trật » (Trần-
trọng-Kim — Việt-nam SỬ-
lược)

Khi thế nhà Trần đến đời

Dụ Tôn thì mất hết. Khi Dụ Tôn chết, bà Hoàng-thái-Hậu nhất định đặt lên ngôi người con nuôi của em Dụ Tôn là Cung-túc-Vương. Dứa con nuôi đó tên là Dương-nhật-Lễ, vốn là con một à đào hát bội, lấy một anh kép họ Dương, có thai rồi mới bỏ chồng lấy Cung-túc-Vương.

Các quan triều thần không chịu, họp nhau lại giết Dương-nhật-Lễ, và di dời em vua Dụ Tôn, lên làm vua, đó là Nghệ Tôn, người nhu nhược, việc gì cũng giao cho cậu ruột là Hồ-quý-Lý quyết đoán. Cơ nghiệp nhà Trần lun bại và suy vong từ đó.

Nhà Trần mất gian san xá tắc, một phần lớn vì hát tuồng. Hát tuồng, người Tàu gọi là « hí » có nghĩa là chơi đùa, cợt nhả, mà người Việt-Nam lại gọi là tuồng. Có người cho rằng chữ tuồng do ở chữ « tượng » mà ra. Hát tuồng tức là hát tượng, lấy vai trò đề hình dung cử chỉ giáng dấp của người đời xưa, ngô hầu tượng trưng những đức tính cao quý hoặc những tính tình xấu xa của cõi nhân, dùng làm gương mẫu dạy dỗ và răn bảo người đời.

Muốn đạt tới kết quả tượng trưng, các vai tuồng phải có điệu bộ múa hát, đè diễn tả hoặc cảnh vui, hoặc cảnh buồn, bởi đó, hát tuồng cũng có tên là « hát bộ » tức là « hát bò bộ », và dần dần nói trại ra thành « hát bội ».

Danh hiệu hát tuồng, hay hát bội, là như vậy.

Cách bài trí của sân khấu tuồng huy hoàng rực rỡ hơn hát chèo, quần áo, mũ mảng của các vai đảo kép cũng lộng lẫy choáng lộn hơn. Về phương diện dàn xếp thành cảnh, thành hồi, thì tuồng và chèo cũng lộn xộn phức tạp như nhau, song về các thề văn trong câu hát thì hơi khác nhau một chút.

Văn thơ ở câu hát c èo là vă
thơ bình dân phần nhiều đều chọn lọc trong ca dao, giọng hát tuy đổi thay mà thề văn chỉ có một. Tỷ dụ như một câu lục bát có thề hát ra mấy chục lần khác nhau, một câu song thất, hoặc mấy câu nói lối cũng thế

Bà thề văn đó là ba thề thông dụng nhất trong nghệ thuật chèo, và sau này, khi có ca Huế, thì môn chèo lại thâu lượm luôn

những điệu ca lý đè cho thêm văn vẻ. Chèo vốn dĩ à lối hát bình dân và trào phúng, không có điệu hùng tráng cũng như không có điệu cực kỳ bi thảm. Giọng hát mà các nghệ già chèo cho là thống thiết nhất, đó là giọng « Lâm-Khốc », tức là điệu Kèn đám ma. Chỉ có mỗi một điệu đó mà thôi, ngoài a, lối hát sử hơi nam thì nghe du dương náo nịt, còn cái điệu gọi là « làn thảm » thì qua tình không có gì là thảm thiết buồn rầu.

Cũng bởi thế nên môn chèo nhiều hi pha lấn ca và tuồng, thành ra mắt tinh túy của nghệ thuật cò diền. Hát tuồng thì không cần thái độ đi mượn đó.

Về phương diện tượng trưng, tức là « bò bộ », nghệ thuật tuồng đặc biệt nhất. Lối tuồng Tàu, mặc dầu bị sân khấu Tây phương đe dọa, vẫn nhất định không chịu thay đổi tính cách cò truyền. Nhưng có lẽ cũng vì thế mà tuồng Tàu có giá trị. Tính cách cò diền đó, người Nhật cũng không chịu bò. Tuồng cò diền Nhật, gọi là « Nô », vẫn được duy trì và thường thức như

thường, đến bây giờ cũng vẫn có
nhiều người ham chuộng.

Đến phần âm điệu, thì hát
mồng đủ các vẻ phô diễn, thích
hợp cho mọi trạng thái của tâm
hồn. Vui có, buồn có, hùng tráng
có, bí tráng có, trung có, nịnh có,
lên ca diễn cũng có. Ăn mày có
lối hát của ăn mày, yêu ma có lối
hở của yêu ma, mỗi một hạng
người hiện ra trên sân khấu lại có
một giọng hát riêng biệt cho vai
tùy mình đóng. Tỷ dụ như Quan
Công có lối hát của Quan Công,
Trương Phi có lối hát của Trương
Phi, Tào Tháo có lối hát của Tào
Tháo, không thể lộn lẩn được.
Hơn nữa, lối trang sức cũng theo
mỗi mẫu mực diễn hình không
bao giờ thay đổi. Vai Quan Công
phải mặt đỏ râu dài, vai Trương
Phi phải râu xồm mặt nhọ, vai
Tào Tháo phải có vệt đèn vệt
trắng trên một nền đỏ thắm, tượng
trưng cho tuồng gian hùng.

Nói đến tượng trưng, thì hát
tuồng quả là một nghệ-thuật tượng
trưng tuyệt bậc. Tượng trưng cả
đến câu hát nữa. Văn thơ trong
câu hát tuồng phần nhiều có tính
tach bắc học, có nhiều câu hoàn
luôn bằng chữ Hán, chớ không

bình dân giản-dị như văn chương
hát chèo.

Tuy nhiên, các thè văn vẫn
cũng tương tự như trong môn chèo
nghĩa là gồm những lời thơ lục-
bát, song thất, và những câu nói
lời. Trong nghệ thuật hát tuồng,
thỉnh thoảng có đá thêm những
lời văn xuôi, và thêm cả thè
Đường luật cùng thè phú nữa.

Tất cả các thè thơ phú đó
được diễn tả ra bằng ba thứ
giọng chính. Một giọng mạnh-mẽ,
vui vẻ, hùng tráng, lanh-lẹn, gọi
là giọng Bắc. Một giọng áo-não,
buồn rầu, đau thương, thảm-thiết,
gọi là giọng Nam. Giọng thứ ba
là giọng thanh nhàn, lá lướt, từ-
tốn, dịu dàng, đó là giọng Xuân.

Các thứ giọng đó lại chia ra
nhiều làn, tức là nhiều điệu.
Nhưng tượng đối, nếu hát chèo-
thu-hát tuồng về mặt kỹ-thuật,
thì về mặt âm điệu, có thè nói là
hở tuồng không tinh vi, tế nhị
bằng hát chèo. Những làn chèo-
phong phú hơn những làn tuồng,
nhưng ở sân-khấu, thì chèo không
thè sánh với tuồng được.

Tuồng tuy có uy thế hơn chèo,
song tuồng vẫn là một thứ nghệ-
thuật ngoại lai, không được trọng-

vọng cho lầm. Gia đì tuồng lại có tội làm cho nhà Trần tiêu diệt, nên khi nhà Lê lên ngôi, các vua Lê ruồng bỏ môn tuồng.

Môn tuồng bị một thời kỳ suy nhược, nhường chỗ cho hát chèo và hát ả đào, mãi tới lúc Đào duy Từ vào Nam, bấy giờ tuồng mới được thịnh hành trở lại.



Đào duy Từ vốn con nhà ca xướng, cha làm quan giáp trong nghề ca hát, coi đội nữ nhạc dưới triều Lê Anh Tôn. Các quan trùm cho Đào duy Từ là «xướng ca vô lại», không cho đi thi. Đào duy Từ tức khí chạy vào Nam, giúp chúa Sái trong 8 năm, làm nên công trạng rực rỡ, được phong ấp ở thôn Tùng Châu, phủ Bồng Sơn, tỉnh Bình Định.

Tại nơi đó, Đào duy Từ chấn chỉnh lại nền ca nhạc, và chấn hưng nghệ thuật hát tuồng. Nghệ thuật tuồng bỗng dung phát nguồn

như hai ở Bình Định và lan tràn ra hai ngả. Một ngành lộn trở về Bắc, đến Phú Xuân thì gây ra «tuồng kinh», một ngành thì tiến vào Nam, gây ra «tuồng Sài Gòn».

Sau này, trong thời Pháp thuộc hai vị đại thần là Nguyễn Thủ và Hoàng Cao Khải, vì yêu thích nghệ thuật nên lập ra mỗi người một gánh hát và khuyến khích môn tuồng. Hoàng Cao Khải thân viết ra hai vở hát là «Tây Nam Đàn Bằng» và «Tượng kỳ khí xa».

Ngoài Bắc, là nơi môn hát tuồng bắt rễ từ đời Trần, thì nghệ thuật đó lại không được phong phú cường thịnh. Hội Quảng Lạc, trong một thời gian mấy chục năm, đã cố gắng nâng đỡ và chấn chỉnh lại sân khấu tuồng, nhưng phải mượn dàn lép trong Nam vì người Bắc, ly khai với nghệ thuật đó từ lâu, không có đủ khả năng bằng anh em Trung và Nam nữa.

Nhưng rồi phong trào biến đổi, và nghệ thuật hát tuồng, cũng như nghệ thuật hát chèo, đều bị xao lắng dần dần và chỉ còn phát triển trong một phạm vi rất nhỏ hẹp.

(Còn nữa)

HỒI KÝ

Một Đời Người

THIẾU SƠN

PHẦN THỨ HAI
V

SƯNG NỒ, MÃU TUƠN

(Tiếp theo P. T. số 23)

SAU ngày V. M. cướp
chính - quyền lại tăng - gia
biều-tinh và hoạt-động. Phong-
trào Thanh - Niên Tiền-Phong
rầm-rộ thu hút tất cả các tùng
lớp nhân-dân. Cả đến những
người quá tuổi thanh-niên, cả
đến những ông già lụ-khụ cũng
về tăm-vông, đeo dao găm, lận
lung một cuốn giây thừng và
đang « Một. Hai », sát-khí đằng-
đằng, oai-phong lầm-lầm. »

« Mặc dầu tôi cũng được mời
nhưng tôi không chịu gia-nhập vì
tôi không thích một khôn-khí
quồng-nhiệt như thế. Về khoán
này người ta không cưỡng-ép
được tôi. Nhưng rồi tôi vẫn bị

xách đầu đi thề ở nhà Giây Thép
Trung-ương, cùng với các ban
đồng-sự : Thề trung-thành với
cách-mạng, không làm việc cho
Pháp, không di lính cho Pháp,
v.v... Tôi không thề từ chối việc
làm này vì tôi là công-chức.
Nhưng sau khi đã tuyên-thệ tôi
thấy băn-khoăn trong dạ không
biết chánh-quyền cách-mạng này
sẽ đưa mình tới đâu và không biết
lời thề này mình giữ được tới
bao giờ ? Nhưng dù sao tôi cũng
thấy rằng mình cộng-tác với thực-
dân đã lâu rồi, dầu nó có trở lại
cũng không nên chấp nỗi mối
duyên thừa, nhứt là trong khi

MỘT ĐỜI NGƯỜI

quốc-dân còn cương-quyết chống
ngăn cuộc tái-chiếm.

Thật ra thì sự tái-chiếm đương
âm-thầm chuẩn-bị với sự ủng-hỗ
của quân-đội Anh gởi tôi để
giải-giới quân Nhựt.

Trong khi đó thì có anh Thái-
Phi Nguyễn-đức-Phong ở Bắc-võ.
Anh đi với lãnh-sự Nhựt
Komatsu tức Tiêu-tùng-Thanh,
người phụ-trách liên-lạc Văn-hóa
ở Việt-Nam.

Anh Thái-Phi xuất thân là một
nhà giáo, người trước tiên sử
dụng cây bút phê bình văn-hóa ở
Việt-Nam. Nhưng anh phê bình
sách-chứ không phê bình nhân-vật
như tôi. Anh viết từ ngày tôi chưa
bắt đầu viết. Có hồi anh xuất bản
tuần-báo « Cậu Ấm », một tờ
báo nhí-dòng được hoan-nghinh
đặc-biệt. Tôi quen anh đã trên
10 năm và chúng tôi có nhiều
diêm-tương đặc. Anh người mập
mập, chắc chắn, chơn-thật và còn
giữ phong độ của nhà giáo.

Lần vô Nam chuyến này, anh
không cho tôi biết rõ mục-dich của
anh nhưng anh cũng nói là anh bị
Tây bắt cầm-tù, được Nhựt giải-
thoát và đương cộng-tác với Tiêu-

Tùng-Thanh về một vấn đề văn-
hóa.

Anh và người bạn Nhựt của
anh ở một biệt-thự gần nhà tôi.
Anh Thái-Phi qua chơi tôi mỗi
ngày và nhiều khi ăn cơm với vợ
chồng tôi.

Chiều ngày 22/9/45 anh cho
hay rằng Tiêu-Tùng-Thanh đã
ngồi xe hơi về Bắc nhưng vì xe
chật nên anh còn phải ở lại để chờ
đi chuyến sau. Anh có khâu súng
lục và nói rằng đã có giấy phép
của Ủy ban Nhân-Dân.

Sáng ngày 23/9 anh bảo vợ tôi
cho anh ăn một bữa cơm rau
muống. Cũng sáng hôm đó tiếng
súng bắt đầu nổ và thanh-nien ô-
ạt xung-phong ra giữ mặt-trận
Cầu-Bông.

Tiếng súng nổ khi khoan, khi
nhặt, khi gần, khi xa, khi lẻ-tẻ ở
thinh-không, khi xẹt ngang rồi
biến-mất. Nhưng có những tiếng
nổ-cắc... dùm là làm tôi sợ nhứt.
Tôi chưa thấy cắc.. dùm giết ai,
song hễ nghe cắc.. dùm ở đâu
thì có tiếng hô « Việt-gian » ở đó.
Mà những cuộc rượt-bắt « Việt-
gian » thật là náo-nhiệt và thật là
kinh-khổng ?

Trưa hôm đó, sau khi ăn cơm

tau muống với tôi rồi, anh Thái-Phi về biệt thự của anh dè nghi nura.

Tình hình, vào khoảng 2, 3 giờ có tiếng «cắc...dùm» rồi có tiếng hô : «Việt Gian ở Villa bắn in!». Tôi ở cửa nhà tôi ngó về hướng biệt thự của anh Thái-Phi thấy người ta bu đèn và có nhiều thanh niên vác tầm vông, xách dao kiếm hoặc cầm súng hai lòng xông vào tối trong nhà. Tôi hoảng sợ, lật đật chạy qua thì người ta đã lôi anh Thái-Phi, trói tay anh và dập anh máu chảy tèm lem cả mặt mày. Tôi nóng ruột a tối can thiệp : « Anh em coi chừng bắn nhau người này ! Đây là ông Thái-Phi một người làm quốc sự mà bị Tây bắt bỏ tù mới ra được mấy tháng nay. Người này không thể cầm súng bắn đồng bào được ! ». Tôi nói nhưn hết lời thì một thanh niên vot nói : « Máu của em tôi còn ròng ròng ra đây, đây. Vả lại thằng này có súng sáu ». Tôi nói lại : « Anh có súng sáu nhưng súng sáu có giấy phép của Uỷ Ban. Vả lại phải chờ coi nòng súng có nóng thì mới át là anh hàn ». Người thanh-niên nói

bung : « Anh nên dang ra. Phải anh là Việt-gian không mà sao cứ binh-vực Việt-gian ? ». Tôi lạnh xương sống và đành giang ra dè cho người ta bắt bạn tội đi trong một trường hợp túc-tửi vô-cùng. Cũng may là đồng-bào lối xóm có cảm-linh với tôi và binh vực tôi chứ không thì người ta cũng dám dẫn tôi đi theo anh Thái-Phi.

Cách một giờ sau lại có tiếng «cắc... dùm» và vụ bắt Việt-gian khác nữa. Lần này là vợ chồng ông chủ phố của tôi, ông bà đốc-phủ Michel Mỹ, một quan lại về hưu-trí có biệt-thự ở gần nhà tôi. Ông chỉ mặc một cái quần lụa, mình trần vì có lẽ không kịp mặc áo. Bà cũng chỉ mặc một bộ đồ hàng, áo chưa kịp gài nút đủ. Hai ông bà mặt đều thất-sắc. Tôi không dám ngó kỹ và cũng hết dám can-thiệp nữa.

Vậy mà chưa hết. Nửa giờ sau, ngay trước nhà tôi lại có tiếng «cắc.., dùm» và có tiếng hô : « Số nhà 33 bắn ra ». Trời ơi ! số 33 là số nh của tôi. Tôi lật-dật mở cửa thì có người vot miệng nói liền : « Lại anh nữa ! Nhưng anh nên dè hé một cánh

cửa sổ cho chúng tôi biết là nhà anh ». Tôi lật-đặt làm theo nhưng nghĩ thật : hú vía ! Nếu lúc bình-thời mà tôi gây ác-cảm với đồng-bào thì những dịp như dịp nầy tôi có thể kiểm được cái chết rất dễ-dàng. Tôi nghĩ càng thương cây viết của nhà văn và cái nghè hiền-lương của thầy thông già - thép.

Trường-hợp ủa anh Thái-Phi là vì có người bị thương và có máu chảy. Trường - hợp của ông đốc-phủ Mỹ là vì hồi ngõi quận Chợ-lách ông đã ăn ở thắt nhان-tâm và có tiếng là « Cọp - Chợ-L ch ». Nếu tôi cũng có đôi chút tiếng tăm như thế thì chắc chắn đã chịu chung một số phận,..

Sau nầy tôi mới biết 2 tiếng « căc...đùm » là do một loại đạn Dum Dum của Pháp chò tới hết tần mồi nò làm cho nhiều người cầm-tưởng hế « căc... đùm » ở đâu là súng nò ở đó. Nếu vậy hì anh Thái-Phi và ông Đốc - phủ Mĩ cũng đều mắc hầm-oan.

Và lại trong khi Tây còn ở bên kia cầu Bông ai dại gì mà nồ súng ở ngay trong vòng vây của địch ?

Riêng đối với anh Thái - Phi tôi dám quả-quyết rằng anh không phải là người cầm súng mà bắn lại đồng-bảo. Anh có thể ihan-Nhựt, có thể chống Việt - Minh nhưng anh không thù ghét gì đồng-bảo của anh.

Tôi đem những lý-lẽ đó lên nói với Chủ-Tịch Ủy-Ban Nhân -

Dân-tinh Tân-Bình và yêu - cầu phải bảo-vệ sanh-mạng cho anh.

Người ta hứa với tôi sẽ cho điều-trá ký về vụ nầy và nếu xét thấy anh Thái-Phi vô-tội thì anh sẽ được trả lại tự-do lập-tức.

Nhưng rồi tôi cũng phải tản-cư. Ủy-ban nhân-dân cũng tản-cư. Hầu hết đồng-bảo vùng tôi ở cũng tản-cư.

Nhiều đoàn người chạy theo, nhiều ngả. Rồi tới mỗi ngả ba, ngả tư lại phân tán thêm dè rồi vợ, chồng, con cái cứ dấn nhau đi lẩn đến những nơi vô định và sống nhờ vào những đồng - bào mình chưa quen biết bao giờ. Có khi ngủ đâu ở trường học, có khi ngủ đình, ngủ chùa, ngủ bờ, ngủ bụi... Nhưng mấy ngày đầu hổ nhầm mắt là tôi chiêm-bao thấy anh Thái-Phi nghe thấy tiếng căc... đùm, bị ám-ảnh về 2 chữ Việt-gian và đau lòng vì những giòng-máu đỏ trong đó có máu của một bạn làng văn.

Trong suốt thời-kỳ kháng-chiến tôi hỏi không ra tung - tích bạn tôi và chắc chắn rằng tới nay anh đã xương tan, thịt nát.

Tôi nhắc tới anh mà ngậm ngùi khôn xiết kè. Súng nò, máu tuôn vẫn là cảnh hãi hùng bi đát. Nhưng súng nò khơi khơi mà máu lại tuôn rơi vì bàn tay của đồng-bảo ùng một nước. Đó là điều làm tôi đau lòng hơn hết.

(Còn nữa).

Chuyện cũ người xưa



Không Minh

* NG QUANG LỤC

(kiếp theo P.T. số 23)

TRẬK XÍCH BÍCH

TÀI NGOẠI GIAO

- I) Luận bàn mưu sách cự tào
a) Tào - Tháo vớt. Lưu-Bi.

Hồi Tào Công đã
phá xong Viên -
Thiệu, từ phía Nam
xuống đánh Tiên chủ. Tiên
chủ sai My-Trúc, Tòn Càn
đến nói sự tình cùng Lưu-
Biều.

Biều ra tận ngoài thành lấy
lẽ thượng khách tiếp đón
Tiên Chủ, lại giúp rất nhiều
quân để đóng đồn ở Tôn Dã.
Những hào kiệt ở Kinh Châu
theo về Tiên Chủ rất nhiều
vì vậy, Biều đem lòng nghi
ky Tiên Chủ và ngầm ngầm
phòng ngự (Sách Cửu Châu
Xuân-Thu có nói Thái-Mạo
bè tôi" của Lưu - Biều có ý
muốn hăm hại Huyền-Đức
nên Huyền-Đức phải cưỡi
ngựa vượt Đàm Khê thoát
kiểm. Tam - Quốc chí Diển

nghĩa đã tả rõ đoạn này. Nhưng Tôn-Thịnh nói rằng lập thuyết này giả tạo vô căn cứ.

Còn như Lưu Biểu nghĩ Huyền Đức thì có lẽ đã nghe lời Thái Mao như T.Q.C.D.N. đã nói. Thực ra Lưu-Biểu vốn là người trung hậu.

Tào Tháo cho đem quân đến đánh. Lưu Biểu nhờ Tiên Chú cự địch.

Tiên Chú cầm cự mãi với bọn Hạ Hầu Đôn và Vũ Cấm ở Bắc vọng. Tiên Chú đã đặt phục binh đánh quân Tào đại bại, rồi một sớm thiêu đòn Bắc vọng cháy. Bọn Đôn đuổi theo bị phục binh đánh phá tan nát. (1)

Năm thứ XII Tào Công lên Bắc đánh rợ Ô Hoàn. Tiên chú khuyên Lưu-Biểu đánh Hứa đô, Biểu không nghe lời.

(Sách Hán Tấn Xuân thu chép: khi Tào Công từ Liêu thành về, Biểu bảo Bị rằng:

— Tôi không nghe lời sứ quân để mất cơ hội lớn.

Bị nói:

— Ngày nay thiên hạ chia rẽ nhau, ean qua nỗi lòng khắp nơi, thế nào chẳng còn có lúc, ha một cơ hội này đâu. Nếu lần sau ta biết ứng phó thời cơ thì cũng còn chưa muộn).

Tào Công xuống phương nam

đánh Lưu Biểu gấp hồi Biểu chết.

(Sách Anh hùng ký chép: «Biểu bị bệnh, nên tôn Bị lên lĩnh chức thủ sứ Kinh Châu.

Ngụy thư cũng chép: Biểu bị bệnh nặng ký thác quốc bộ lại cho Bị. Biểu bảo Bị rằng:

— Cọn tôi thì bất tài mà các tướng thì linh lạc cả. Sau khi tôi chết xin khanh coi sóc lấy Kinh Châu.

Bị nói:

— Các con anh, người nào cũng cho mình là hiền năng. Mà anh còn lo phiền, đương bệnh xin anh đừng bàn đến việc ấy vội.

Có người xui Bị nên nhận lời.

Bị nói:

— Người ta ăn ở nhau hận với ta bây giờ ta nhận lời, người khác tất cho ta là bội bạc. Ta lấy điều ấy làm điều bất nhẫn.

Thần, Tùng Chi u hĩ rằng, Biểu là người yêu vợ lại yêu con là Tông, định ý bỏ trưởng lập thứ đã từ lâu. Không lẽ nào khi gần chết lại cử Bị giữ Kinh Châu, lời ấy là lời nói sai vậy».)

(Dịch giả thiền nghĩ rằng vì thực có chuyện Lưu Biểu nhường Kinh Châu cho Lưu Bị, cũng chẳng khác sau này Lưu

Bị gần chết khuyên Khổng Minh
giúp lấy thành đó. Đó là lỗi thác
cố khước hối).

Lưu Biều chết. Con là Tông
lên kế vị thay cha, sai sứ đến
hàng Tào Công.

Tiên chủ bấy giờ đóng đồn
ở Phan Thành, không biết Tào
Công đã đem quân đến, mãi tới
khi đến Uyển Thành mới hay tin
lên đem quân đi.

Qua Tương Dương, Chư cát
Lượng khuyên Tiên chủ đánh
Tông có thể chiếm được Kinh-
Châu.

Tiên Chủ nói :

Ta không nỡ làm như thế !
(Sách Hán Ngụy Xuân Thu của
Khổng Diễn chép : « Lưu Tông
sinh hàng không dám báo tin
cho Lưu Bị biết, Bị cũng không
được ai cho hay, lâu mãi về
nhiều rõ, sai người đến hỏi
Tông, Tông sai Tông Trung
đem thư đến nói cho Lưu Bị
hay. Bấy giờ Tào Công đã ở
Uyển Thành, Bị hay tin rất mực
khinh hãi bảo Trung rằng :

Các người làm việc như
vày mà không sớm báo ta. Nay
ta hoạ đến mới bảo ta hay,
thật tai đóng kịch.

Rồi Lưu Bị cầm dao chỉ mặt
Trung :

Nay ta chặt đầu khanh
nhưng không bỏ lòng phản uất
vũn ta, lại mang tiếng là kẻ đại

trưởng phu khi làm biệt cõi
nở, tàn sát.

Nói rồi sai đuổi Trung về, và
hợp tập bộ hạ tướng sĩ lại
thượng nghị.

Có người khuyên Bị nên đánh
Tông cùng bọn lại sĩ Kinh Châu
rồi đi tắt về phương Nam tới
Giang lăng.

Bị khóc nói :

— Lưu Kinh Châu gần chết
còn cho ta Tin nghĩa còn
kia ta không làm loạn. Ta chết
đi còn mặt mũi nào ném thấy
Lưu Kinh Châu.

Qua Kinh Châu Tiên chủ dừng
ngựa lại gọi Tông, Tông sợ
không dám ra mặt.

Tả hữu của Tông và người
Kinh Châu theo về Tiên chủ rất
nhiều.

(Sách Điện lược chép : Lưu Bị
có quà thăm mộ Lưu Biều, khóc
lóc rồi mới đi.

Khi Tiên chủ tới Dương Dương
số dân theo đã trên mươi vạn,
đòi tri trọng (quân nhu) có tới
nghìn lượng. Ngày chỉ đi được
hơn mươi dặm Tiên chủ có sai
Quan Vũ (Quan văn Trường)
đem 100 chiến thuyền đến trước
hội ở Giang hạ.

Có người khuyên Tiên chủ nên
đi gấp để kịp bảo vệ Giang lăng.
Nay bị gấp đều thiến thốn mà
cứ bảo vệ dân chúng mãi, vì
bằng binh Tào Công đến, lấy gì
mà kháng cự.

KHÔNG MINH

Tiên chủ nói :

— Muốn làm việc lớn phải lấy dân làm gốc, nay nhân dân về với ta nở nào ta nhẫn tâm bỏ cho được.

(Tập Tắc xỉ chép : « Tiên chủ gấp tai nạn điếu báu là thế, mà tinh nghĩa vẫn còn sáng tỏ. Việc đã đến nguy bách là thế, mà lời nói ra vẫn không thất đạo. Theo mãi lời cố mệnh của Cảnh Thăng, tình cảm động cả ba quân mến cái tiếng kè sỉ phải vì nghĩa mà đánh cùng dân chúng cam bại trận. (Truy Cảnh Thăng chỉ cố tắc tình cảm tam quân, buyên phó nghĩa phó chí-sĩ tắc cam dữ đồng bại). Ta cứ xem cách Tiên chủ hết tình cùng sự vật mới biết rằng không phải cứ cho cơm cho rượu, phủ dụ người ta khi rét, vẫn an người ta, khi bệnh cũng là đủ đâu.

(1) Chỗ này ta rõ ràng được nhìn thấy mưu lược và chiến thuật của Không Minh. Tiết ràng Tâm quốc chí của Trần Thủ Lai gán công cho Tiên Chủ, T.Q.C.D.N. đã diễn đạt đoạn này rất linh động.

Tiên Chủ độ lượng quang đại như vậy nên về sau làm nên được nghiệp lớn, ta cũng không lấy làm lạ).

Tào Công cho rằng Giang lăng có nhiều quân đóng, sợ rằng Tiên Chủ chiếm cứ, bèn bỏ cả tri trọng (quân nhu) lấy khinh xa tới Dương Dương, đến nơi Tiên Chủ đã đi rồi. Tào Công liền lấy 5.000 lính kỵ cấp tốc theo đuổi, một ngày một đêm đi hơn 300 dặm đến Trường bản địa phận Dương Dương thì kịp. Tiên Chủ phải bỏ vợ con, cùng bọn Chư Cát Lượng, Trương Phi và Triệu Vân và 10 tay kỵ mã cùng chạy trốn.

Tào Công bắt được người quân lính và tri trọng rất nhiều.

Tiên Chủ cùng tướng sĩ, đến Hán Tân đê chờ thuyền Quan Vũ đến dón. May thuyền vừa tới cả bọn đều qua sông. Miện, gấp Kỳ là con trưởng Lưu Biểu, hiện dương làm thái thú Giang Hạ.

Kỳ đem hơn 10.000 quân đến Hạ Khâu đánh Bị.

Kỳ sau :

Lưu Bị và Lô Túc, Tào Tháo và Tôn Quyền. Nhiều cuộc đấu trí của những tay đa mưu.



Đại Sứ Việt - Nam

dầu tiên tại Pháp triều,

một cầu bé 8 tuổi:

NGUYỄN - PHÚC - CẨNH



3 (Xem P, T. từ số 23)

LÚC Chúa Nguyễn Ánh nhờ Giám-mục d'Adran (Phiên - âm ra chữ Hán là BÁ - ĐÀ LỘC; người Công-giáo ở Sài-gòn thời ấy gọi là CHA CẢ) sang Pháp triều đế cầu cứu, thì không những Chúa Nguyễn gởi Hoàng tử Cảnh đi theo, mà còn trao luôn cả ấn son của Chúa cho vị Giám-mục giữ để sang Pháp tùy nghi sử dụng.

Chúa Nguyễn biết rằng cuộc hành trình này là cả một cuộc phiêu lưu mạo hiểm vì ông chỉ nghe Giám-mục D'Adran nói đến nước «PHÁP LANG SA» (France) chứ ông không biết là nước ấy ở tận nơi chân trời góc biển nào. Sự thật thì lúc bấy giờ có bốn nước Âu châu: ANH, HÒA LAN (Holland) BỒ ĐÀO-NHA, (Portugal) và Ý PHA NHÓ (Espagne), cũng đã len lỏi ướm thử với Nguyễn Ánh về việc mỗi nước ấy sẵn sàng giúp Chúa Nguyễn đánh Tây Sơn để sau này họ lợi dụng. Nhưng Giám-mục D'Adran ở sát cạnh Nguyễn Ánh, nhất định khuyên Chúa từ khước hết, để ông sang cầu-cứu nước Pháp của ông.

Nguyễn Ánh nghe theo lời giám mục D'Adran. Chính ông



không có theo đạo Thiên Chúa, Hoàng Tử Cảnh cũng không, nhưng chưa phải lúc ông tin & Chúa Giê-xu, mà chính là lúc ông tin ở nước Pháp Lang Sa. Tuy rằng Nguyễn Ánh không hiểu một tiếng Pháp nào, không biết nước Pháp ở môt-tè nào, và chưa hề giao thiệp với vua xứ ấy, nhưng Cha Cả đã khéo-léo an ủi ông và khuyến khích ông, khiến ông đặt hy-vọng hoàn toàn vào vị «Cố Đạo» của Pháp Lang Sa. Vận mạng của xứ Gia-dịnh, của đất «Nam Triều», của Kinh-dô Phú Xuân, của giang sơn nhà Nguyễn, của Chúa, của Hoàng tử Cảnh, đều ở hết trong tay «Cha Cả».

Giám mục D'Adran đem đứa con trai 8 tuổi của Chúa Nguyễn ra đi, với cả cái ấn son của nhà Nguyễn, có hy vọng rằng nếu lúc trở về, đem quân Pháp cùn-viên qua mà Nguyễn Ánh đã chết rồi thì quân Pháp cũng cùn-lấy danh nghĩa của Hoàng Tử Cảnh mà đánh Tây Sơn để khôi phục đất nước cho Chúa Nguyễn và đặt Nguyễn phúc Cảnh lên ngai vàng.

Phái-doàn cầu-viên ra đi, ghé lại Pondichéry là một thành phố thuộc-địa của Pháp ở Ấn-độ, và ở lại đó hết HAI MUOI LĂM THÁNG, để cầu cứu Thống-đốc

— TÂN PHONG —

Pháp là Bá-tước CONWAY. Bá-tước tử - chối, viễn lẽ không muốn định-liu đến chuyện « chúa non kỵ » (Le Seigneur de Conchinchine). Giám-mục d'Adran gửi thư sang Bá-tước MONTMORIN, Thượng-Thư bộ Hải-quân của Pháp-Triều, nhưng chờ mãi không thấy ông này trả lời. Giám-mục d'Adran không thất vọng, nên ngày 27 tháng 10 năm 1786 cứ liều xuống tàu sang



Vua Louis XVI

Pháp, quyết phen này yết-kiến vua LOUIS XVI và Hoàng - hậu MARIE ANTOINETTE, để bày tỏ sự kính. Tàu đi bốn tháng rồng-rã mới cập bến LORIENT, ngày 4 tháng 2 năm 1787.

Vừa đặt chân trên đất Pháp, Giám-mục d'Adran đã lo sửa - soạn trang - điểm y - phục cho Hoàng-tử Cảnh có vẻ âu - hóa một chút, để gây cảm - tình với các quan Triều-định Pháp và nhất là Vua, Hoàng-Hậu, và các bà mang phụ, các giới quý-tộc ở Versailles và Paris.

Bắt đầu, Giám-mục thuê người thợ sờ tóc riêng của Hoàng-Hậu Marie Antoinette, tên là LEONARD, cùp tóc Hoàng - tử Cảnh cho gọn-gàng, và may cho cậu bé một bộ y-phục hoàng tử mới hàn, theo kiểu triều phục của Vua Pháp mà vẫn giữ đôi chút vẻ « địa-phương xa-lạ » của Á-dòng. Áo và quần toàn may bằng sa - lanh đỏ. Giám-Mục D'Adran không cho cậu bé mặc áo dài lụng-thung và quần lụa rộng - thênh - thang



Hoàng-hậu Marie ANTOINETTE với Hoàng-tử
FRANÇOIS Louis (đứng bên trái), bạn của Hoàng-tử CÀN

còn cậu nữa, bỏ cả cái khăn
nhieu bịt trên đầu theo lối
An-nam ». Léouard đặt riêng
cho Hoàng-tử một kiêu khăn,
vòng bằng sa-lanh đỏ, thắt một
nút nơ lớn nở xoè ngay trên
đỉnh đầu, coi cũng đẹp (xem
hình ở P.T. số trước); Giám-mục
thuê thợ ở Paris đóng cho
mùi hé Hoàng-tử một đôi giày
mới, theo kiêu Pháp, dung hòa
nhất với kiêu giày Tàu của
tộc quan « An-Nam », có vẻ
một lối nhưng không lố bịch. Cái
mũi của Hoàng-tử cũng được
thay đổi chút ít về hình-thức.
Song, Giám-mục d'Adran thuê
nhà Họa-sĩ MAUPÉRIN vẽ
một bức chân dung của « Hoàng
tử Nam-Kỳ » (Le prince de Co-
chinchine), để trình bày tại HÀN-
LÂM VIỆN VƯƠNG QUỐC HỘI
HỌA VÀ ĐIỀU KHẮC, năm 1789,
(Académie Royale de peinture et
de sculpture). Công chúng Paris
vào xem đông nghẹt và trầm trồ
thánh ngợi : « HOÀNG TỬ ĐẸP
THẬI CỦA XỨ COCHINCHINE »,
một xir mà không có một người
Pháp nào biết rõ là ở chỗ nào !
Một xir thơ mộng áo huyền của
một nghìn một đêm lẻ, ở tận
nơi phía bên kia quả địa cầu
thông ?

Nhờ Giám-mục d'Adran khéo
quảng cáo, khéo giới thiệu, khéo
nghoil-qiao, nên Hoàng tử Cảnh
thu hút các nhà quý phái trong các

giới chính-trị và văn-hóa Pháp
vuốt ve âu-yếm. Ngoài bức tranh
về chân dung của cậu, được
trình bày tại HÀN-LÂM-VIỆN HỘI
HỌA và ĐIÊU KHẮC, còn có nhiều
nhà thi sĩ Pháp làm thơ tặng
cậu. Lực lại một quyền sách cũ
của Pháp hồi ấy, người ta còn
thấy một bài như sau đây :

*(Au Prince de Cochinchine)
Commençons par l'illustre
Enfant :*

*Que son sort est intéressant !
Fait pour porter le diadème
On le voit assis parmi nous.
Royal enfant, consolez-vous :
Vous régnerez, Adran vous aime !
Tôt, tôt, tôt,
It bat chaud,
Tôt, tôt, tôt.
Son courage,
Double quahd pour vous est
l'ouvrage.*

Các bạn thấy ngay rằng đây
là một bài hát do một thi-sĩ có
lẽ ăn tiền của Đức Giám-mục
d'Adran, làm ra để ca ngợi
Hoàng-tử Cảnh, và ngâm lên
giữa một buổi tiệc ở Versailles !
Bài hát rất lạt léo, tác-giả của
nó là một loại Thi-sĩ 3 xu nhưng
cũng được đăng lên một tờ báo
ở Paris thời bấy giờ.

Xin tạm dịch :

*Ta hãy nói đến vị Thiếu-niên
hiển-danh kia ;
Số phận của chàng đáng cho ta
chiếu-cổ !*

*Chàng được sinh ra để đợi mao
quốc-vương
Nay chàng ngồi đây với chúng
ta.
Hoàng-tử ơi, chàng nên tự an
ủi :
Chàng sẽ lên ngôi vua. Adran
thương chàng mà !.*

*Sớm, sớm, sớm,
Ông đang tranh đấu gắt.
Sớm, sớm, sớm,
Lòng can - dám của ông tăng
gấp đôi
Để lo cho chàng được lên ngôi !*

Cả Paris và Versailles đều
cười dồn với Hoàng - tử Cảnh,
nhưng họ nô - đùa ngạo nghễ với
một hoàng - tử bé con ở phương
Đông hơn là sẵn sàng ủng hộ lời
cầu cứu đem binh qua giúp
« Vua Nam - kỵ ».

Nói đúng ra, lần này không
phải là lần đầu nước Pháp được
nhờ cầu - cứu. Năm 1687, nước
Xiêm bị Việt - Nam uy hiếp, cũng
đã nhờ Pháp can thiệp. Pháp đã
gởi qua một đạo binh do DES
FARGES chỉ - huy, gồm có 5 tàu
trận và 12 - tiểu đội bộ binh,
nhưng đi nửa đường lại phải
quay lộn về vì thời tiết xấu.
Trước đó 11 năm, ngày 2-1-1676,
vị Giám - mục PALLU, cũng đã
trình lên Colbert, Thủ tướng
Pháp, một dự - án lập một THUỘC
ĐỊA ở BẮC - KỲ, hồi đời chúa
Trịnh.

Hai vị Giám - mục LEFEBVRE
và GEFFRARD đã được vua
LOUIS XIV phái qua Bắc - kỵ với
một bức thư gửi vua LÊ - HI -
TÔNG mở đường giao - thiệp, và
yêu - cầu hàng - giao về thương - mại
với xứ An - nam.

Nhà Thi sĩ và Triết - học lừng
danh, là VOLTAIRE, phản - đối vụ
ấy, và trong một bức thư gửi
Louis XIV, ông có viết : « Cần
gi gì phải qua tận bèn miệt nước
Tàu để mua vải, làm như thế ở
nước Pháp không có vải, và
mua miệt thứ cỏ để nấu nước,
làm như thế xứ ta không có cỏ ! »
Nhà Triết - học Voltaire có tư
tưởng cách - mạng, chống việc
vua Pháp đi tìm Thuộc - địa,
nhưng ông tưởng rằng « xứ Bắc -
kỵ » và « xứ Nam - kỵ » là nước
Trung - Hoa, và « thứ cỏ để nấu
nước » mà ông chỉ - trích đó,
thì là trà mà ông Thi - sĩ không
thích uống !

Dù sao, tư tưởng đi kiểm
thuộc địa ở Bắc kỵ đã nảy ra từ
đời Louis XIV nhưng vì vua Lê
và chúa Trịnh vẫn khôn khéo từ
chối tất cả các cuộc ướm thử
của người Pháp và cho họ buôn
bán cũng như người Nhựt,
người Bồ Đào Nha, người Ang -
Lê mà không ký hiệp ước với ai
cả. Mãi đến đời vua Louis XVI
mới có con trai chúa Nguyễn
qua xin viện binh để đánh Tây -
Sơn.

Trong lúc chờ đợi quyết định của Louis XVI, Hoàng tử Cảnh & tại điện Versailles làm bạn với con trai Pháp vương. LOUIS FRANÇOIS DE FRANCE, Hoàng tử nước Pháp, cùng một tuổi với Hoàng tử Cảnh, và Lịch sử nước Việt Nam bắt đầu thay đổi từ trong cái bắt tay của hai cậu bé con này.

Tuy hai cậu chơi với nhau thân mật, nhưng ngôn ngữ bất đồng, tính nết tập tục cũng khác nhau, cho nên những cuộc vui chơi của đôi bạn nhí đồng khác giống ấy vẫn ngưng nghịch và không thành thật. Đổi với con trai của Louis XVI, Hoàng tử Cảnh chỉ là một «cú lợ», «một chú Chệt bé nhỏ», (le petit Chinois), da vàng, mũi lẹt, và ngực ngàn làm sao ấy. Còn đổi với con trai của Nguyễn Ánh, thì Hoàng tử Louis có nhiều cử chỉ hình như ngạo nghễ, khinh khỉ, tuy là ngoài mặt cố gắng vui vẻ thân mật. Nhứt là vì hai cậu bé nói chuyện không hiểu nhau. Hoàng tử Cảnh có học chữ Pháp với vị Giám mục d'Adran, nhưng không được bao nhiêu, chỉ một ít tiếng một, chưa rắp được thành câu. Thường thường, Hoàng tử vẫn nói tiếng Việt với «Cha Cả». Hoàng tử Cảnh chỉ học chữ «Quốc ngữ», và chính Giám mục d'Adran phải dịch quyền truyện ANDROMAQUE của Fénelon ra chữ Quốc ngữ

cho Hoàng tử Cảnh đọc.

Nhưng, hai cậu bé vẫn nắm tay chạy dồn trong vườn hoa Versailles, và có điều báo-hiệu trước cho cuộc bang-giao giữa 2 nước Pháp và Việt sẽ không lâu bền, là số phận của hai cậu nh小 ấy cũng giống nhau ở chỗ mỏng-mạnh, chết sớm !

Hoàng tử Pháp sinh năm 1781. Cậu là con trai đầu lòng của Louis XVI và Marie Antoinette. Hôm sinh-nhật của cậu, triều đình Pháp tổ-chức những cuộc vui náo-nhiệt tại kinh-đô và khắp ntuờc. Nào khiêu-vũ, nào dạ-hội, nào đốt pháo bông, nào tiệc-tùng linh-dinh cho dân chúng ăn uống say sưa để mừng Thái-tử ra đời. Năm 7 tuổi cậu gặp Hoàng tử Cảnh, hai cậu bé tìm cách gắng-bó thân thiện, nhưng rồi Hoàng-tử Cảnh trở về « Nam kỳ » từ giã Louis. Một năm sau, ngày 4 tháng 6, năm 1789, Louis bị bệnh gày mòn rồi chết.

Hoàng-tử Cảnh về xứ cũng không sống được lâu.

Tháng 11 năm 1787, Bá-tước Montmorin thay mặt vua Pháp ký Hiệp-ước đồng-minh, cùn-trợ Nguyễn-Ánh. Tháng 3 năm 1789, Hoàng-tử Cảnh về đến Sài-gòn. Năm 1799, cậu còn dự trận đánh Qui-nhơn, bên cạnh Giám-mục d'Adran. Tháng 10

năm ấy, Giám-mục tử - trần vì bệnh kiết-lị. Năm 1801, ngày 21 tháng 3, Hoàng-tử Cảnh cũng chết vì bệnh.



Đó là một triệu - chứng báo trước rằng sự bang-giao giữa hai nước Pháp-Việt « thân mật » cũng như sự gấp - gõ của hai cậu bé con, một cậu là biếu -

biểu cho nước Pháp, một cậu là bêu - hiệu cho nước Việt-Nam, sẽ không bền. Lịch-sử đã chứng minh rằng, qua - nbiên cuộc giao-hảo Việt-Pháp thật-sự bắt đầu từ 1885 cho đến 1945 thì tan-rã. Dù sau đó nước Pháp cố duy-tri, cũng không duy-tri được nữa. Lịch-sử không bao giờ tái diễn.

N. V.



Chúa Nguyễn Ánh đang đàm-luận với Giám-mục d'Adran (bên phải) và vị tướng Ollivier, một trong các tướng sĩ Pháp của Giám-mục dẫn qua giúp Chúa Nguyễn.

T
H
Ơ

mai sau

Tôi vẫn biết thời-gian trôi chảy mãi
Và dần, dần toàn những chuyện đổi thay
Nhưng làm sao khi nghĩ đến ngày mai,
Vẫn hờ hững không ngại ngùng luyến tiếc
Đời hôm nay đầy tình thương thâm-thiết
Nhiều màu xanh, nhiều hy-vọng đang lên
Cỏ hoa thơm, nắng lá đẹp mê cười
Cho trọn vẹn những tình mười sáu tuổi
Có những buổi chiều曦明 trên khung cửa
Trời ngoài kia đang đồ nắng bên thềm
Tôi say nhìn xem lá gió trao duyên
 Tay ngắn ngặt trên cung đàn dùi đặt
 Có những lúc niềm vui tươi tràn ngập
 Lòng nao nao đón nhận một tin thư
 Người xa xôi gửi cả mến thương về
 Trang giấy ngát lên hương đời diễm tuyệt
 Ôi học đường, có thân tình muôn kiếp

Có những hòn trẻ dại làm say mơ
Có tin yêu, có đùa d่าง tha thiết
Và bàn tay đang nắm lấy bàn tay...
*

Nhưng chiều nao sực tỉnh giấc mơ dài
Tim nức nở nghe thời gian đếm bước.
Lòng trong trắng giảng ta buồn vô cớ
Tôi ngỡ ngàng khi nghĩ đến mai sau
Đời còn ngắn khúc nhạc tuổi thơ đào
Hay đã lịm ngây thơ vào cay đắng ?
Đời biết có mờ vòng tay đưa đón
Hay lạnh lùng vùi dập những mộng mơ
Hay bạo tàn đầy xuống vực thương đau
Cho hoen-ố những linh hồn băng tuyết ?
Đời vẫn làm thương yêu hay đã chết
Và bàn tay biết có nắm lấy tay ?
Hay đã xa xôi rồi quên mộng ước
Như chủ hàng quên khách trọ một đêm
Tôi sợ lắm, chán tình rồi bôil xóa
Và lòng người chia mây néo tràn gian
Niềm thương đau nghe dậy cả tâm hồn
Tôi cầu khàn thời gian dừng bước lại !

VÂN-KHANH
(Mỹ-Thơ)

* THANH-PHƯƠNG

MÔN ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM

DỊA Lý là môn học tìm hiểu những hiện tượng tự nhiên trên mặt Địa-Cầu có quan hệ đến các hiện tượng nhơn sinh. Môn học Địa-Lý có 3 bộ môn : Thiên-nhiên Địa-Lý, số học Địa-Lý và Nhân-Văn Địa-Lý.

Địa-lý của Tây Phương là môn học được giải thích như trên. Địa-Lý ở Tây Phương có lẽ cũng không khác gì Địa-Lý của Đông-Phương. Tây Phương nhìn Địa-Lý trên hình thê thực tại. Còn Đông-Phương nhìn Địa-Lý trên hình thê trừu tượng.

Địa-Lý Tây-Phương căn cứ vào khoa học, bằng phương tiện đo đạc khoa học. Địa-Lý Đông-Phương ước lượng theo tầm mắt

dè do đạc, dè phân định hình thê.

Ở Trung-Hoa cũng như ở Việt-Nam, môn Địa-Lý được trừu tượng hóa từ đời mới phát sanh cách đây chừng trên 3.000 năm. Sứ nước Việt có nói đến việc Phong-Thủy tức là việc khám phá Địa-Lý ở Nước ta. Năm Ất-Vi (875) vua Đường sai Cao-Biền sang làm Tiết-Đô Sứ Tây-Xuyên tức Tứ-Xuyên bây giờ. Biền dâng người cháu họ là Cao-Tâm sang thay mình làm Tiết-Đô Sứ đất Giao-Châu tức là nước ta.

Sứ chép rằng Cao-Biền làm Tiết-Đô Sứ ở Nước ta đã biết rõ đất Việt-Nam có nhiều đất Quý, chân mảng Đế Vương, anh tài sẽ ở bên Việt-Nam rất nhiều, sẽ là điều tai họa cho nước

Tàu sau này nên Cao-Biền phải súc cho các Quan Phủ Huyện về lại hình thù sông ngòi nơi trú nhậm cho Biền xem xét.

Biền thường đi xem xét các mó đất và tỏ vẻ lo sợ Địa-Lý đất Việt rất quý sau này sẽ có nhiều vị tướng tài, để vương có thể lấn át Trung-Quốc được.

Biền mới lo xếp đặt phép tắc dề trấn áp các mạch Đế Vượng lớn. Nhứt là mạch đất Thăng Long là mạch phát Vạn Đại Đế Vượng gồm thâu Thiên Ma. Cao-Biền nhìn đất chạy từ bên Tây-Tạng Trung - Quốc sang, kéo gò, kéo dống trùng trùng diệp diệp muôn đời chưa hết. Cao-Biền hô Thần dè hỏi Đất Đế-Vương muôn đời, vạn đại dè dành lại cho một họ ở Việt Nam. Cao-Biền xin dè, Thần đất không cho. Cao-Biền cài lệnh. Đem mả ông nội từ bên Trung-Quốc sang. Tục truyền rằng, Cao-Biền đem mả ông nội đặt đúng huyệt nhưng nửa đêm sấm sét àm i đánh bật mả ông Nội Cao-Biền. Thấy Đất quý có thần linh giàn giữ, Cao-Biền biết phúc chưa đến bèn sức dân dắp Thành Đại-La tức là thành Hà-Nội bây giờ, trên bờ sông

Tô-Lịch, nhằm mục đích trấn áp long mạch đất Đế Vượng ấy. Cao Biền còn lại lo sợ mạch đất dì mạnh không ngăn chặn được. Biền liền cho dắp một đường đê bao bọc lấy đất dắp dê dè dào dứt long mạch đất Đế vương ở Thăng long. Long mạch đất Đế vương vạn đại của Thăng-long thành bị cắt đứt, Cao Biền mừng rỡ nói cho tâm phúc biết :

— Ta làm việc này, trấn được đất Việt Nam hai ngàn năm mới hồi long mạch. Nếu không, chỉ một long mạch này nước Tàu sẽ bị người Việt Nam cai trị muôn đời không ngốc đầu lên được.

Dè yêm thêm những ngôi đất Đế vương khác, Cao Biền thường ngồi điều giấy» dè yêm các ngôi đất Đế vương hoặc súc phá long mạch các nơi phong thủy đẹp cốt không cho người Việt được hưởng Địa lý của nước Việt.

Trên đây là lược thuật sơ sài về Địa lý của nước ta theo quan niệm phong thủy trừu-tượng, những sông ngòi, núi non, mồ đất, thành những hình tượng Long, Ly, Quy, Phượng v.v... hợp thành một địa thế cấu tạo nên con người tài hoa, anh tuấn.

Quan niệm Địa lý như trên trong nhân dân mới có những câu ca dao về Địa lý như sau đây :

«—Người ta sống vì mồ, vì mà
Không ai sống vì cả bát cơm.»

«—Quý địa sanh Quý Nhơn
(Đất quý sanh người Quý).

«—Hòn đất nặn nén ông Bụt».

Quan niệm Địa lý một cách trừu tượng như ông cha chúng ta thật ra đến ngày nay không ai dám cho đó là mê tín, là không phải. Cũng như số Tử Vi. Hà Lạc là một bài toán số học rất tinh tế mà chúng ta chưa khám phá ra được.

Ở đây, chúng tôi không dám phê bình và cũng chưa dám đặt vấn đề nghiên cứu về Địa lý Việt Nam, chỉ làm một việc thông thường là thuật lại những câu chuyện về Địa lý còn lưu truyền trong dân chúng, hoặc trong sách, để cống hiến bạn đọc Phỏng.

NGÔI ĐẤT BÁCH NHỰT
PHÁT VƯƠNG PHI
hay là
BÀ CHÚA MÍA VÀ QUAN
NGHÈ LÀNG ĐÔNG TIAU

Ông Đồ Đoàn-Công-Lương, người làng Mía, huyện Quảng-Oai, tỉnh Sơn-Tây, đã 3 lần lọt Tam Trường Trường Hà - Nội mà dành phải về tay trắng vì phạm Trường-Quy.

Nhà nghèo, quanh năm ông Đồ Lương chỉ khăn đóng, áo dài thô phú ngâm vịnh, bạn cùng với khách tao nhàn. Việc gia đình phó mặc bà Đồ cầm tang, canh cữ lẩn hở nuôi chồng, nuôi con.

Lấy nhau đã ngoài 20 năm, bà Đồ chỉ hạ sanh được một gái, năm ấy vừa độ trăng tròn, đặt tên là Đoàn-Thị-Lan.

Năm Nhâm Tuất (1682), Chúa Tây Vương Trịnh - Tắc băng hà tại Thăng - Long nhằm đời Vua Lê-Hi-Tôn niên hiệu Chính-Hòa, tại làng Mía, bà Đồ Đoàn Công Lương cũng bị bạo bệnh mà qua đời.

Gia đình ông Đồ Lương đã lui quanh lại càng thêm lui quanh. Cái Lan vừa học sách vừa học nghề cầm tang của mẹ Nàng dè lại nên ngày nay Nàng Lan vẫn tiếp tục bò dâu, nuôi tằm, dệt vải, quay tơ hầu hạ cơm rượu, trà. Tầu mỗi ngày bên cạnh cha già.

HÒN ĐẤT NẮN NÊN ÔNG BỤT

Kè từ ngày bà Đồ qua đời, ông Đồ Lương dạy thêm mươi đứa học trò trong làng rồi quanh quẩn ở nhà trông nom gia đình, phụ giúp thái lâu, nuôi tằm hộ con gái.

Mỗi mùa dâu, Nàng Lan cấy cầy ruộng hương hỏa trên bờ sông, thửa thải dâu nuôi tằm còn bán thêm cho bạn hàng lấy tiền mua rượu cho cha.

Khách của ông Đồ thường thường là những bạn tri-âm thơ phú, những ông Tú, ông Cử, ông Nghè hay những nhà Nho hay chữ mà nhỡ thời vẫn lui tới thăm viếng ông Đồ trong những ngày phong vũ thê thảm hay những đêm trăng thanh, gió mát gợi lòng của khách yêu thơ.

Một hôm, trời đã về chiều. Bóng ác xế non doài. Giặng núi Tân Viên xa xa xanh rì in trên nền trời hùng dò, chim đã sào-sạc tìm nhau về tò thì tại làng Mía có người Khách lạ từ vùng Kinh Bắc đến thăm ông Đồ - Lương.

Vừa trông thấy Khách, ông Đồ Lương mừng như bắt được vàng, ôm chầm lấy người khách lạ, tươi cười hả hê, la lớn :

— Đã lâu lắm, Đệ mới mắt ngóng Đại Huynh. Hôm nay, không hiểu Thiên Lý Hữu Duyên như thế nào mà Đại Huynh lại lạc về tệ xá.

Rồi ông Đồ quay vào trong nhà gọi Lan :

— Lan đâu ra lạy Bác và chạy đi mua rượu cho Thầy. “Tửu phùng tri-kỷ tam thiên bội vẫn còn ít mà”.

Nàng Lan như vui lây với Cha. Nàng ra chào khách lạ.

Nhin nàng Lan chít khăn ngang buông thảng sau vai, khách như đoán biết gia đình Bạn yùa xảy ra chuyện chẳng lành. Khách treo ô lên cánh cửa và hỏi :

— Chẳng hay Hiền Tỷ quá vắng lâu chưa? Sao Đại Huynh không cho Tiều Đệ biết?

Nghe bạn hỏi, ông Đồ Lương ngậm ngùi đáp :

— Tiện nội về chầu Tiên Tô đã gần đoạn tang. Việc nhà quàn bách, Đệ không báo cho một ai biết cả. Vả lại Tiên Nội cũng mất trong tháng tại Phủ Chúa chốn Kinh Kỳ cũng mang Đại Lang. Còn Đại Huynh như chim hồng hạc bay bốn phương trời, tin nhạn biết đâu mà trao thơ.

Khách càng cảm động khi nhìn bức màn tang bụi mờ bóng nhện.

Khách cuộn màn rồi tự tay thắp nhang trên bàn thờ trịnh trọng vãi. Ông Đồ lật đật đứng đáp lễ.

Làn hương thơm phức của nấm nhang sào bay tỏa khắp ba gian nhà của nhà Nho nhở thời.

Chú, Khách cùng ngồi dàm đạo trên chiếc phản gỗ. Một lát sau, Lan từ dưới nhà bung lên một mâm thức ăn còn nghi ngút khói, một bể rượu đầy. Nàng Lan chấp tay mời : — Lạy Bác, lạy Thầy, xin mời Bác và Thầy nhâm rượu. Rồi nàng chấp tay đứng hầu một bên.

Ông Đồ dơ tay mời khách :

— Xin thỉnh Đại Huynh nồng ly.

Rồi ông Đồ quay lại giới thiệu với con :

— Đây là Bác Lã Khanh, Thành Địa Lý của nước ta bây giờ và là Bạn cố tri với Thầy. Trước kia, hồi sanh tiền mẹ con vẫn thường nhắc đến bác Lã luôn luôn. Đã năm năm nay, Bác Lã di chúc du thiên hạ. Hôm nay Bác Lã về đây thăm Thầy, thật là vạn hạnh cho gia đình ta lắm con ạ.

Nàng Lan chấp tay cúi đầu vái chào Lã Khanh.

Rượu được một tuần. Lã Khanh, ông thầy Địa lý nổi danh đất Bắc, suốt từ miền Kinh Bắc xuống đến Thăng Long, Sơn nam và thành Đông ai cũng biết tiếng, nhìn Lan tỏ ý bằng lòng và hỏi :

— Cháu bác năm nay mấy tuổi?

— Dạ lạy Bác cháu vừa đúng 16 tuổi. Lan đáp.

Rồi Lã Khanh quay nhìn ông Đồ và hỏi :

— Tôi sẽ giúp Bác một ngôi đất quý Bách Nhựt phát Vương Phi và sau 100 ngày Cháu Lan sẽ thành Vương Phi đất Bắc.

Biết tài Địa lý của Bạn, ông Đồ Lương mừng rỡ :

— Được Bác ra tay tái tạo, ơn ấy giá đinh Đệ bao giờ dám quên.

Lã Khanh quay lại nhìn Lan hỏi :

— Cháu Lan của Bác nghĩ sao ?

Lan e lệ, đỏ mặt, cúi đầu im lặng. Nàng Lan không tin và tin làm sao được khi nàng chỉ là một cô gái miền thôn dã, con nhà nghèo, cơ hội nào được tới Kinh kỳ đắc các bậc Đế Vương chú ý.

Lã-Khanh quay sang nói chuyện với ông Đồ :

— Chiều nay, Đệ qua đây thăm Đại-Huynh, có tìm thấy một ngôi đất rất đẹp ở ngay đầu làng này. Ngôi đất phát Vương-Phi rất nhanh chóng. Tôi không dám nói là Tam-Nhựt-Vương-Phi e quá sớm chờ Bách-Nhựt Vương-Phi thì cũng chậm lắm rồi.

Ngôi đất này có Nga-Mi, có Ngọc-Tinh, tay Long cuốn từ núi Ba Vì trở về, tay Hồ cuốn từ bên kia núi Tân-Viên trở sang. Thật là quý Địa. Ngày mai tôi sẽ cùng Bác đưa cốt bác gái sang táng ở đó. 3 tháng sau đã phát rồi. Phát ngay cháu Lan.

Sáng ngày hôm sau, ông Đồ-Lương sai Lan ra chợ mua Tiều-Sành dựng cốt, vải diều bó xương chò dêm tối ra đồng cài táng mồ bà Đồ.

Đè xong ngôi mộ, Lã Khanh phân kim xong thì trời nổi gió, vân vũ đầy từ phương. Lã Khanh vui mừng bảo ông Đồ :

— Đất Quý đè trung huyệt, âm dương chuyển động. Nhứt định 100 ngày cháu Lan đã an vị trên ghế Vương-Phi đất Bác rồi.

Nhưng tôi chỉ tiếc một điều, đất tốt có lật, sau này cháu Lan sẽ làm một việc thất đức, chém một vị Tiến-Sĩ Đường Quan.

Rồi Lã-Khanh chép miệng : — Ô ! Sự đời vẫn thế cả. Nhân vô thập toàn, Địa-Lý cũng thế ! Sáng hôm sau, Lã-Khanh từ giã ra đi. Ông Đồ-Lương cầm giũ-mãi, Lã-Khanh vẫn không chịu ở lại.

Ngày tháng trôi qua... Lan bỗng nhiên thay đổi tính nết, cử chỉ. Từ lời ăn, tiếng nói đều có giáng điệu của một vị Mãng-Phụ, Vương Phi. Ông Đồ thấy con khác thường càng tin ở tài Địa-Lý của Bạn.

Rồi, một buổi sáng của mùa xuân, cây cỏ còn ướt hơi sương sớm, Lan đã quay gánh ra bờ ruộng cắt lá dâu về nuôi tằm. Ruộng dâu là bối đất phù sa nằm trên bờ sông Hồng. Dưới sông, từng con thuyền qua lại đậm đìu. Ánh nắng của vầng Thái-Dương vừa ló dategorie Đông, chiếu xuống mặt nước lăn tăn gợn sóng nhấp nhô như ai vải nắm kim nhù trên sông lồng lánh ánh nước.

Nàng Lan dưa nhanh tay liềm cắt những ngọn cỏ non mượt.

HÒN ĐẤT NÂN NÊN ÔNG BỤT

Nàng cảm thấy tâm hồn sảng khoái vui lây với vạn vật đượm ánh nắng đầu xuân. Nàng cắt tiếng hát lạnh lanh :

- Tay cầm bán nguyệt senh sang •.
- Một trăng ngọt cỏ lai hàng tay la •.

Tiếng hát của Nàng Lan ngọt ngọt cao vút vang vang như chim trên mặt sông với làn gió mát. Tiếng hát của Lan đã làm cho vị Chúa Tè Đất Bắc, Định Vương Trịnh-Cán vừa trây qua nghe rõ.

Giữa cảnh sông nước bao-la, dưới trời Xuân mát dịu, tiếng hát của nàng thôn nữ Làng Mía làm động lòng chúa Định-Vương. Chú truyền hộ vệ ghé thuyền đậu bến để tìm người thiếu nữ hát tiếng hát.

Lính lên bờ tìm quanh ruộng đậu chẳng thấy một ai ngoài một nàng thôn nữ xinh tươi mặn-mã, tóc phượng, mày ngài, đang độ xuân tươi. Người đẹp vườn đậu thôn Mía đang cắt cỏ ruộng đậu. Hồi ra mới biết chính nàng thôn nữ kiều diễm là người đã cắt tiếng hát làm giao động đến vị Chúa đất Bắc hồi bấy giờ.

Lính mời nàng xuống thuyền để chúa dòi. Nàng Lan sợ hãi nhìn đám quan quân. Một hộ vệ Quan nhanh nhều bảo Nàng :

— Nhà Chúa vừa ngự giá qua đây nghe tiếng hát của Nàng nên cho vời nàng xuống hầu.

Nàng Lan nghĩ ngay đến ngôi mộ Bách Nhứt phát Vương Phi của Lã Khanh, người bạn tam giao với cha nàng cách đây ba tháng. Nàng vội sửa lại vành khăn mõ quạ, vuốt lại mớ tóc mây rồi theo lệnh xuống thuyền hầu Chúa.

Bức rèm vàng che phủ khoang thuyền rồng rộng rãi vừa được cuốn lên. Nàng Lan nhìn trong khoang, Chúa Trịnh Định Vương nằm trên chiếc võng dà dang liếc nhìn Nàng.

Quan quân như thuộc ý Chúa khi gặp người Đẹp, tất cả đều lén bờ dụng lều chờ đợi.

Dưới thuyền rồng, Đoàn thị Lan, cô thôn nữ vườn Mía đã được làm Vương Phi hầu bên Chúa Trịnh Định Vương.

Cuộc đời thơ của nàng thôn nữ làng Mía, con gái cụ Đồ Đoàn công Lương đã được Chúa

Trịnh Định Vương khai mạc.

Một lát sau, tiếng chiêng nồi lên một hồi dưới khoang. Thị-vệ như đã thuộc lâu tiếng chiêng lệnh của Chúa đài lật đặt xuống hẫu.

Cửa rèm lại mở. Nàng Lan đã chỉnh tết khăn mõ quạ, áo đầm lấm ngồi bên Long Ý, cạnh chúa Trịnh Định Vương. Vị Chúa từ đất Bắc dưới thời vua Lê Hi-Tôn ngồi bên người đẹp với dáng điệu chiều mến Thị-vệ phủ phục dưới chân chúa Trịnh Định Vương đợi lệnh.

Chỉ nàng Lan, Chúa Trịnh Định Vương truyền :

— Quan Đô-Úy Chưởng Vệ Lê công Liêm và nhà ngươi đưa

Vương Phi về nhà và đưa chiếu truyền Tòng đốc Sơn Tây về kinh hầu đền định ngày trước Vương-Phi về phủ Chúa.

Thị-vệ vâng lệnh cùng quan Đô-Úy Chưởng-Vệ Lê-Công-Liêm hầu ngựa Nàng Lan đưa về làng Mía.

Ngày 16 tháng 4 năm Gáp-Tý (1684), quan Tòng-Đốc Sơn-Tây vâng lệnh Chúa về làng Mía đón Vương-Phi Đoàn-thị-Lan con Cụ Đồ Đoàn-công-Lương về Kinh nhập hàng Vương-Phi nơi Phú-Chúa ; Đó là Bà Chúa Mía.

Kỳ Sau : Quan Nghè làng Đông Mâu, ngồi đắt phat Nhứt Đại Công-Khanh.



* MỘT CÁCH GIẢI ĐỘC :

Trò A đã học về miệng dinh mực tèm-lèm, mếu máo khóc. Mẹ nó liền hỏi :

— Bộ con uống mực sao mà tèm-lèm, vây ?

— Dạ, dạ phải...vì hồi nãy con lấy mực bôi lên áo của thằng B ngõi trước con, thay bớt được, phai con phải uống hết bình mực... hu ! hu !

— Ủa, sao con lại khóc, thối, mực không có gì hại đâu, ai bảo con rắn mắt.

— Dạ không phải vây đau mẹ, mà thay còn bắt con nuốt một tờ giấy chàm đè giài độc, hu ! hu !



15. - NGUYỄN - VĂN - VĨNH

HỜI hãy còn là một sinh viên bé nhỏ, tôi đã nghe tên ông Nguyễn văn-Vĩnh, rồi nghe cái tên thôi, với tất cả ấm lòng khâm-phục và tôn-kính như bậc đại-nhân, siêu-quần bạt-lụy, tài-giỏi vô song. Chỉ vì tôi đã đọc hết bản-dịch bộ sách «Les Misérables» của Victor-Hugo đây bằng bộ Từ-điển Petit Larousse. Đọc bản dịch của Nguyễn-văn-Vĩnh, ai cũng phải nhận ông là một nhà học-giả tài

* NGUYỄN.VĨ

năng quán chúng. Trước đó tôi đã đọc vài bản dịch *Chinh-phu-Ngadm* ra tiếng Pháp, và nhiều bản dịch thơ Pháp, nhất là một bài *Le Lac* ra tiếng Việt, tôi đã không được thỏa-mãn. Từ khi đọc mấy bài *Fables de La Fontaine* của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch ra Việt-ngữ, và bộ sách «Những kẻ khốn-nạn» của ông rất là vý-đại, hùng-tráng, tuyệt-kỳ, tuyệt-mỹ, thì mỗi lần chỉ thấy cái tên

của ông tôi cũng đã cùi đầu xuống khâm-phục rồi.

Sau đó, báo *l'Annam Nouveau* của ông ra đời. Tôi mua ngay từ số 1, cũng như các bạn trẻ ham học hòi đó, và cũng như tất cả các bạn sinh-viên nghèo, chúng tôi đều rán mua cho được, mỗi tuần hai kỳ, các số báo *L'Annam Nouveau* cho đến khi nó đóng cửa, vì ông Vĩnh bị vở nợ.

Mê Việt - văn của ông, mê cả Pháp văn của ông, tôi chỉ ao-ước được gặp ông một lần, được hầu-chuyện với ông, dù là một tiếng đồng-hồ thôi, cũng thỏa-thích. Một buổi chiều vào khoảng ba giờ, một người bạn của tôi và tôi đang đi trên via hè phố hàng Gai, bỗng người bạn bảo tôi :

— Ông Nguyễn-văn-Vĩnh kia, mày !

— Đâu ?

Người bạn chỉ tôi một ông to béo, mặc â -phục trắng, đội cái mũ trắng bự giống như cái « mũ thuộc địa » (casque colonial hồi đó), ngồi trên chiếc xe mô-tô kềnh -kèng, nồ binh-bịch và kêu rầm -rầm, từ trên hàng Bông chạy thẳng xuống hàng Gai. Chúng tôi đứng lại

ngó ông. Lúc ông bay vụt ngang qua chúng tôi, tôi cùi đầu chào. Ông không trông thấy. Nhưng tôi vui sướng vô cùng, Tôi đã thấy mặt nhà Văn-hào Nguyễn-văn-Vĩnh.

Trong ba năm mà tôi còn là cậu sinh viên nhỏ bส, tôi chỉ thấy ông Nguyễn-văn-Vĩnh có một lần đó thôi. Nhưng hình ảnh của ông nhà-văn to lớn kia đã in sâu vào trong trí nhớ của tôi, và mỗi khi tôi nghĩ đến ông, hay đọc một bài báo, một quyển sách của ông, thì, lạ quá, tôi cứ nghe tiếng xe mô-tô nồ binh-bịch và chạy rầm-rầm bên tai tôi.

Cho đến bây giờ, tôi ngồi chép lại ký-ức này, tôi vẫn còn thấy bóng dáng ông Nguyễn-văn-Vĩnh ngồi trên chiếc xe mô-tô sơn màu đỏ, chạy vụt qua trước mắt tôi thật nhanh, như một chiếc xe mô-tô bay.

Trong những câu chuyện của đám sinh-viên Trường cao-đẳng Hà-nội, người ta thường nói đến ông Nguyễn-văn-Vĩnh luôn. Một vài anh cho tôi biết rằng ông có một người vợ hai là cô Đầm-lai rất đẹp và còn trẻ tuổi. Còn bà cả thì là người Bắc, rất hiền lành.

Nhà ông là cái biệt-thự có tường xây cao chung quanh và có công sít, trên hồ Văn-chương, bên cạnh Đền thờ Không-Tử. Tôi đã đi ngang qua đó mấy lần. Tôi vẫn hằng ước mong làm sao có cơ-hội may-mắn được gặp ông một lần, để xem tường-tận gương mặt của ông và nghe ông nói chuyện.

Cơ-hội ấy đã đến. Tôi cầm tập thơ mỏng-dánh vừa mới xuất bản, đến Tòa Báo *L'Annam Nouveau* với ý định kính tặng ông để xem ông nói thế nào. Buổi sáng tôi biết ông bận nhiều việc, tôi đợi đến buổi chiều. Tôi rón-rén bước vào phòng thư-ký. Bốn năm ông và cô ngồi làm nò-sách, đánh máy, không ai để ý đến cậu nhãi con ngơ-ngác, như con nai dì lạc bước trong rừng chiều.

Bỗng một chàng con trai dong-dong cao hơn tôi, nhưng chạc tuổi với tôi, từ ngoài cửa đi vào. Chàng tím-tím cười, hỏi rất nhã-nhặn :

— « Vu » hỏi gì đấy ?

Tôi thấy cái miệng chàng như móin, nhưng đôi mắt rất lạnh-lạt.

Tôi bảo :

— Tôi muốn xin vào yết-kiến ông... Directeur.

Chàng nhanh-nhau trả lời :

— « Vu » chờ một tí nhé. Đề tôi vào xem Thầy tôi có bận việc lăm không đã nhé... À mà, xin lỗi, « Vu » hỏi ông cụ có việc gì ?

— Dạ..., tôi muốn đem tặng ông Directeur tập thơ nho-nhỏ đây, mới xuất-bản.

Nói xong, tôi trao « Tập Thơ đầu » cho chàng ta. Chàng xem qua trên bìa, lật qua mấy trang trong, rồi tím-tím cười, cười mím chặt môi, để cái miệng như móm vậy.

Xong, chàng bảo :

— « Vu » cứ vào với tôi.

Tôi đi theo chàng, trong lòng hồi-hộp, không biết chàng này là ai mà coi bộ đi vào văn phòng riêng của ông Chủ-nhiệm có vẻ tự-nhiên như thế.

Một căn phòng rộng-rãi, mát-mẻ, có một dây cửa kiến ngó ra ngoài đường. Ông Nguyễn-văn-Vĩnh mặc áo sơ-mi thật trắng, tay dài, đeo cà-vạt đen, ngồi châm-chú viết. Nghe tiếng giày chúng tôi vào, ông ngung bút, ngoảnh mặt ngó ra. Chàng trẻ

đến gần, cười bảo rất lễ phép và vui vẻ :

— Thưa Thầy, có một chàng Thi-sĩ...

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh ngó tôi, thốt ra một tiếng Pháp :

— Ah !

Ông lại cười, tiếng nói rang rảng :

— Vous êtes poète ?

(Anh là Thi-sĩ hả ?)

Tôi mỉm cười đáp :

— Non, monsieur le Directeur.
(Đã thưa, không phải.)

Chàng kia bỏ tôi ở lại một mình với ông Nguyễn-văn-Vĩnh, chàng đi ra ngoài.

Ông cầm quyền thơ mong manh, bé nhỏ, lật coi từng tờ. Ông chú ý đến thơ Pháp nhiều hơn là thơ Việt. Rồi ông vui vẻ nói chuyện.

Tôi cảm thấy vinh hạnh được ông Nguyễn-văn-Vĩnh bảo ngồi chiếc ghế đối diện, và được ông tiếp chuyện độ vài chục phút. Ông chỉ nói tiếng Pháp, thỉnh thoảng mới châm vào vài câu tiếng Việt thôi.

Ông hứa sẽ viết bài giới thiệu quyền thơ, và khuyến khích vài lời, làm tôi vô cùng cảm động.

Tôi đứng dậy chào cáo biệt:

Ra ngoài tôi lại chạm trán anh chàng lúc này. Té ra anh tự giới thiệu là Nguyễn-nhược-Pháp, con trai cụ Nguyễn-văn-Vĩnh. Từ đó, hai đứa chúng tôi quen nhau và dần dần trở nên đôi bạn thân.

Rồi do noi Nhược-Pháp mà sau đó tôi lại quen với Huy-Thông.



Hai ba lần, Nhược-Pháp đưa tôi đến tòa soạn L'ANNAM-NOUVEAU, tại đây tôi thường được hân hạnh hầu chuyện với cụ Vĩnh. Cụ thích nói về chính-trị vì lúc bấy giờ cụ chủ trương ché đở « Administration directe » (trực trị), đối lập với ông PHẠM QUÝNH, lãnh tụ phe Bảo-Hoàng, chủ trương cung cống quyền Bảo Đại. Khác hẳn với Phạm-Quỳnh mà cù-chì, thái-dộ, ngôn-ngữ đều ra vẻ học-giả quý-phái, lại kiêu-căng, tự-dắc, cụ Nguyễn-văn-Vĩnh rất là bình-dân, già-dị, không khiêm-tốn một cách giả-dối mà cũng không kiêu-kỳ trịch-thượng. Nói thẳng thắn điều gì cần phải nói, quan-niệm thế nào thì nói ra thế ấy, không cần văn-chương, bóng-bây, không dè - dặt, rào trước đón sau, không quanh-co.

khúc-khiu, không nham - hiềm. Đó là những đức-tính của Cụ Nguyễn-văn-Vinh mà người đương thời đều mến phục. Nguyễn-văn-Vinh rất trung-trực, không nịnh ai mà cũng không ưa ai nịnh mình, không tùy thời, chỉ tùy mình. Cụ chủ chương lẽ phải của Cụ, không có lý lẽ nào khác đánh-dò được Cụ.

Cụ là người rất yêu nước, yêu dân, một nhà ái - quốc - thân-chính, và Cụ đã thực hiện đời sống dân-chủ riêng trong phạm vi của Cụ giữa thời kỳ phong-kiến thối nát của chế-độ thuộc-dịa và quân-quyền.

Cụ chủ-trương « trực-trí » tức là Cụ chống lại quyết liệt cái chế-độ thuộc-dịa và bảo-hộ của Pháp. Chính sách trực-trí của Cụ gần như Chủ-trương Commonwealth của An-đô hiện nay đối với Anh. Cụ đã kích quân-chủ, coi Bảo Đại như đứa con nít khờ-khạo để cho Tây vò đầu sai khiến. I lão hết các lớp sinh-viên cao-đẳng và trí-thức giác-ngộ ở Bắc-I là đều hưởng-ứng theo Nguyễn-văn-Vinh.

Bạn thanh-niên chúng tôi thời hấy giờ, — tôi nói đại đa số sinh-viên Cao-đẳng và Văn-sĩ Thi-

sĩ mới ra đời — đều phục ông Nguyễn-văn-Vinh như ông Thầy, hơn nữa, như nhà lãnh-tụ. Nhưng Cụ vẫn hoạt-động công-khai, không thích làm « Hội kín ».

Tôi nhớ có lần, tôi muốn chơi nghịch chọc Cụ Vinh mà không cho Cụ biết. Tôi muốn cái tên Lê-Chi của người bạn gái thân-yêu nhất của tôi đề ký một loạt bài về phụ-nữ, bằng Pháp-văn, trong tờ báo Pháp *L'Ami du Peuple Indochinois* (Bạn Dân) của ông Giáo-sư Michel Tôi « công-kiích » một bài của Cụ Vinh trong *L'Annam Nouveau*, nhân đề là « *Nos enfants chantent, nos enfants jouent* » (Trẻ em hát, trẻ em chơi). Cụ giảng nghĩa ra Pháp-văn một bài hát :

« *Chi chí chành chành, cát đanh thòi lửa, con nząa đứt cương* » v.v...

Với bút hiệu Lê Chi, tôi cãi lại, cho rằng Cụ giảng sai. Thực tình, tôi nghịch-ngợm, giả làm một Nữ sinh - viên để bắt bẻ Cụ chơi, xem Cụ bả sao chừ đâu dám cãi bướng với Cụ! Vì vậy mà có cuộc « bút-chiến » giữa Cụ và « cô Lê-Chi ». Độc-giả hai

tờ báo chắc là tẩm-tẩm cười, theo
rồi cuộc « bút-chiến » lý thú kéo
dài gần một tháng. Lê-Chi là cô
gái nghịch-ngợm, ranh-manh, nhí-
nhà nhí-nhảnh, còn Cụ Nguyễn-
văn-Vĩnh tuy là già nhưng cái
giọng châm-biếm vẫn còn hăng,
quyết-liệt mà không đồ quạu.
Rốt cuộc, Cụ viết đại khái như
sau đây :

« Nến cô Lê-Chi mới dỗ Tiên-
sĩ Vật lý-học ở Pháp về, chắc cô
cũng chưa có chồng và chưa có
con. Tôi khuyên cô nên có con đi dã
rồi hãy nói chuyện với tôi về cách
trẻ em hát và trẻ em chơi. Tôi thì
tôi đã có chút ít kinh-nghiệm về
trẻ con bởi tôi là một đứa trẻ
con già. »

Tôi còn nhớ mái câu của Cụ là
« je suis un vieil enfant » (Tôi là
một đứa trẻ con già) !

Tôi phục câu ấy quá, không
dám kéo dài cuộc « bút chiến »
nữa. Nhưng sau đó Nguyễn-
nhược-Pháp cười bảo ông bố :
« cô Lê-chi là N.V. đấy, Thầy
ạ », Cụ Vĩnh cười hì-hì :
« Thế mà Thầy cứ tưởng là cô
cô Lê-Chi thật ! »

Tết năm ấy, tôi rón rén đến
mừng tuổi Cụ. Với bàn tay họ-
pháp, Cụ tươi cười vồ mạnh trên

vai tôi, làm tôi muốn liềng-xiềng.
Nhưng nghe Cụ bảo :

— Chúc cô Lê-Chi đầu năm đẻ
con gai, cuối năm đẻ con gái nhé !

Tôi mắc cở đỏ mặt, nếu không
có Nguyễn nhược Pháp trong nhà
chạy ra, tay bắt mặt mừng thì có
lẽ tôi đã té-xiù xuống chiếc ghế
phô-tơ cũ-kỹ nơi phòng khách
của Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh.

Hôm được tin Cụ chết ở bên
Lào, tôi ngồi nơi bàn viết của
tôi, nhớ đến Cụ, bỗng dưng hai
giòng nước mắt trào ra.

Tội nghiệp Cụ Vĩnh ! Trong lúc,
kể biết xu thời đang ngất ngưởng
cân dai ở Huế, vênh-váo bên
ngai rồng, thì một bậc Văn hào
lối lạc, một nhà Ái quốc trung
trực và liêm khiết, đã vở nợ,
theo ông Amédée Clément sang xứ
Lào để tìm vàng và phiêu lưu
mạo hiểm trong rừng thiêng nước
độc, rồi chết trên một giường
bịnh, xa vợ xa con, xa quê hương
xứ sở, xa tất cả những người mến
yêu kính phục, và trong túi không
có một đồng xu !

Quan tài của cụ Nguyễn văn
Vĩnh được đưa xe lửa từ Lào về
đến ga Thủ Đức, ở phía Nam
Hà nội, cách thủ đô khá xa. Tất

rồi các giới sĩ, nông, công, thương
& Hà nội và các tỉnh lân cận đều
tự động kéo nhau đi, sắp hàng tư,
hang năm, có đến mấy chục ngàn
người, đi bộ gần mấy cây số, dề
đến rước linh cữu của nhà Đại
Văn-sĩ.

Linh cữu đến ga Hàng Cỏ giữa
một biển người im lặng, ai nấy
đều cúi đầu, rung rung nước
mắt. Linh-cữu được đưa vào
đặt trong Hội quán Tam
Diêm (Loge de Franc-Maçonnerie), có ông Lê-Thăng, Tiến sĩ
Luật-khoa và cộng sự viên của
l'Annam Nouveau, ông Phạm

huy Lục và hai người Pháp trong
Hội, đúng lúc trực đêm ngày.

Hôm dám tân của ông Nguyễn-
văn-Vinh, một số anh em làng vãi,
Lưu-trọng-Lư, Trương - Tứu,
Lan-Khai..., bảo tôi làm bài ai-
diếu. Tôi bảo :

— Không ! Các anh muốn làm
gì thì làm, muốn nói gì thì nói.
Các anh muốn đọc mấy chục bài
diếu-văn cũng được cả. Đừng
bảo tôi.

Tôi chỉ mong được vinh-dụ
khiêng quan-tài của Nguyễn-văn-
Vinh trên vai, từ Hà-nội về đến
huyệt mà nơi làng của Cụ...



* NGHĨ SAO NÓI VẬY

Con — Ba ơi ! mua cho con cái trống đè đánh chơi, Ba.
Cha — Con đánh trống, làm sao Ba ngủ cho được ?
Con — Vậy con chờ khi nào Ba ngủ rồi thì con mới đánh,
sao đâu !...
Cha — !!!

THÁI-HÒA

* DÀNH CÁ NGƯA

Mấy tháng nay, Lý Toét rất ham đánh cá ngựa. Mỗi Chủ
nhật, anh đều đánh ở độ đầu 50d. con số 1.

— Bộ anh ăn dùi lăm hả. Xã-Xê hỏi.
— Ăn cái móc khò gì anh ! Tôi nghĩ họ gian lận quá anh
Xã à. Chắc là khỉ ngựa chạy phía bên xa quá mình không thấy
máy chủ nài họ đổi số lại chờ gì !

NU CƯỜI PHÔ THÔNG

CÔNG TÁC XÃ-HỘI

NHÂN VẬT Bà chủ và Ông già

* TRỌNG TẦU

Ô già.— Dạ, thưa bà...

Bà chủ.— Ta! sao cứ hết thưa
lại gửi ?

Ô già.— Dạ, thưa bà không
thưa bà lại cho là vô lễ...

Bà chủ.— Nhưng nghe cái thưa
của các người chướng tai lấm !
Hắn lại muốn xin xô truyện gi
đây ?

Ô già.— Thưa bà, bà là người
nhân đức...

Bà chủ.— (gắt gông) Bà khôi
căn nỗi, còn ai là tôi nřa sao ?
Tôi là phó Hội Trưởng Hội
nặng đỡ kẽ nghèo, Tông Thư Ký
Hội bộ thi cho kẽ khó. Bí thư
của Hội bạn thân của người
thết nghiệp ; tôi lại có ba bốn

chân trong các hội làm phuộc
quốc tế nřa. Các báo ngày nào
cũng đăng tên tôi, hằng năm,
không có danh sách lạc quyền
nào là tôi dẽ thiếu sót...

Ô già.— Thưa bà, vì biết bà
phuộc đức như vậy nên con mới
xin bà giúp cho 500 đồng vì lũ
nhỏ nhà con hiện giờ đang ốm
nặng. Nhân tiện con xin phép
bà cho nghỉ mươi hôm...

Bà chủ.— (Nhảy : Chồm lên)
Trời ơi ! tiền tôi làm phuộc từ
phuơng còn dư đâu cho bà ?
Bà muốn nghỉ ? (bầu môi) Bà nói
dẽ nghe chưa ? Thế cuối tháng
bà có nghỉ lanh lưỡng không ?

Ô già.— Thưa bà, con xin lời

đã dại dột lỡ nghe người ta sùi
điếc.

Bà chủ.— (càng nói lôi đình)
Đứa nào ? nó sùi bà giết tôi
phải không ?

U già.— Thưa bà không ạ !
Cô anh học sinh nghèo trước
cái, anh ấy bảo con cứ thừa với
bà : „Trước khi làm phước từ
phương hãy giúp đỡ cho ngay
người ở gần mình đi đã», con
chắc nói thế bà thương.

Bà chủ.— Hừ, hồn thật ! Nhãi
con dời lên mặt giày đòn. Tôi
giúp bà thì ai biết cho tôi, các
bảo có dâng lên tôi lên không ?

U già.— Cậu ấy còn nói thêm :
„làm phước mà không nên danh
tinh là làm phước hai lần...” ạ !
(U già chủ thích giùm : *Servir
sans l'anonymat c'est servir deux
fois*).

Bà chủ.— (sững sờ) thằng nhóc
nó Jon gan thật. Bảo nó coi
chừng tôi, hỏi nó muốn yên thân
ở cái đường này hay muốn cuồn
gỏi đi chỗ khác ? Thôi, tôi không
co thi giờ nói truyền làm phước
với u, (nhìn đồng hồ) tôi còn
phải sửa soạn đi dự cuộc thảo
luận giúp nạn nhân bão lụt ở
Đài-Loan... đi vào trong nhà,
đứng có lộn-xộn !

(U già lùi thủi đi vào trong để.)
Màn ha 1 cách rất k ch... eom.

BÀ BẦU TÂM SỰ

Hồi.— Thưa bà «Bầu Tâm Sự»
em lỡ yêu cô đó, và em hối hận
vô cùng, hối hận đòi-dòi kiếp.
kiếp vì em qua dại dột làm cái
việc mà chỉ sau khi cưới xin
người lịch sự mới có quyền làm.
Nhưng, rồi em vẫn không bỏ cô
ấy và quyết đi đến sự cưới hỏi
dang hoàng. Tiếc thay, cô ta tệ
quá, lại bỏ em mà ngang nhiên
đi với cả trăm bạn trai khác. Vì
sao em vẫn muốn cưới cô ta để
cho đỡ bị hưọng tâm cắn rứt, bà
bảo có nên không ?

Đáp.— Cậu đã dì mau và mạnh
quá, âu đó cũng là tính bồng bột
của đa số thanh niên mời lòn
lòn. Cậu đã biết hối-hận thế là
đủ rồi ; còn cưới 1 cô gái hư
dốn như vậy về làm vợ tôi
khuyên cậu đừng dại dột để
khô 1 đời. Bỏ người con gái hư
đó đi là thượng sách. *

Một tuần sau *Bà Bầu Tâm Sự*
nhận được những lời sau đây
của người hỏi :

— Thưa *Bà Bầu Tâm Sự*, bây
giờ thì em đã hết hối hận rồi
và em quyết bỏ cô đó. Cảm ơn
bà đã cho em 1 bài học sang
sốt. Em càng không hối hận
khi nghe lời khuyên của *Bà
Bầu Tâm Sự*, 1 lời khuyên chí
lý mà chính cô gái hư đó
cũng không khuyên em khác hơn.

Thưa *Bà Bầu Tâm Sự*, cô gái
đó là con của... *Bà Bầu Tâm Sự*
đó à !

CÔ GÁI ĐIỆN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VŨ



BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-BẮC

VIII

T RONG cái khi tôi đương
chăm-chú nhìn bọn người
kia, thì chính họ, họ cũng dè
ý vào tôi, vì tôi là một kẻ lạ -
mặt đối với họ. Không những thế,
y-phục của tôi ở giữa cái
hoàn-cảnh nồng-lịm, bùa - bài
này, nó tố-cáo sự cao sang,
châi-chuốt của tôi. Nói tóm lại,
tôi không phải là một người
cùng thuyền, cùng bời, với họ.
Biết vậy, tôi cùi đầu, khẽ gọi

người hầu, đem lại cho tôi một
chén cà-phê.

Bỗng, ở một góc phòng dằng
kia, dám nhạc-thủ khởi-tấu nhạc
« jazz » ; đồng-thời, cả bọn liền
bắt đầu ôm nhau khiêu-vũ ở
trong cái sân nhảy nhỏ, hép
cửa quán rượu Ba đồi thanh-
niên ngồi cùng bàn với tiều-thư
Thê-tư-Lãng cũng tham-gia
cuộc vui-đạo. Còn tiều-thư Thê-
tư-Lãng, nàng nhảy với một gã

eso, lớn, có râu mép. Mãi đến lúc này, tôi mới lại nhận rõ cái thân-hình cực-kỳ yêu-d獨立, mỹ-hảo của nàng. Một đôi vũ-khách gồm có một cô gái to béo và một người đàn-ông lực-lưỡng xoay vần tới trước cái bàn tôi đang ngồi. Tôi có cái cảm giác cô gái đây-dà kia, không hưởng-thụ được hết hứng thú cuộc vui, trong tay người bạn nhảy. Còn tiêu-thư Thê-tư-Lũng, nàng cơ hồ như một người máy. Không một lần nào, tôi thấy nàng hé môi cười, mà, có cần nói gì, nàng toàn dùng cái giọng nhát gừng, như người bắt bắc dĩ mà theo đà vậy. Gã đàn-ông, người bạn nhảy của nàng không có vẻ gì là khinh-bạc, anh ta hình như rất đời khoái-lạc vì được ôm con người ngọc đó trong cánh tay. Tuy vậy, anh ta vẫn có dáng điệu e dè, sợ hãi, chứ không dám nở ý suồng-sã.

Tôi vẫn ngồi yên, đợi cho hết một khúc nhạc, miềm ngâm cái lầu thuốc lá, lơ đãng xem bọn người kia hoan hỉ múa may, quay cuồng.

Một lúc sau, tiếng nhạc ngừng thi thoảng và cả bọn đều thôi nhảy; họ kéo nhau đi ngồi nghỉ.

Chờ cho tới khi âm nhạc nồi lầu, tôi bèn đi đến phía người con gái to béo, để mời cô nhảy một bài, vì trong thâm tâm tôi,

tôi muốn dò thám một vài điều mà tôi cần biết. Bởi vậy, tôi đã cùng cô gái ấy nói chuyện rất lâu. Tôi cho cô ta biết, tôi là một người ngoại quốc; lần này là lần đầu tiên, tôi đến chơi ở nơi đây, và tôi rất lấy làm buồn tẻ, vì không có bạn. Tiếp đó, tôi hỏi cô ta:

— Cô và các bạn của cô, thường thường hay lại chơi đây, có phải không ạ?

— Phải, chúng tôi thường hay lui tới ở đây.

— Tôi hỏi thế không phải, có phải mấy người kia, và cô, đều là chỗ bạn thân với nhau cả, hoặc giả có bà con gì với nhau, chẳng ?

— Không đâu, chúng tôi, chỉ vì đến chơi đây, mà thành ra quen nhau.

— Tôi xem mấy bạn trẻ kia, người nào, người ấy, đều rất là vui-vẻ.

—

Cô ta không đáp, mà chỉ gật gật đầu. Đợi giây lát, rồi tôi lại hỏi :

— Thưa cô, tôi trông cái cô bạn áo đỏ thầm kia, hình như quen quen, không biết tôi đã được gặp, ở đâu ?

— Đã gặp cô ấy ? mà ở đâu kia chứ ?

Cô ta vừa phì cười, vừa hỏi lại tôi như vậy. Tôi trả lời cô :

— Tôi cũng chẳng nhớ rõ nèa.

— Ông có biết không? Tôi đam chắc ông không thể nào gấp được cô ấy vì cô ấy là một nhân vật rất dỗi bí mật, chẳng ai rõ được lai-tung, khứ tích của cô ấy cả.

— Chính cô, cô cũng không biết được tung-tích của cô ấy, hay sao?... à thú, tất cả bạn bè ở đây thường gọi tên cô ấy là gì?

— Chúng tôi chỉ vẫn gọi cô ấy là cô Bạch Tân...

— À, thế ra, không ai biết cô ấy họ gì, hay sao?

— Không biết thật, vì cô ấy không hề nói ra bao giờ, mà chúng tôi cũ g chẳng hỏi làm chi.

— Kỳ-dị thiệt đấy!

Tôi vừa nói đoạn thì âm-nhạc ngừng tấu. Tôi bèn đưa cô ấy về chỗ và cúi đầu cảm ơn cô. Hình như cả bọn người kia đều chú ý vào các cử chỉ của tôi. Biết rằng về chỗ ngồi, tôi nhận thấy rõ ràng đối với cái lũ người kia, tiểu thư Thê-tư-Lãng quả là một cái gì cực kỳ bí mật, huyền ảo. Sau đó, trong khi nàng đương người mắt nhìn lên khoảng không, tôi ung-dung dì lại mời nàng khiêu-vũ.

Nàng nhận lời và khi tôi đã cầm bàn tay nàng trong ay tôi, tôi nói:

— Thưa tiểu thư Thê-tư-Lãng,

tôi đã chờ đợi mấy tháng trời nay, mà mãi tới bây giờ, tôi mới có hân-hạnh được nhận-thức tiều-thư...

— À! Sao ông lại biết tôi là tiều-thư Thê-tư-Lãng, kia?

— Tôi xin lỗi tiều thư, sao tiều-thư lại không nghĩ tới rằng, chính cái cô nhảy với tôi trong bài kèn trước, đã nói cho tôi rõ?

— Không, không, nhất định không phải, vì, tất cả ở đây, chẳng một ai biết rõ tinh danh của tôi hết.

— Vâ, thura, họ chỉ biết tiều-thư là Bạch-Tân tiều-thư thôi, kia ạ?

— Đúng thế đấy!... Nhưng xin ông cho tôi rõ, tại sao ông biết tên, họ của tôi?

— Tôi cũng hiểu, đó là một điều bí-mật, nhưng, xin tiều-thư cứ phóng-tâm, không khi nào tôi đem nóiほ ra cho ai rõ đâu.

— Nhưng, còn ông, tại sao ông lại thông lô ngõ dâng làm vậy, kia chứ?

— Xin tiều-thư chờ nghỉ xem cho tôi, quả tôi không có ý thòe-mách, tôi chỉ mong có dịp để làm quen với tiều-thư.

— Hay là cha tôi đã rõ đầu đuôi... và... ông đã cõ-tinh theo dõi tôi, chứ gì?

— Tiều thư nên tin ở lời tôi, tôi không hề bịa đặt một điều gì.

Nhung mà...

Thôi, bây giờ xin tiêu-thư
nhờ cát vẫn tôi nữa; tôi mai
tiêu-thư hãy đợi tôi ở đây, tôi
về xin nói rõ đầu đuôi, tại sao
tôi đã « thông tò ngõ dàng »
như lời tiêu-thư vừa bảo tôi,
tồn này.

— Được, tôi mai, tôi xin đợi
đó, ở đây.

Nàng nói rút lối, trở nên trầm
lặng, cho tôi khi hết bản nhạc.
Nàng về ngồi ở chỗ cũ, hút
một điếu thuốc, và người cặp
mắt, lơ-lâng nhìn lên khoảng
không-gian. Nàng vẫn cứ lặng
thính, không thốt ra, thêm một
lời nào nữa. Dần dần, nàng
nàng đứng lên, đi vào phía nhà
trong. Tôi ngồi yên, đợi hơn
hai mươi phút đồng-hồ, chẳng
thấy nàng trở ra, tôi cũng đi
vào phía nhà trong. Ở nơi đây,
cô đặt mấy bàn bi-a và có vò số
người xúm đông chung-quanh,
và đương ăn thua với nhau một
cách rất nhiệt-náo. Tôi chẳng
thấy hình-dong bóng via cô nàng
kì đâu cả. Trong lúc tôi còn
đang do dự, chưa biết tính sao,
thì tôi chợt trông thấy một
người đi về phía bên hữu và
bước qua người một cái cửa
nhỏ, hẹp; tôi bèn nón gót đi
theo người đó. Thị ra, đây
chỉ là một lối đi, ăn thông
nhưng một cái đại-sảnh, đèn
được sáng-trung. Tiếng người

òn ào, họ đương quay-quắn
chung-quanh những bàn bạc.
Tôi lén vào một đám, và, vừa
ra may, chính tiêu-thư Thê-tu-
Lăng cũng có mặt ở đó. Nàng
đương vui đầu trong cái cuộc
đòi đền này, nó có vẻ vô-cùng
hào hứng. Xem chán một hồi,
tôi cũng móc tiền ra mua một
số trù-mã nhỏ, để có thể lén la
tới bên cô nàng. Tôi chẳng cố ý
ăn thua, mà chỉ cố đẽ truy lùng
béoh nhàn của tôi thôi. Nàng cơ
hô như mè man trong đám bạc,
mà chẳng hề để ý gì tới tôi cả.
Một lát sau, Tôi thấy cái cô gái
to béo và gã đàn ông có râu,
cũng kéo phau tới bên bàn bạc
của chàng tôi. Cô gái béo nói
với Bạch Tân :

— À ha, Bạch-Tân, tôi này,
coi có vẻ rất «đỗ» thi phải?

— Cùng không đến nỗi, không
đến nỗi.

Nàng đáp như vậy và quay
đầu lại, thi liền nhận ra tôi, nàng
hết mồi cười với tôi, rồi lại quay
đi, chuyện vẫn với hai người
kia.

Tôi đẽ mắt nhìn về phía Bạch
Tân, hình như cô gái béo và gã
có râu, cũng ngồi xuống đánh
ké với nàng. Chỉ một lát sau,
nàng đã thua hết số tiền ở trước
mặt; cả ba người đều đứng lên,
ra khỏi đám bạc và trở ra nơi
tựu sảnh. Họ gọi lấy rượu «vich-
ky» ra và Bạch Tân bắt đầu một

CO GÁI ĐIỀN

euộc cuồng âm. Tôi cũng chẳng rõ cái gã có râu có say hay không, đột nhiên, anh ta quay lại hỏi tôi :

— Ơ, ô, làm sao anh lại cứ đi theo chúng tôi ?... Sao anh lại luôn luôn chú ý tới vị tiểu thư đây, là thế nào ?

Tôi cười, đáp :

— Ô hay, tôi cũng xin hỏi lại ông, sao ông lại hỏi tôi như vậy, kia ?

— Tôi cần phải hỏi anh cho ra lẽ.

Chính xác mặt lại, tôi đáp :

— Vậy thì tôi, tôi có một lẽ riêng, không cần phải trả lời ông.

— Nhưng tôi cảm anh, anh không được chú ý đến vị tiểu thư này.

— Tôi có quyền tự-do hành động của tôi, không ai cấm được tôi cả.

— Tôi cảm anh, nghe chưa ?

Hắn nói xong, đứng lên, lấy thế, đè chục dùng vũ-lực.

May sao, lúc ấy, âm nhạc lại nồi dậy. Tôi ngang nhiên đi tới, cúi đầu mời Bạch Tân khiêu-vũ; chàng ưng nhận ngay. May lời trách vấn của gã kia, bỗng trỗi nên vò hiệu lực.

(Còn tiếp)



• BẢN CỔ BIẾT RẰNG

- Trong thân thể người ta có đến 240 cái xương ?
- Mỗi ngày một con bò cái ăn đến 50 kilos đồ ăn ?
- Phải mất 13 năm để xây cất kinh Suez ?
- Muốn có một cân tơ phải cần đến 2.300 con tằm ?
- Trong 25 phân vuông bánh làm bằng mật có đến 9.000 tế-bào !
- Luôn luôn có trên 1.000.000 người ở trên biển ?
- Tím của người thường đậm mỗi ngày độ chừng 92.160 cái ?
- Mỗi mùa 1 con ong chúa đẻ 100.000 trứng ?
- Khi nhắm mắt lại, luôn luôn người ta đi về phía bên tay mặt ?

• DANH NGÔN

— Người ta bảo y là một bậc nhơn tài, nhưng sự thực y chỉ là một kẻ ngu dốt, nếu y không phải là ông Tòng Trưởng. (Tel passe pour un grand esprit, qui ne serait qu'un sot s'il n'était pas ministre).

HELVIETIUS (1758)



CÁC THI-SĨ
CUỐI CÙNG
CỦA THẾ-HỆ
LÃO THÀNH

o

3.— Bà CAO-NGỌC-ANH

* DIỆU-HUYỀN

À N đầu tiên, bốn câu thơ
chữ Hán đăng trong *Nam-*
Phong tạp chí vào khoảng 1926,
thiếu các giới văn-học ở Hà-nội
nhì ý đến một bậc tài hoa, còn
nhà tuân, ký tên là NGỌC-ANH
Một-vì. Bài thơ túc tuyệt ấy như
nau đây :

HÀO HỌA KHẨU CHIẾM :
Tôh nêu lang tháp song đào
thu,
Kim kiến đào hoa bắt kiến
lang.

Giết sứ hoa thần như hưu thác,
Vì lang tiếu-tụy giàm dung
quang.

Chính Nữ-sĩ dịch ra Việt
văn :

Song đào chàng mới trồng năm
trước
Nay thấy đào hoa chàng thấu
chàng.
Vì khiến thần hoa như có biết,
Vì chàng nhan sắc giàm phèn
chàng ?

Người thiếu phụ làm ra bốn câu thơ chữ Hán đó át phải là một bậc Nho-học uyên-thần, tài ba lối lạc. Và phải là một người có tình cảm rất tinh nhí, hạ bút xuống viết hai câu đầu càng dâ diễn tả được nỗi buồn nhớ ân thầm trong tâm đè.

Rồi kế tiếp, có vài ba bài thơ khác, hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Việt, được đăng rải rác trong báo chí Hà thành, ký tên Ngọc-Anh Nữ-sĩ.

Từ đó, tiếng tăm của Nữ-sĩ được vang lừng trong các giới trí thức nhất là giới quan liêu ở Trung-Bắc, vì người ta đã biết bà Cao-t匕
Ngọc-Anh là ái-nữ Cụ Đông. Các Cao-xuân-Duc, vợ ông Nguyễn-
duy - Nhiếp, Án-Sát Sơn - Tây, cũng một tay kiện tướng trong làng thơ thuở ấy. Vì vậy người ta thường gọi nữ-sĩ là bà Án Cao.

Bà sinh ở làng Thịnh-Mỹ, phủ Diễn-Châu, tỉnh Nghệ-An, năm Mậu-Dần 1877, bốn năm sau khi Francis Garnier chiếm thành Hà-nội.

Nhờ sinh trưởng trong một gia đình danh nho, bà được học chữ Hán từ buối thiếu thời, và

lúc 19 tuổi kết duyên với ông Án-Sát Sơn-Tây, người làng Kim-Lư, Huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông, bà đã nổi tiếng là một bậc tài hoa trong văn ~~đàn~~ nữ-giới Trung-Bắc Việt. 26 tuổi bà đã được 3 người con, thi ông Án thất lộc. Từ đây bà thi tiết nuôi con, thỉnh thoảng làm thơ để tự an ủi đôi chút cảm tình đau xót.

Năm 1953, Bà đã lựa chọn những bài thơ hay nhất của bà, cả bằng Hán-văn và Việt-văn, 80 bài, xuất bản thành một quyển đề là « KHUÊ - SẦU THI THẢO », do cụ Trần-trọng-Kim đẽ tựa.

Cụ Trần-trọng-Kim cho rằng thơ của bà Cao-Ngọc-Anh « cùng một giọng điệu, cùng một khâu khí với thơ của bà Huyện Thành Quan, nhưng thơ của bà Thiền họ Cao lại dầy đủ, văn từ sung thiêm, ý tứ bóng bẩy và nhẹ nhàng hơn ».

Đọc hết tập thơ « KHUÊ - SẦU THI THẢO » của Ngọc-Anh Nữ-sĩ, tôi thấy lời phê bình của cụ Trần-trọng-Kim rất đúng. Tôi còn nhớ năm 1953, trước khi bà Cao Ngọc-Anh xuất bản tập

thơ của bà, cụ Trần-trọng-Kim đã nói chuyện với tôi ở Đà-lạt : « Bà Huyện Thanh-Quan chỉ dè lại vài ba bài thơ, kè ra chẳng có gì là xuất sắc lắm mà một vài ông giáo sư đã đem bù vào trong chương trình giáo khoa. Còn bà Án Ngọc - Anh, thơ hay hơn nhiều, và nhiều hơn, sâu tích hơn, thì tại sao họ không đem vào chương trình giáo khoa ? »

Nhưng gác lại quan - điểm đó một bên, chúng ta chỉ dừng về phương diện khách quan của Văn học Sử, mà nói đến Nữ sĩ Cao ngọc Anh.

Như tôi đã nhận xét về Thơ của cụ ƯNG BÌNH Thúc già Thị, và của cụ THƯỜNG TIỀN Lê quang Nhơn, về phương diện giá trị Văn chương và tư tưởng, nghệ thuật điêu luyện, siêu việt của thơ, chúng ta cũng tìm thấy trong thơ của bà Cao Ngoc Anh mọi nguồn thi-cảm trong trào nhẹ-nhàng và lưu-loát vô cùng.

Dây chúng ta chỉ nói đến thơ Việt thuần túy của bà mà thôi, không nói đến thơ chữ Hán mà

nhiều bài rất hay.

Như bài thơ Việt sau đây :

VỊNH CẢNH HOÀNG HỒN

*Con trời con đất, hay con ta,
Chân cứng lo chi bónz xế tà,
Nhớ mẹ thêm rầu khì sớm tối,
Thương con nào quản nổi gần xa.*

Giám phai lời hẹn cảng non nước.

*Cũng gương vui cười với cỏ hoa
Phong cảnh buồn trong nơi đất
khách,
Chiều hôm lác đác hạt mưa sa.*

Lời thơ nhẹ nhàng, điêu-luyện, không lò bò. Nữ sĩ ta tâm sự của mình trong lúc hoàng hôn, rất tự nhiên mà rất cảm động. Vịnh cảnh NGỦ-HÀNH-SƠN (Đà-lặng), Nữ sĩ vẫn có lối thơ nhẹ nhàng và rất tự nhiên, không có những nét giả tạo :

*Nghe nói Hành - Sơn cảnh
tuyệt vời.*

*Cõi trần dạo bước chở xem chơi.
Năm hòn cao vót cây chen đá
Bến mặt mênh mang nước lớn
trời.
Bãi cát trắng phau cơn gió bụi.*

Chòm rêu xanh ngắt bóng trăng
khoai,

Ngực thi nét bút côn nhí vê.

Dâu bè bao phen đâm dời !

Chúng ta thấy Nữ-sĩ Ngọc-Anh làm thơ rất dễ dàng, hình như thi tú của bà thông cảm rất mầu nhiệm với hồn thơ của cảnh vật, cho nên lời thơ không cần gọt dẽo, và tô điểm màu mè làm sai lạc về thiên nhiên, như phần nhiều các nữ sĩ khác.

Thơ của bà Cao Ngọc-Anh uyên chuyền thoát tha, và luôn luôn được một u hoài man mác :

ĂN TẾT Ở SAIGON

Nghìn dặm xa xôi trải nước non
Thoi đưa thăm thoát sáu trăng
lòn.

Xuân về hôn hở người vui bạn,
Tết đến bùi ngùi mẹ nhớ con.
Người trước năm mươi đã biết
đạt,

Ta nay sáu chục vẫn chưa khôn.
Nam-Kỳ nào biết ai tri thức,
Khắc khoải xa nghe quốc gọi
hồn.

Dịu dàng, êm á, nhưng đến
khi cần phải tỏ rõ một thái độ đối
với kẻ nào không hiểu mình, Nữ

sĩ Cao Ngọc-Anh cũng có lời
thơ cứng rắn, mà vẫn không
kém phần trang nhã :

ĐÁP LẠI NHỮNG AI CHO LÀ NGẠO ĐỜI

Ai bảo là ta tính ngạo đỗi
Khinh đời vẫn khờ, há rằng
chơi,

Khinh người lầm của, còn ham
của,

Khinh kẻ cao ngồi chẳng xứng
ngồi,

Khinh gáy chung tình chung cõe
miệng,

Khinh trai ái quốc ái đầu mồi,
Có khinh chẳng nưa là khinh
thi,

Nào dám khinh đau khổ mê
nghetto,

Và dưới đây là bài thơ bà
Cao Ngọc-Anh mới làm hồi
tháng 9-1959 :

VÀO CHOI THÀNH-NỘI CẨM TÁC

Mười năm nay lại tới Thành
Kinh,

Dâu bè bao phen nỗi bão bình,
Ngọn nút Bình-Sơn cây héo hôi,
Giòng sông Hương thủy nướu
mông mènh,

Nhân dân, thành quách, còn tro
đỗ,
Cung điện, lâu đài, đá lạnh
lạnh.
Còn cũ người xưa đâu vắng
nhỉ,

Biết ai mà hỏi chuyện tâm tình?
Các bạn tưởng tượng một bà
Cụ già 82 tuổi, tay cầm cây viết
run run, viết chữ ngoèo - ngoặc
như con mèo quào, mà còn làm
những bài thơ dịu dàng, trong

suốt, cảm hứng mạnh mẽ êm đềm
như thế, chẳng kém gì bao nhiêu
một Thi-sĩ như Cụ Ưng-Bình,
cũng 82 tuổi, mà giờ đây còn
phong phú dồi dào.

Thật là một vinh dự cho nước
Việt-Nam có được hai nhà thơ
cố lão ấy tiêu biểu cho tinh thần
mạnh liệt phi thường của dân
tộc ta, phái Nam cũng như phái
Nữ vậy.



♦ NỤ CƯỜI .. ĐEN

Hai anh da đen ở Cameroun nói về chuyện săn bắn. Anh Nasulu
mời hỏi anh kia :

- Nay anh Simba, nếu anh gặp một con sư tử thì anh làm sao ?
- Tôi lấy một cây súng và tôi giết nó.
- Nhưng anh không có súng.
- Vậy thì, tôi rút con dao và đâm nó.
- Nhưng anh không có dao.
- Không có dao ? Được rồi, thì tôi leo lên cái cây gần nhất,
Nhưng không có cây.

Anh chàng Simba giận dữ, la lên :

- Thôi đi anh. Anh là bạn của tôi hay là bạn của con sư tử ?

♦ CHUYỆN TÂN THỜI

Có người kè rẳng :

“ Một lần nọ, trên xe buýt, một người đàn ông nhường chỗ
cho một bà. Bà này rất kính ngạc đến xiêu đì. Khi tính lại, bà
thấy lời cảm ơn người đàn ông nhường chỗ cho bà. Thị lại đến
lượt người đàn ông phát xiêu, cũng vì ngạc nhiên quá.

T.L.L.

Đối bóng

Ai ngồi mờ trên lầu
Bên hướng hoa?

Ai thẩn-thẩn bên cầu
Hèn xuống sa?

Ai ngâm câu thơ sâu
Giao môi tờ muôn màu
Gió đưa lên lầu
Gởi người trong mờ

Ai tượng-tu trên lầu,
Phai người yêu tho?
Mắt sâu
buông to,
mắt sâu
buông mở,
nhìn sao Mai,
hỏi ai
chờ ai
bên cầu?

Ai tèm tèm ẩn sâu,
Ai ẩn-ẩn trên cầu,
nhìn sao Mai,
hỏi ai
chờ ai
trên lầu?

Sông Vường-vường
Mùi hường
Nhô'nhung,
Giồng Sóng Lường
the hường
lẳng lêng.
Lòng thường thường
bằng-Khuang,
mồng-leung..

Đêm khuya sao mờ,
Giồng Sóng lẳng-lè,
Âm-thanh dồn bồng
Kết thùng bài thơ,
đè-mé hòn bờm
Kết thùng s'ác mờ,
Ké đỡ gảy than
Kết thùng uyên tö

Bóng rò trên giang sơn Bèo
Sao rò trong lòng yêu - thương.
Đèn bóng uyên - ương
Nhìn lên trên lầu.

Hoa - cỏ - đất
Vết hổng nát - nát,
Chòi bóng ai tha - thoát,
Mồ - mốc -
Cay - thاء.

Bóng ai tang bùi,
lên êm
tối cát,
trong tím
nhieu màu,
ben troi vắng ta,
ben ngát
trong mờ...

M. H

Minh-oi!

Trái Bom Nguyên-tử

Bí-mật đầu-tiên



— Mình ơi ! tại
mình sống ở một
thời - đại được
gọi là Thời-
đại nguyên - tử,
thường cứ nghe nói đến « bom
nguyên-tử » luôn mà thực ra em
không hiểu một tí gì về « bom
nguyên-tử » cả. Mình nói chuyện
trái bom nguyên-tử đầu tiên cho
em nghe đi, Mình !

— Anh đâu có phải là « Tác-giả »
trái bom nguyên-tử mà anh biết ?

— Em không biết Mình nói
chết làm trái bom nguyên-tử. Em
chỉ muốn biết lịch sử trái bom
nguyên-tử. Người đầu tiên chế
tạo ra bom nguyên-tử là ai ?

— Kề ra thì có nhiều nhà
bác học đã góp phần chế tạo
trái bom ấy chứ không phải là một
hai người. Nhưng có thể nói
tàng thủy tinh của bom nguyên-tử
là V1, V2 . . .

Bà Tú cười :

— V1, V2, là vợ một, vợ
hai đó phải không ?

— Thời mà, cứ dồn hoài . . .

— Chó sao lại gọi V1, V2 ?

— V, là viết tắt chữ Vergen-
tun swaffe của Đức, có nghĩa
là « khí-giới trả thù » của Đức

chế-tạo ra để trả thù lại các cuộc
thắng trận của Đồng - Minh.
Nguyên-tắc chế-tạo của V1, V2
cũng là nguyên-tắc chế-tạo các Hòa
tiến và vệ-tinh nhân tạo hiện nay.
Do nguyên-tắc khoa học V1, V2
mà một số các nhà Bác-học mới
dùng nguyên-tử lực, chế-tạo ra
Bom nguyên-tử, và lần đầu tiên họ
thí nghiệm tại LOS ALAMOS.

— Los Alamos là ở đâu ?

— Ở Mexique, giáp-giới phía
Nam nước Mỹ. Hai người chỉ-
huy cuộc thí-nghiệm sơ-khởi này,
là nhà Bác-học OPPENHEI-
MER và đại-tướng GROVFS,
và một nhà Bác-học trẻ tuổi là
LUIS ALVAREZ. Cuộc thí-
nghiệm rất kín đáo bắt đầu từ
năm 1943 đến tháng 7 năm
1945 thì hoàn thành, lặng lẽ,
cả thế giới chưa ai hay biết gì
hết. Ngày Thứ năm 12 và Thứ
sáu 13 tháng Bảy 1945, các
máy móc nội-dung của trái bom
nguyên-tử đầu tiên được chờ đì
bí, mật từ Los Alamos đến, đì
diêm giấu kín, một khu đất
hoang ở Mexique mà các nhà
chế-tạo bom nguyên-tử đặt
tên là « JORNADA DEL
MUERTO », nghĩa là « du-



Nơi sinh trưởng của trái bom
nguyễn-tử đầu tiên, ở giữa bờ
cát hắp cát đầu nết cái tháp bằng,
nhấp ánh sáng lên để đốt trái bom thí
nghiêm. Hai người này là Bác sĩ
OPTUNUEIMER (bên trái) và
Đại tá tráng GROVES (bên phải).
Làm nơi dia điểm thử bom
nghién-tử đầu tiên.

lịch đến chỗ chết», gần mệt làng
nhỏ hẻo-lánh tên là OSCURO
(Âm-u), nơi đây là một bãi cát
hiu-hiu quạnh - quẽ, giữa bãi
người ta đã dựng lên một cái
tháp cao bằng thép.

Ngày 14 và 15 tháng Bảy, 1945,
một số lớn các nhân-viên có
tham-gia vào việc chế-tạo trái
bom đều được lệnh đến chứng
kiến cuộc thí-nghiệm, nhưng
cách xa chỗ bom 15 ki-lô-mét
500. Ai nấy đều được trùm
với một thứ bao bằng vải riêng,
tại là *Snake bite kit* (đè phòng
rin cắn), danh-tử bí mật có
nghĩa là đè phòng nguyên-tử xạ.
Mắt thì đeo kính đen, mặt bôi
một thứ kem đẽ giữ khỏi bị nám
da. Có lệnh dặn trước rằng khi
bom nổ thì mọi người phải nằm
sấp xuống đất và ngoảnh mặt
ngó chỗ khác, vì sợ ánh sáng
của trái bom loè ra sẽ làm dui
mắt liền, tuy rằng nơi chứng
kiến ở cách xa trái bom đến
15 ki-lô-mét 500.

Kế-hoạch thí-nghiệm đã nhất
định đúng 5 giờ 30 sáng ngày
16.7.1945 sẽ cho bom nổ,
5 giờ 10, ai nấy đã lo sợ, nằm
sấp xuống hết rồi. Trên vòm
trời còn lác-dáy mấy ngôi sao.

5 giờ 15, 5 giờ 20, 5 giờ 25...
5 giờ 26 phút, 5 giờ 27 phút,
28 phút, 29 phút... 5 giờ 30...
Tất cả đều im lặng. Một tiếng
nô như tiếng sấm vang dày rền
khắp vòm trời. Một ánh sáng đỏ
lòm bặt ra, làm sáng rực cả
một miền và các dãy núi chung
quanh. Thế rồi cục lửa ấy to dần
to dần lên, lúc đầu tiên to bằng
cái vung, rồi lớn như cái thúng,
rồi như cái mũ, rồi cứ nở dần
dần ra như một cái nấm kết-xù
bằng khói trắng. Một nhà Bác học
CARON MARK có mặt tại đây,
bỗng dập ra sợ hãi. Ông lo ngại
cái nấm khói ấy sẽ lan mãi ra và
đốt cháy hết cả vòm trời, cả trái
đất... Vì nó cứ tràn lan ra mãi...

Nhà bác học R O B E R T
OPPENHEIMER, người đã chế
tạo ra trái bom nguyên tử, rung
mình, nhảm mắt, không dám nhìn
cái dùn khói kinh khủng lan tràn
khắp cả...

Đại tướng FAR ELL cũng
chứng kiến cuộc thí-nghiệm này
(mới chỉ là một cuộc thí nghiệm I)
đã chép trong quyển nhật ký của
ông:

« Cả vùng này đều bị chìm dans
« trong một ánh sáng vồ nuốt

"cảnh vật... ba chục giây đồng
tử hổ sau khi bom nổ, lại dội ra
một tiếng động làm cho không-
khí phải lay chuyển, một tiếng
động âm ỷ, âm u, như tiếng báo
biểu của giờ tận số..."

Nhưng rồi Đại tướng Farrell,
xem tay, nói một câu :

"Chiến tranh sẽ không còn nữa.
Với một hay hai trái bom đó,
nước Nhật sẽ tiêu tan ra khói."
— Minh ơi, rồi sau đó họ đem
bom qua thủ bên Nhật liền hà ?

Lúc đầu các nhà Báo và
các giới dân chúng Mỹ nghe tin
cuộc thí nghiệm bom nguyên tử
thành công liền xôn xao phản đối.
Nhưng lúc bấy giờ Đức và Ý đã
đều hàng rồi còn Nhật thì cứ tiếp-
tục chương quyết đánh mãi. Quân
Mỹ đã bộ lên đảo OKINAWA bị
têu thất rất nặng nề. Nhiều phi-
 cơ cảm tử Thần phong của Nhật
(Kamikaze) lao mình xuống các
tàu chiến Mỹ và dâng vào các phi-
 cơ Mỹ, gây ra thiệt hại kinh
khủng và số kha. Dư luận Mỹ
nóng nẩy, bèn đề mặc cho quân

bắn trả biển khơi, và cứ
tụt đầu, của trái bom nguyên tử
thì nghẽn êm lùn đầu tiên, bài 5 giờ
20 sáng ngày 16-7-1945, tại sa mạc
Pecuro (Anh chụp ngay lùn
bom nổ).

2

3



Những bom nguyên tử đè kết-
lưu chiến tranh sớm được ngày
nào hay ngày ấy, đè cho quân
lực Mỹ dở bị chết nhiều nứa.
Thì rìa ngày 5 tháng 8 năm 1945,
Đại tướng GROVES long trọng
hỏi ý kiến tổng thống Mỹ lúc bấy
gì là TRUMAN. Theo trong
quyển Hồi ký của Tổng thống
Truman, thì ông trả lời ngay :
«Yes» (vâ).

Nhưng Đại tướng Groves chép
tung quyển Hồi ký của ông, thì
tổng thống Truman không có
nhất tiếng «yes». Ông chỉ không
nhất tiếng «No» (không) mà thôi,
và ông chỉ gật đầu.

Thì là ngày hôm sau, tức là
6 tháng 8 năm 1945, trái bom
nguyên tử được thả lần đầu tiên
vào thành phố HIROSHIMA...

Bà Tú lắc đầu :

— Ghê quá, Minh nhỉ. Rồi
người ta thả trái bom đầu tiên
xuống Hiroshima như thế nào hả
Mình ? Thiệt hại như thế nào ?

Ông Tú hơi buồn buồn... ông
làm thinh một lúc, rồi nói chậm
rõ :

— Trong quyền BHAGAVA-
DJETÂ của SRI KRISHNA,
một Thi-si Ân-độ, có một đoạn
thơ như sau đây :

*Nếu ánh lửa của muôn vạn
mặt trời
Nó bùng ra trên đám mây sáng
ngời.
Tùi trong lúc đó đẹp tuyệt vời !
Rực-rỡ huy-hoàng blết mây !
Nhưng ta, là cái chết,*

*Ta tinh-tế đốt hết !
Cái Chết tinh-tế cả loài người !
Cái Chết kinh - động các bờ
trời ...
Cái Chết cuối cùng tận-sĩ, hết
ai ai !*

Đó là cái chết của muôn vạn
người Nhật bị hai trái bom
nguyên tử. Đó cũng sẽ là cái
chết của cả loài người trên trái
đất nếu lại sẽ có chiến - tranh lần
thứ ba với một trăm trái bom

Đại tướng GROVES, giám đốc Viện chế tạo bom nguyên tử, đang đứng trước bǎn đồ nước Nhật, dè lùm xem nên thả trái bom nǎt nào.

(Ảnh chụp năm 1945 trong Văn phòng của ông ở Los Alamos).



nguyên tử (Bom A) và bom khinh khí (Bom H).

— Minh thuật lại vụ ném bom Hiroshima đi.

— Thôi, dè Noël dã... Chừng nào tiếng chuông nhà-thờ báo tin Lễ sinh nhật của Jésus Christ, anh sẽ kè cho mình nghe rõ vụ bom

nguyên tử đầu tiên tiêu-diệt mấy chục ngàn người... trên đảo Phù-tang.

Điều Nguyễn



Máy điều cần biết khi các bà cho con bú

CHƯƠNG

T RONG một số trước, tôi đã nhấn mạnh đến sự cần thiết và ích lợi về việc các bà mẹ cho con bú.

Thực thế, trẻ con bú sữa mẹ tránh được nhiều bệnh tật mà trẻ con bú sữa bò thường mắc phải. Sữa bò không thể nào bằng sữa người được. Sữa người là một đồ ăn đầy đủ, cân bằng, riêng biệt, hoàn toàn thích hợp với tất cả nhu cầu của trẻ sơ sinh. Sữa mẹ sạch sẽ tươi mát hơn, và con bú sữa mẹ thì đỡ được bao nhiêu phiền phức trong việc pha, chế, cân, đong. Tuy nhiên, khi các bà mẹ cho con bú, xin các bà hãy theo một vài lời khuyên cần thiết dưới đây.

★

* RUỘN ĐỀ DẦU TIÊN

Ngày đầu tiên hay trong 12 giờ đầu tiên, người ta không cho đứa trẻ ăn. Nếu nó quấy khóc, cho uống vài thìa nước đường.

Đến hôm thứ hai, các bà cho trẻ bú, xin cho trẻ ngậm ngập đầu vú và bà khẽ lấy tay bóp nhẹ nhẹ vú cho chảy ra vài giọt sữa để dứt,

QUANG HÓA

trẻ tập quen bú. Hôm đó, cho trẻ bú đì ba hay bốn lần trong chừng năm phút thôi. Thực ra, vú chưa có sữa, chỉ mới tiết ra một thứ nước lỏng đặc nhòe gọi là sữa dầu (colos:rum), rất cần cho trẻ đèn rửa ruột. Trẻ bú như vậy sẽ làm cho sữa lên.

Thường thì vào ngày thứ tư, thứ năm là có sữa. Lúc đó sẽ áp dụng một thời khóa biều nhất định.

* MỘT THỜI KHÓA BIỀU NHẤT ĐỊNH

Cứ cả h ba tiếng đồng hồ, lại xin bà cho em bú. Đó là thời gian cần thiết đè cho sữa kịp tiêu hóa hết. Trẻ bú như vậy mỗi ngày được sáu lần cho tới 4 tháng. Bữa sữa bú đầu tiên lúc 6 giờ sáng, và bữa cuối lúc 9 giờ tối, tức là trẻ bú vào những giờ sau đây :

6 giờ, 9 g., 12 g.; 3 giờ chiều, 6 g., 9 g.. Nếu bà không tiện dậy sớm, thì cho con bú vào lúc 7 giờ sáng và bữa cuối vào lúc 10 giờ tức là : 7 g., 10 g., 1 giờ chiều, 4 g., 7 g., 10 giờ.

Bà có thể cho trẻ ăn thêm một bữa vào nửa đêm, nhất là đối với

những trẻ nặng dưới 3 ký. (Giáo sư Possompès). Độ một vài tuần, trẻ lớn lên, ngũ kỵ; và sẽ quên bữa ăn này.

Từ tháng thứ tư trở đi, mỗi ngày trẻ bú năm bữa cũng đủ.

Về thời gian bú, tùy theo sức khoẻ của đứa trẻ, theo nguyên tắc trẻ bú mỗi vú trong vòng 5 phút (Giáo sư Mouriquand). Hứng bao giờ đè trẻ bú quá mười lăm phút. Quá thời hạn đó, đứa trẻ chỉ hút khéng khí và ngậm mái vú như thế cũng vô ích. Đôi khi cũng cần thúc đẩy những đứa trẻ lười bú, hay đánh thức dậy khi nó ngủ quên, ngược lại cũng cần dừng lại vài giây đồng hồ nếu đứa trẻ bú nhanh quá. Theo giáo sư P. LÉ-REBOULLET, các bà mẹ cho con bú hãy triệt đè tuân theo ba qui tắc sau đây :

1/ Đừng bao giờ rút ngắn khoảng thời gian giữa hai bữa sữa, dưới một số tối thiểu cần thiết cho sự tiêu hóa (con số tối thiểu là 2 giờ rưỡi, khoảng thời gian 3 giờ là tốt đẹp nhất).

2/ Đừng bao giờ đè trẻ bú một bữa sữa quá một khắc đồng hồ, sang tới 20 phút. Như vậy đứa trẻ đã hút không khí hơn là sữa.

3/ Hãy tôn trọng triệt để thời khóa biều đặt ra trong mọi trường hợp, để đứa trẻ tập theo thói quen và dừng bao giờ cho trẻ bú giữa khoảng giờ đã định sẵn, mặc dầu bú ăn vừa qua có vẻ không đủ.

X SỐ LƯỢNG SỮA

Theo quy tắc APERT và nhất là theo TERRIEN thì trong năm tháng đầu tiên, đứa trẻ phải dùng hàng ngày một lượng sữa bằng một phần mười trọng lượng của nó cộng thêm 250 gam.

Như vậy, một đứa trẻ nặng ba ký, sẽ ăn mỗi ngày 300gam + 250 gam = 550 gam sữa.

Giáo sư MARFAN làm cho chúng ta một tấm bảng sau đây :

Tuổi	Lượng sữa trong 24 giờ
Ngày thứ nhất	từ 0 đến 30 gam
Ngày thứ hai	— 40 — 60 —
Ngày thứ ba	— 80 — 150 —
Ngày thứ tư	— 100 — 200 —
Ngày thứ mươi	— 200 — 400 —
Từ ngày thứ 10 đến thứ 30	— 300 — 600 —
Từ tháng thứ hai đến tháng ba	— 500 — 800 —
Từ tháng thứ tư đến tháng năm	— 700 — 900 —
Từ tháng thứ sáu đến tháng chín	— 900 — 1000 —

đứa trẻ bình thường, bú xong sẽ ngủ và đến gần bữa ăn sau sẽ kêu lên trong mấy phút. Trong tuần lễ đầu tiên, cân mỗi ngày một lần, rồi và sau cân mỗi tuần một lần cũng đủ xét đoán việc bú sữa của đứa trẻ.

X CÁCH CHO CON BÚ

Bà hãy chọn một chỗ thật yên tĩnh để đứa trẻ dừng bú trí. Bà tìm một cái ghế thấp ngồi cho ngay ngắn vững vàng. Âm ngang đứa trẻ, gáy nó đặt trên cành tay bà. Bà nhét đầu vú vào miệng nó rồi khẽ nhè nhẹ bóp vú cho chảy ra vài giọt sữa. Bà nhở đứa ^c lấp miệng em, đặt vú sao cho mũi đứa trẻ khỏi bị bếp và cho

Theo Giáo sư Mouquand, thì nó thở được dễ dàng.

Những ngày đầu, nên cho trẻ bú cả hai bên vú cho chóng lên

sữa. Đến khi sữa đã có nhiều, bà chỉ cho con bú một bên vú và bú cho thật hết.

Khi đứa nhỏ bú xong, bà nên bế thẳng lên trong vài phút để hết những không khí sữa trẻ hút phải trong lúc bú rồi bà đặt đứa trẻ nằm xuống cho nó ngủ.

VỆ SINH CỦA CÁC BÀ MẸ CHO CON BÚ

Chỉ cần một vài điều phòng ngừa rất đơn giản đủ để các bà dễ dàng theo.

Xin các bà *giữ gìn đầu óc* cho thật sạch sẽ. Hàng ngày phải lau rửa bằng nước có pha dầu glycerine và rượu, để tránh nứt nẻ và nhiễm trùng.

Xin bà *vẫn cứ tiếp tục cuộc sống thông thường* của bà, miễn là tránh tất cả những vất vả, buồn phiền, không làm việc quá sức, không thể thao nặng nhọc, dữ dội. Đời sống phải thật tinh mịch điều hòa, thoải mái, đáng kể hơn là giấc ngủ và sự nghỉ ngơi cần được hoàn toàn đầy đủ.

Việc *ăn uống* nên đổi đào hơn, vì nếu ăn thiếu thì sữa cũng ít đi. Vitamin và các muối khoáng ở trong sữa tùy thuộc vào bữa ăn người mẹ, vì vậy thức ăn cần phải nhiều và thay đổi, phải gồm

nhiều rau tươi, quả chín. Không nên ăn quá nhiều thịt, nhiều trứng và tránh dùng dùng những đồ ăn có thể làm thay đổi vị sữa như hành, tỏi, kiệu, các đồ săn bắn. Trà, cà phê, rượu nên cữ. Tránh dùng những thuốc men loại độc, có thể đầu độc đứa trẻ được, tuy nhiên một vài thứ thuốc thông thường có thể dùng được với một số lượng rất nhẹ. Mỗi khi dùng một thứ thuốc lạ, nên hỏi qua y-sĩ.

Trong những tháng đầu tiên cho con bú, *kinh-nghẹt* thường không có. Tới khi thấy kinh, đứa trẻ bú sữa mẹ thường hay quấy, đi tiêu nhiều hơn và hơi xanh. Không có gì đáng ngại, vài ngày sau sẽ qua đi.

Trong trường hợp bà mẹ *lỡ có thai*, thì nên cai sữa, tuy nhiên nên tuân tự, chờ dùng cai đột ngột quá.

Nhin sắc-diện đứa trẻ cũng có thể biết được tình trạng sức khỏe của nó. Một đứa trẻ bú sữa mẹ thường thường có một vẻ tươi tinh, da mát mè, hồng hào, thịt chắc, con mắt nhìn đầy tinh thần.

Nhất là nên cẩn cứ vào bảng lượng lượng của đứa trẻ. Khi mới đứa trẻ bú sữa mẹ mà hợp thì lần cần rất đều đặn, chỉ cần mỗi tuần cần đứa trẻ một lần. Hàng thường trong ba tháng đầu đứa trẻ mỗi tuần tăng thêm 115 gam, và ba tháng sau mỗi tuần thêm 150 gam. Đến khi được năm tháng, nó nặng gấp đôi khi mới sinh và khi được một tuổi thì nặng gấp ba.

Một khi trọng lượng của nó không đủ, ta phải nghĩ ngay tới đứa trẻ ăn thiếu : mỗi lúc bú xong, đứa trẻ kêu lên và ngậm tay. Đứa trẻ thiếu ăn có thể vì sữa người mẹ chảy ra ít, như thế vẫn mỗi bữa, trước và sau khi ăn, phải cẩn dè xem lại. Trong trường hợp sữa mẹ ít, dành cho con ăn thêm sữa bò.

Một đôi khi đứa trẻ thiếu ăn vì sữa mẹ thiếu các chất bò, như người mẹ cần sữa đổi lại lối ăn uống của mình.

Nhân xét về việc trẻ sơ sinh bú sữa mẹ, giáo sư DEBRÉ nói : « Một đứa trẻ có bộ mặt tươi tắn và lần cần đều đặn là một đứa trẻ khỏe mạnh, còn ngoài ra không có gì đáng quan tâm cả ».

* ĐÔI ĐIỀU TRỞ NGẠI

Bắt đầu cho con bú sữa, thường vẫn gấp một hai trở ngại. Một bà mẹ quả quyết mình nuôi con mình và hết sức kiên tâm thì sẽ qua hết nỗi khó khăn. Tuy nhiên bệnh tật hay những đòi hỏi vật chất trong cuộc sống hàng ngày có thể ngăn trở người mẹ cho con bú.

Chẳng hạn trong trường hợp sữa lên châm, đứa trẻ lê lết-nhiều vẫn phải bú mẹ, vì có bú thì rời sữa mới lên. Ngoài ra đứa trẻ phải ăn thêm sữa bò. Sự lên sữa cần tới hai tuần hay hơn nữa, cho nên có một số bà mẹ không chịu đựng nỗi đành bỏ không cho con bú.

Cũng có những bà, đầu vú không nhô lên. Trường hợp này cần thật bình tĩnh, và chịu khó cho con bú cho quen. Đôi khi dùng cái vắt sữa để vắt sữa ra. Những đồ dùng này cần phải tuyệt đối sạch sẽ.

Một vài bệnh như nứt vú, sưng vú có thể tạm ngừng hoặc dùn, cái vắt sữa. Có một vài bệnh vú, mà nếu chỉ ở một bên, thì đứa trẻ vẫn có thể bú vú bên kia như thường. Có một vài tật của đứa trẻ, tỷ như sút môi, bà mẹ cần kiên gan chiều con

dè dứa trẻ được bú sữa mẹ. Đôi khi bà mẹ cũng cần nghỉ cho bú trong một thời gian khi mắc một bệnh hay lây. Khi bà mẹ mắc một bệnh nhẹ như cảm hàn, sưng cổ, thì vẫn có thể cho con bú được. miễn là che mũi che miệng cho kỹ.

Còn ngoài ra có một vài chứng bệnh nguy hiểm bấy giờ người mẹ phải cai sữa, hoặc vì tính mạng đứa con, hoặc vì sức khỏe người mẹ, tỷ như bệnh lao phổi, đau tim, thiếu máu, đi đái đường, ung thư vú, giang mai, rối loạn thần kinh...

* THAY LỜI KẾT :

Xem như thế, các bà cho con bú cũng không khó khăn gì, mà lại ích lợi và cần thiết biết bao! Tuy nhiên trong những trường hợp ngoại lệ, các bà mẹ phải dành lòng cho con bú sữa bò, vậy xin các bà hãy tuyệt đối thận trọng trong việc pha chế, vì vẫn dè ăn uống là vấn đề căn bản đối với đứa trẻ sơ sinh, chỉ hơi sai nhầm một chút đủ là đầu mối của biết bao nhiêu bệnh tật hiểm nghèo, mà cho đến nay, đôi khi, nền y-học cũng dành thúc thủ...

ĐÁ PHÁT HÀNH :

VĂN-HÓA Á-CHÂU⁶

Số 20. tháng 11-1959

Với các bài của : Nguyễn-đông-Thực, Trần-Việt-Sơn, Phan-Khoang, Trần-trọng-Thiện, Lê-Thương, Đường-bá-Bồn, Nguyễn-Nam-Châu v.v...

Bán khắp các hiệu sách lớn trong nước và tại trụ sở Hội V. N. N. C. L. L. V. H. A. C. số 201, đường Lê-văn-Duyệt, Saigon
Đ. T. : 24.655

GIÁ : 20 ĐỒNG



G người Đối mồi

Phóng sự của NGUYỄN-THU-MINH

(Tiếp theo P. T. số 22 và kết)

GẶP nhau trong lúc này là cả một niềm vui vô kề đối với chúng tôi. Những buồn đau của tôi và Thành đều không còn nữa, dè nhớt cho những cái mồi lạ, tươi trẻ, gọi là « yêu đời » hơn!

Tôi nhìn Hoàng cười chào :

— Hay quá, hai đứa mìnhi định đến thăm cậu đấy.

Hoàng với dáng điệu vui-vẻ, tự-nhiên, của con người « lớn tuổi », tiến lại bắt tay chúng tôi, đáp :

Hoàng vừa được Nguyễn pho biết, nên vội đến thăm M. và Thành đây. Lâu ngày quá rồi, có hơn ba năm rồi, phải không, Thành?

Thành mỉm cười gật đầu chúc không đáp. Trong khi tôi đang suy nghĩ về những điều nhận thấy sự thay đổi ở con người của Hoàng, mặc dù cùng lứa tuổi, cùng sống với nhau những ngày dài cuồng nhiệt, trẻ trung nhất của lớp tuổi. Thế mà, chỉ cách nhau trong vòng ba năm thôi, con người của Hoàng đã trở nên xa lạ với chúng tôi trong cuộc sống nhiều. Chỉ riêng có tình bạn là không thay đổi mấy. Giữa lúc này bỗng có tiếng Hoàng nói với Thành làm tôi chú ý.

— Cậu trách mình mấy, mình cũng chịu lỗi hết. Còn bắt mình đi... thì xin đầu hàng không điều kiện.

NHỮNG NGƯỜI ĐỒI MUOI

— Tôi đây có cùi tảng M. cùng đi mà cậu vẫn từ chối? Sống lại những ngày cũ một đêm nay có hè gì đâu, nếu cần phải nói lại với bà đầm ở nhà thì chúng tôi cùng đến nói cho.

Nhin Hoàng có vẻ phân vân, suy nghĩ, tôi cảm thấy thương bạn quá nên dở lời cho Hoàng:

— Không lúc này thi lúc khác cũng được, mình còn ở đây lâu mà. Chán gì dịp cho chúng mình gặp nhau, vui đùa. Hoàng nó bận việc, chúng mình không nên ép, Thành ạ. Đi chơi mà không có gì hứng thú thì làm sao vui được.

Rồi tôi xoay lại Hoàng, và tiếp:

— Cận lúc này làm ăn thế nào, có khả không? Trông người cậu gầy và xanh đi nhiều!

Hoàng nhìn tôi với vẻ mặt buồn bã, thở dài đáp:

— Lắm điều chán ngán trong cuộc sống, hơn nữa vợ, con, rồi, chi không già và gầy đi.

Nghe vậy, Tư-Nguyễn vội chen vào, với câu nói đầy khôi-hài như con người của Tư-Nguyễn:

— Bộ mày già hơn mấy đứa tao sao? Thằng M. nó hỏi mày tại sao lúc này xanh và gầy, chứ có nói là già đâu mà mày nói thế.

Bốn chúng tôi đồng nhau cười, vui vẻ. Tư-Nguyễn lại tiếp:

— Hoàng ạ, cậu cứ thú thật với tảng M: là vì « bà-dầm » nhốt cậu ở nhà mãi, không cho ra ngoài nên gầy và xanh người đi, có được không. Cần gì phải nói quanh, che đậy việc làm của cậu mà theo mình nghĩ: rất là hợp lý hợp tình và đúng.

Câu chuyện vui đưa cùi thể mà kéo dài ra mãi... từ chuyện này sang chuyện khác, cho đến khi tôi cần phải đề nghị đi Saigon chơi và ăn tối luôn thề — vì, thú thật là tôi « hơi nhận thấy » đôi bụng — thi được tất cả đều đồng ý. Ngay cả Hoàng, lúc này cũng chịu nhận lời và bảo nhỏ với tôi :

— Nếu cậu hiểu hoàn cảnh mình..., không cho phép mình nghĩ đến một cuộc vui nào cả, hơn nữa, bạn bè càng làm mình chán, khổ thêm, cậu ạ. Chẳng ai chịu tìm hiểu ai cả!

Chúng tôi kéo nhau ra đi giữa lúc bóng đêm bao trùm lên cảnh vật. Những ngọn đèn đường không đủ sức soi sáng khắp lối đi.

Tôi giật mình, buồn rầu chợt nghĩ đến đời sống của mỗi chúng tôi hôm nay và ngày mai đây... sẽ ra sao, đi về đâu, làm gì ích lợi cho bản thân, lẫn xã hội? Hoàn cảnh nào đã đưa chúng tôi gần nhau, mến cảm nhau, rồi xa nhau, ganh ghét nhau? Tại sao lại có sự khác hiếu ở

NHỮNG NGƯỜI ĐỘI MƯƠI

Thành và Hoàng hay những ai khác nữa. Tôi tự hỏi và tự trả lời rất thản nhiên : « — Không hiểu nỗi, hoặc không biết gì hết — » Tóm lại, nghĩa là không trả lời gì cả !

Tuy dì bên nhau, nhưng chẳng ai nói với ai một câu gì vui, dâng lưu ý đến cả, mãi khi lên xe, dưa nhau tới nhà hàng T.T. mới có một nguồn vui đến với chúng tôi.

Có lẽ vì trước ánh sáng nên con người cũng thay đổi chẳng ?

Chúng tôi tha hồ dựa nịch nhằng khác gì những cuộc vui bên nhau như ngày nào.

Tư-Nguyễn có lẽ là con người vui nhất và đã đem lại sự vui này cho chúng tôi. Lúc nào cũng nói khôi hài luôn miệng, không những khôi hài mà còn dám nói đến cả « sự thật » của con người một cách rất tự nhiên không hề ngượng miếng.

Xong buổi ăn, chúng tôi bèn kéo nhau đi thăm các phòng trà ca-nhạc theo lời đề nghị của Thành và Tư-Nguyễn.

Đầu tiên, chúng tôi ghé lại phòng trà D.H. để nghe các chàng, các nàng biểu diễn nhạc « ngoại quốc » rất mê-ly, hấp dẫn, sau là V.L., H.H.N. và cuối cùng là phòng trà ở đường T.H. D. của đạo nào, nơi mà chúng tôi ra thích nhất và cũng có lần

chuyện tình ái lẻ nồng nàn, say mê, khôi hài, đau đớn, mỉa mai nhất đối với chúng tôi.

Lần lượt viếng qua bốn phòng trà, nhưng chẳng có nơi nào khiến chúng tôi vừa ý, thích thú. Vẫn chừng ấy người, chừng ấy bộ điệu đem ra xào đi tái lại trước mắt mọi người. Có điều, bây giờ các cô biết cách lồng những cái đỉ điểm của mình vào trong nghệ - thuật ca hát mà thôi. Riêng phòng trà T.H. D. là chúng tôi ngồi lâu nhất bởi ở vào giờ cuối, lần cuối nhảy của chúng tôi đã định sẵn.

Lúc mới bước chân vào ngõ rông cửa phòng trà T.H.D. đã làm tôi chú ý tới những người đến thưởng thức... « nghệ thuật » tàn nhacent Sô dì tôi nói nghệ thuật là vì phòng trà đạo này không riêng ca hát mà còn cả nhảy thiết-hai, áo thuật, vũ... theo lối « Á-rập » như trong các cuốn phim ngoại quốc đã từng chiếu ở thủ-đô.

Phần nhiều khách đến thường thức là vị thành niên — những « vị thành niên » đã từng hiểu biết thế nào là... đàn-bà và đàn-ông,

Tôi và Hoàng, Thành đồng nhau chỉ biết lắc đầu. Ngồi đây một chốc bỗng cánh cửa xích mở, một đôi nam nữ thành niên trù túc cầm tay nhau bước vào rất ngang nhiên, lịch sự. Thấy vậy,

NHỮNG NGƯỜI ĐÔI MUỐI

Hoàng ghé vào tai tôi nói nhỏ :

— Cậu trông kia, mới aray mũi
mà đã miệng ngậm tầu.

Tôi nhìn kỹ thì quả, cậu ta
ngậm tầu thật. Không những
riêng cậu ta mà đa số thanh
niên đồng tuổi cậu cũng ngậm
tầu, ngồi phì phè, nói, cười lớn
tiếng, chẳng xem ai ra gì, khiến
tôi ngạc nhiên và bối khoăn
vô cùng. Thành, Hoàng, Tư-
Nguyễn vẫn im lặng ngồi nghe.

Giản nhạc vẫn liên tiếp trình
hay những bản tango, mambo
rất giật gân, tinh tú, mè ly, chèn
lấn những trò ảo thuật, điệu vũ
«tân kỳ» hào hường, và hấp dẫn
cho đến mãn cuộc.

Suốt buổi nghe ca nhạc, tôi
không mấy may lừng thú
nhưng cũng chẳng hề chán,
buồn. Con người tôi quá thản
nhiên với mọi việc — mà chính
tôi cũng chẳng hiểu nỗi.

Cho đến giờ khêu-vũ bắt đầu
là làm tôi đau buồn nhiều! Hình
ảnh những người bạn cũ lại trở
về trong khi tôi chợt trông thấy Phương cô vũ nữ ngày trước
hẹn của Dung, Nga, và Thùy.

Nhin thấy tôi và Thành,
Phương vội vã chạy đến bắt tay
chào hỏi, vẫn dáng điệu muôn
thuở dày lâ loi, khêu khích:

— Chà, trông anh lâu ngày
qua! Đi đâu vắng thế?

Thành vỗ nhẹ vào lưng
Phương, đáp :

— Dì tìm Phương chứ đi đâu,
giờ gặp có mừng không?

— Nhưng, đâu có mừng anh,
anh M. kia chút.

Tôi miễn cười, đưa tay bẹo
nhẹ vào má Phương và hỏi :

— Phương vẫn đẹp nhiều, à
còn Dung, Thùy đạo này làm ở
đâu?

Phương làm ra vẻ thương xót,
luyến lưu, đáp :

— Anh không biết gì cả sao?
Dung đau, nằm ở nhà thương
lao hơn nữa năm nay rồi.
Thùy thì nhảy ở M.P.

Câu chuyện chưa đi đến đâu,
bỗng một cò bạn của Phương
từ đâu bước đến chào mời
nhảy. Chúng tôi nhận lời. Sau
vài câu xã giao, nàng tự xưng
cho chúng tôi biết nàng là Bích-
Vân. Một cái tên rất hợp với
người, nàng đẹp và lộng lẫy
hơn Phương nhiều.

Thế rồi, chúng tôi thay phiên
nhau nhảy, vui đùa theo ý thích.
Từ cái hay, hiền cho đến những
cái có thể gọi là «động trời». Cuối
cùng Tư-Nguyễn và Thành còn
hẹn mời hai nàng về nhà để cùng
nhau trao đổi tình ái lè qua một
đêm kê chăn đấu gối, và không
cần nghĩ tới ngày mai tối hay xấu!

Chúng tôi vui say như vậy đến
gần một giờ sáng mới tinh
chuyện rá về. Khi vừa ra đến
đường cái, tôi bỗng bắt gặp một
dáng người quen-quen từ dâng
xa di lại.

Tôi hỏi hộp bảo các bạn
đứng lại để xem ai cho biết,
nhưng Thành kéo vai tôi nói :

— Nhìn làm cái mẹ gì cho một
về nhà mà nghĩ và «đùa» với con
Vân, con Phương còn khoái hơn.

NHỮNG NGƯỜI ĐÔI MUOI

Tôi không buồn đáp lại và nhất định đứng đợi với tất cả nôn nao, rạo rực của cõi lòng, thì hỡi ôi ! Quả là không mong không hẹn mà gặp lại Alice-Lan giữa lúc này, nơi này, đang quàng-vai một gã đàn ông cười nói ra điều áu yếm nhau lắm.

Tôi vẫn lặng lẽ nhìn nàng qua lững cữ chỉ. Mãi đến lúc còn cách độ 5, 6 thước, bỗng nàng quay mặt nhìn về chỗ chúng tôi và ngạc nhiên kêu lên một tiếng như hốt hoảng :

-- Ô !!! anh M.

Tôi kheé đáp rất nhỏ :

-- Lan.

Rồi tiếp :

-- Lan về đây lúc nào ?

Alice-Lan nói với gã đàn ông những câu gì tôi không nghe rõ với tiến đến bên tôi nét mă ra chiều buồn bã lắm :

-- Em thật... khó nói quá !

Chỉ chừng ấy lời và cử chỉ cũng đủ để tôi hiểu rõ tất cả những đằng cay của cuộc đời đã dành cho nàng, mà ngay từ khi mất liên lạc với nàng tôi đã lung ngút đến.

Tôi hỏi nàng rất khẽ :

Em lại... như ngày xưa ?

Tôi biết câu hỏi vô tình của tôi đã làm nàng đau buồn nhiều, nên nàng đáp :

Như anh đã hiểu !...

Nay giờ Nguyễn, Hoàng, Thành những tam thinh chứ không nói gì cả, đến khi nghe Alice đáp thế, Thành mới lên tiếng :

-- Anh M. vừa về lại Saigon được mấy hôm nay đấy !

Alice - Lan suy nghĩ một

chốc rồi đáp với tôi :

-- Anh có thể chờ em biết địa chỉ đtroc không ? À, mà thôi, Thế này cũng đủ rồi, em.. chán gi địp gặp lại...

Đến đây, Alice-Lan vội chào từ giã chúng tôi để ra đi với gã đàn ông ban nay đang đứng chờ nàng ở đằng xa, nhưng xem bộ không vui mấy !

Tôi theo các bạn lên xe về nhà mà trong lòng tràn ngập một nỗi buồn man mác khi nghĩ đến cuộc đời của Hoàng, Thành, Tú-Nguyễn, tôi, và A.-Lan, Dung v.v.. hiện nay và ngày mai, vui hay buồn, sung sướng hay cực khổ..

Bỗng Hoàng lay nhẹ vai tôi :

-- Cuộc đời là vậy.

Tôi không suy nghĩ, đáp :

-- Ủ !

Thành chất brồi :

-- Hắn vậy rồi ! Đã nói, luôn miệng, nói cho luôn, cậu đã gấp cò em ngày trước của cậu chira ?

Tôi lắc đầu. Thành lại tiếp :

-- Càng bê bối, như cậu đã từng biết.. Minh không tin rằng định luật mà bây giờ phải tin.

Nghé vậy, tôi không vui cũng không buồn lắm. Vì cuộc đời đều giống như người ta nghĩ — Và tự hỏi rằng : Cuộc sống của mỗi người đã dành sẵn như vậy, liệu có ai chống chọi, thay đổi được không ? Tôi có còn hy vọng... chỉ ngồi mà hy vọng, trong khi không thể làm một cái gì khác được không ?

Liệu giữa cuộc đời này còn để dành cho cá nhân mỗi người, cho Alice-Lan một ít ánh sáng, không khi trong lành để thở không ?

-- HẾT --



Truyện dài của Cô VÂN-NGA (Tiếp theo P. T. số 23)

ÔM rượu làm xong, tôi rủ
Thanh đi thăm ruộng.
Chàng bỗng lòng ngay. Chúng
tôi xuống xuống, chàng dành bối
mủi cho được.

— Không, anh cứ ngồi yên, để
em bồi cho.

— Sao lại vậy? Đàn ông ngồi
khoanh tay rể để đàn bà lèo lái
như vậy coi sao được.

Nhưng, như phần đông thanh
niên thời tiền chiến không liề
biết xử-dụng đến thuyền, chàng
cứ bỏ một dầm bên mặt lại
quay một dầm bên trái, con
xuồng lắc lư như say rượu, xà-

quây mải ở giữa giòng. Tôi cười
ngất:

— May là anh chưa đi ở rẽ,
chú kiều này là mất vợ.

Tôi cho xuồng vào lạch nhỏ
và bơi đến ruộng nhà tôi. Khi
ấy lúa đã đồng đồng, bò vòi
nặng trâu những hột. Một mùi
sữa lúa thơm dâng lên man mát.
Không khí dịu hiền, Mây cao
vút. Tời trong sáng. Giữa ánh
nước lồng bóng lúa xanh, vài
con cá nhỏ lội tung tăng, nhở
nhondon...

— Anh thích đồng quê lắm.
Và thế nào sau này cũng về
sống ở đồng quê.

— Nhà còn ruộng hoang thiếu
gi, anh muốn làm bao nhiêu lại
không được?

— Không. Ruộng nhà anh
cũng có ở miệt kinh xáng Hà
tiên, những đền ngàn mẫu mà
bấy lâu nay vẫn bỏ không. Anh
thấy rằng bôn phận của anh
phải khai thác lại cơ nghiệp. Ba
má đã bỏ tiền ra rất nhiều để
khai khẩn cuộc đất ấy và chưa
thu hoạch kết quả gì, bây giờ
các anh phải tiếp tục lo bồi đắp.
Tôi hỏi người Thô giữ trại
ruộng xem các em tôi và mấy
bạn của Thanh đã lên đến chưa.
Tà Mốc người thô ấy, trả tay về
dám tràn ở xa và nói một tràng
tiếng Miền.

— Anh ấy nói gì vậy, em?

— May anh đi lại chòm tràn
kia để tìm trứng cò. Chỗ đó,

KIỀN TRỊNH

cò và việc ở đồng lẫm, ban đêm
về đậu đầy cả cây. Đạo trước,
bạn của anh Ba tôi chơi, muốn
ăn cháo khuya thì cứ ra đó mà
bắt.

— Bắt cách nào?

— Rời đèn pin lồi lấy vòng
giật cò. Cò con thì leo lên bắt
để dàng. Thịt cò thì thường xào
lắng, hay băm nhỏ xào giừng,
hoặc nấu canh rau răm, dễ nhậu
rượu cũng được. Còn anh nào
muốn ăn dơi thì qua chòm tràm
của ông Cả Thép, không thiếu
gì. Nhưng em không dám làm
thịt dơi, ai muốn ăn thì tự làm
lấy rồi đưa thịt em xào nấu cho
an.

Thanh chỉ dầm sen ở xa và
bảo tôi:

— Chúng mình lại đó chơi
còn thú vị hơn nữa.

Tuy không phải mùa hoa sen
nở rộ, nhưng dầm sen vẫn còn
vài hoa trắng, đỏ thưa thớt đứng
linh linh trong cảnh quanh hiu.
Thanh ngắt mấy nụ hoa trao cho
toi và bảo:

— Người ở đồng quê không
thường thức thú chưng hoa trong
nhà là thiệt thời lầm. Ở tỉnh,
người ta phải mất tiền mua, còn
ở đây lại nhau nhẫn ra, chả ai
mang đến. Hoa đai mọc tầm bậy
trong đồng, dưới bưng nòi kém
màu sắc hơn hoa trồng? Anh đã
thấy nhiều thứ hoa không biết

tên, nhưng đẹp không thua loài
hoa quý.

— Hòa nở tự nhiên dẽ tö diêm
thêm cho cảnh đẹp đồng quê vẫn
là thú hơn đem cắm riêng vào lọ.

Khi trở về, xuồng chúng tôi
phải qua một lung rau muống,
Thanh mắng quá bảo với tôi:

— Ngừng một tí để hái rau
muống về ăn em à.

Tôi nhìn làn nước đục bần
nội mảng mảng và nhăn mặt:

— Ai lại ăn thứ này? Rau
muống tàu mới ăn được cơ.

— Không. Thứ này người ta
vẫn có ăn chứ. Ở khóm lớn,
thỉnh thoảng nhà thầu chó vào
phản lê-gim thứ rau muống luột
này. Các anh gở nùi rau muống
ra, thấy có cọng dài hơn một, hai
sải tay, và vẫn cho là lạ. Böyle
giờ thấy đây mới biết có cọng
còn dài hơn thế nữa.

— Ăn thế thì ăn vào đâu được?
Ở đây người ta chỉ cho heo ăn
thứ này thôi, nhưng cũng rất ít
vì mắc công nhiều hơn là cầm
con dao bầu ra góc vườn chặt
một cây chuối đem về xác. Ở
đồng, thiếu gì thứ ăn, tôi và gl
phải ăn thứ này. Muốn ăn sống,
thì có lá cơm nguội non, đợt màu
đỏ đỏ và láng như nhiều, mùi
chan chát và giống cải sà-lách,
hoặc lá lụa non, màu trắng nõn
và bóng, ăn chua chua rất ngọt,
còn về rau thì có rau ngô, rau cài

ta, rau dừa v.v... mọc hoang không hiếm gì, kè không hết được. Ngoài ra : lại con búp bông sua dưa luột nấu canh hay làm thịt rau châm, ăn dắng - dắng mà ngọt, bông diên diên xào với tôm hay làm dưa ăn thế giã... À, mà anh thèm ăn món gì cứ nói, em sẽ làm cho ăn, ở đồng tôm cá không thiếu gì mà lại rẽ rẽ.

— Anh đang thèm ăn hột vịt luột đây.

— Hột vịt luột mà thèm cái nỗi gì ? Hay là anh chê em không biết nấu ăn ? Hoặc là nhà em sợ tốn cơm tốn gạo cho anh và các bạn ?

Thanh thấy mặt tôi không vui liền phản trả:

— Em đừng giận, anh nói thiệt đó em à. Ở khâm lorde, chúng cho ăn hột vịt luột quen rồi tới khi ra Côn - Đảo ăn toàn khô mực, nên bây giờ anh thèm, muốn ăn một lần cho tốn luôn về sau. Hột vịt luột ăn với đường thế, có cái mùi thơm thơm như hột gà nấu trà đường vậy.

Chiều hôm ấy, tôi luột cho Thanh bầy cái hột vịt. Anh hò hét các bạn cùng ăn tiếp, nhưng ai cũng từ chối. Anh đem ra gốc cà, chấm muối tiêu ăn hết cả một cách ngon lành.

Đến sáng hôm sau, Thanh gấp tôi, cười lớn lên một lúc rồi mới thuật cho tôi những giây

phút mà anh gọi là kinh khủng nhất từ khi trở về đất liền đến bây giờ :

— Hồi khuya, anh thức dậy không biết hồi mấy giờ, và thấy rằng đau bụng. Anh mở cửa đi ra ngoài một lúc rồi trở vào, đóng cửa lại. Thế rồi... anh không còn biết đường trở về giường mình nằm nữa... Nguy không !...

— Sao anh không lên tiếng ?

— Lên tiếng cái gì ? Kêu ai ? La làng à ? Khi khóa cửa lại, anh vẫn định ninh bước về mé tay trái độ hai mươi bước là đến giường. Té ra anh đi nhầm chỗ và rồi tới một bên mùng nợ, nghe tiếng thở thì biết không phải là dàn ông nằm trong ấy. Anh thật bối rối vô cùng, lẩn mờ trong đêm tối, tìm giường của mình mà không biết ở đâu. Có một lúc hình như anh có đến gần bên phòng em, anh lại càng kinh hoàng lên hơn nữa. Em thử tưởng tượng có ai thức dậy, đánh đèn lên và thấy anh ở đó thì người ta sẽ nghĩ thế nào ? Chắc chắn là về sau anh sẽ không dám vác mặt vào nhà này nữa ...

Tôi không thè nào mà không ôm bụng cười cho được :

— Rồi chừng nào anh mới về được giường anh ?

(Còn nữa)



BA TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

* Bạn SONG AN (Châu đốc)

2810.— Em dỗ anh :

Trâm thư dàn, dàn chi không
thắp

Trâm thư bắp, bắp chi không ran

Trâm thư than; than chi không
quật

Trâm thư bạc, bạc chi dem bán
không mua

Trai nam nhơn chàng dà dõi dặng

Thiếp chịu bốn mùa theo chán.

2811.— Trâm thư dàn, dàn bạc
hà... dàn cù là không thắp

Trâm thư bắp, bắp can bắp
chuối không ran

Trâm thư than, than thản không
quật

Trâm thư bạc, bạc tình bạc nghìn
dem bán không mua

Trai nam nhơn chàng dà dõi

dặng
đặng

Thiếp phải chịu bốn mùa theo
anh,

2812.— Ông Ông đòi cưới ba heo
Mụ đòi đòi cưới con nèo cụt đuôi

2813.— Cụ già đầu bạc răng lồng
Cưới cô con gái còn mǎn tuổi đào.

2814.— Lần nào cao hẳng lần ông
chánh,

Bánh nào trắng bằng bánh bò
bóng,

Thương em từ thuở mà hằng.
Bây giờ em lớn có chồng bỏ anh.

2815.— Chăn tắm rồi mải
urom tv,

Làm đâu rồi mải được như mẹ
chồng,

(Còn nữa)

CHÚT NIỀM TÂM SỰ MÊN TRAO BẠN ĐỌC PHÒ THÔNG



Tạp-chí PHÒ-THÔNG ra đến số 24 này, chúng tôi kiêm điềm lại, nhận thấy còn nhiều khuyết - diềm, đại-khai như sau đây:

* Chúng tôi chưa có nhiều kiều chữ mới, phải tạm dùng những chữ hơi cũ, cho nên CHỦ IN KHÔNG ĐƯỢC SẮC-SẢO.

* Chúng tôi chưa mua được thứ giấy dắt tiền hơn, nên tạm dùng giấy thường, gọi là « giấy nhựt-báo », cho nên GIẤY KHÔNG ĐƯỢC TRẮNG LẨM.

* Chúng tôi chưa có máy in tối-tần, phải tạm dùng máy in thường, cho nên ẤN-LOÁT CHUA ĐƯỢC ĐẸP LẨM.

* Số nào IN CŨNG CÒN LỎI, vì chúng tôi chưa có nhiều nhân-viên, cho nên sự sửa bài còn dôi se-sót.

Đó là những khuyết diềm về kỹ-thuật.

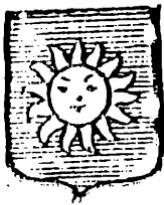
NHƯNG CHÚNG TÔI SẼ CỐ GĂNG MÃI MÃI..



Chúng tôi rất cảm ơn Quý Bạn đã vui lòng tha-thứ những khuyết diềm ấy và đã tỏ nhiều cảm-tình chân-thết và nồng-hậu đối với PHÒ-THÔNG trong một năm qua. Nhờ sự ủng-hộ trung-kiên và triu-mến của Quý Bạn, chúng tôi sẽ CỐ GĂNG CÀI-THIỆN LẦN LẦN ĐỀ CHO TẠP CHÍ PHÒ-THÔNG ĐƯỢC-TOÀN-THIỆN TOÀN-MỸ.

Chúng tôi vẫn chú-trọng cả về nội-dụng lẫn hình-thức, vì tất cả ước-mong của chúng tôi là có một tạp-chí văn-hóa Việt-nam xứng-dáng trong tay Quý-Bạn cũng như trong tay các Bạn đọc giả ngoại-quốc mỗi ngày mỗi đồng thời. Chúng tôi sẽ cố gắng lùn-lượt by-sinh từng giai-doạn, để làm sao PHÒ-THÔNG in chữ cho đẹp hơn, giấy cho trắng hơn, và thêm nhiều trang nữa, dặng thêm nhiều bài nữa.

BỘ BIÊN-TẬP PHÒ-THÔNG Ở NGOẠI-QUỐC



Sau mấy tháng tiếp-xúc thân-thiện với một số Văn-nhân Thi-sĩ của các nước bạn, chúng tôi vui mừng đã tổ-chức xong một ban Biên-tập PHÒ-THÔNG ở Hải-ngoại. Ban Biên-tập này gồm có một số các Nam-Nữ giáo-sư Đại-học và Nam-Nữ Thi-sĩ, Văn-sĩ, của Nhật-bản, Án-đô, Phi-luật-Tân, Thái-lan, Úc, Anh, Mỹ và Pháp. Chúng tôi đang cố-gắng mở rộng ban biên tập Hải-ngoại nơi các quốc gia khác. Các bạn ấy sẽ viết bài hoặc bằng tiếng Việt, hoặc bằng Anh-ngữ hay Pháp-ngữ, gửi về tạp-chí Phò-Thông. Những bài bằng ngoại-ngữ, chúng tôi sẽ tự dịch ra Việt-ngữ. Một Giáo-sư Đại-học Nhật ở Tokyo trình bày với Quý-Bạn một bài bình-luận về quyền Kim-Vân-Kieu của NGUYỄN-DU, so-sánh với một quyền Kim-Vân-Kieu khác của một Thi-sĩ Nhật bản, và quyền Đoạn-Trường Tân-Thanh của Tầu. Một Giáo-sư khác, kiêm Thi-sĩ ở Phi-Luật-Tân, sẽ phê-bình văn-thơ của các Thi-văn-sĩ Việt-nam. Khởi từ số này, chúng tôi刊登 bài viết bằng Việt-ngữ của Giáo-sư GUSTAVE MEILLON, ở Đại-học đường Sinh-Ngữ Á-Đông, Paris, và tiếp theo là bài của một nhà Văn-Nhật viết về hai Thi-sĩ danh tiếng SHIMAZAKI TOSON và KITAHARA HAKUSHU. Lần lượt, Quý bạn sẽ làm quen với các Thi-văn-sĩ hiện đại của các nước Bạn. Quý Bạn sẽ nghe họ nhận-xét về các Thi-văn-sĩ Việt-nam và Văn-hóa của nước ta.

CHÚNG TÔI MONG CÓ SỰ CỘP PHẦN CỦA QUÝ BẠN



Chúng tôi xin hứa với Quý Bạn rằng chúng tôi sẽ cố gắng về mọi phương-diện để tạp-chí PHÒ-THÔNG xứng đáng lòng tin-cậy triu-mến của Quý Bạn, và được cảm-tinh ở Hải-ngoại, để cho Văn-hóa của Việt-nam được một địa-vị nào đó, dù là rất khiêm-tốn, trên dải Văn-hóa quốc-tế.

Đồng thời, chúng tôi tha-thiết mong mỏi Quý Bạn vui lòng giúp sức với chúng tôi về hai phương diện:

- 1.— GIANG-SƠN VIỆT-NAM. Chúng tôi đã đăng một loạt

CHÚT NIỀM TÂM SỰ

bài về tỉnh HÀ-TIỀN của bạn NGỌC-TÍNH. Chúng tôi đã đăng loạt bài về NON NƯỚC MIỀN MAM của bạn THÁI-VĂN-KIỀM. Chúng tôi đang đăng bài về tỉnh SÓC-TRĂNG của bạn V.Đ. HÀ. Vậy chúng tôi mong các bạn vui lòng ưu-tâm về các tỉnh quê-quán của quý Bạn, gửi cho chúng tôi để chúng ta có thể tiếp-tục trình bày với Đồng-Bào và ngoại-quốc về bộ-mặt xinh-dep của GIANG-SƠN VIỆT NAM.

2.— THẮNG CẢNH VIỆT-NAM. Cùng một ý ấy, chúng tôi mong các Bạn gửi về cho chúng tôi các bức ảnh đẹp của các Thắng-cảnh Việt-nam ở tại nơi Địa-phương của Quý Bạn. Những tấm ảnh ấy, chúng tôi sẽ in lên bìa PHÒ-THÔNG, hoặc nếu có nhiều thì chúng tôi sẽ in cả trong các trang ruột nữa.

Dĩ-nhiên, chúng tôi xin dài-thọ tất cả các món tiền thù-lao và bài lai-cảo cũng như về hình-ảnh do các bạn có thịnh-tình gửi cho.

Chúng tôi tha-thiết mong mỗi Quý Bạn trong toàn quốc vui lòng góp phần xây-dựng rất quỹ báu ấy, và chúng tôi xin chân thành cảm tạ.

Dài lời tâm sự, mong Quý Bạn thông-cảm.

N. V.

MUÔN ĐÔ ĐỆ THẤT

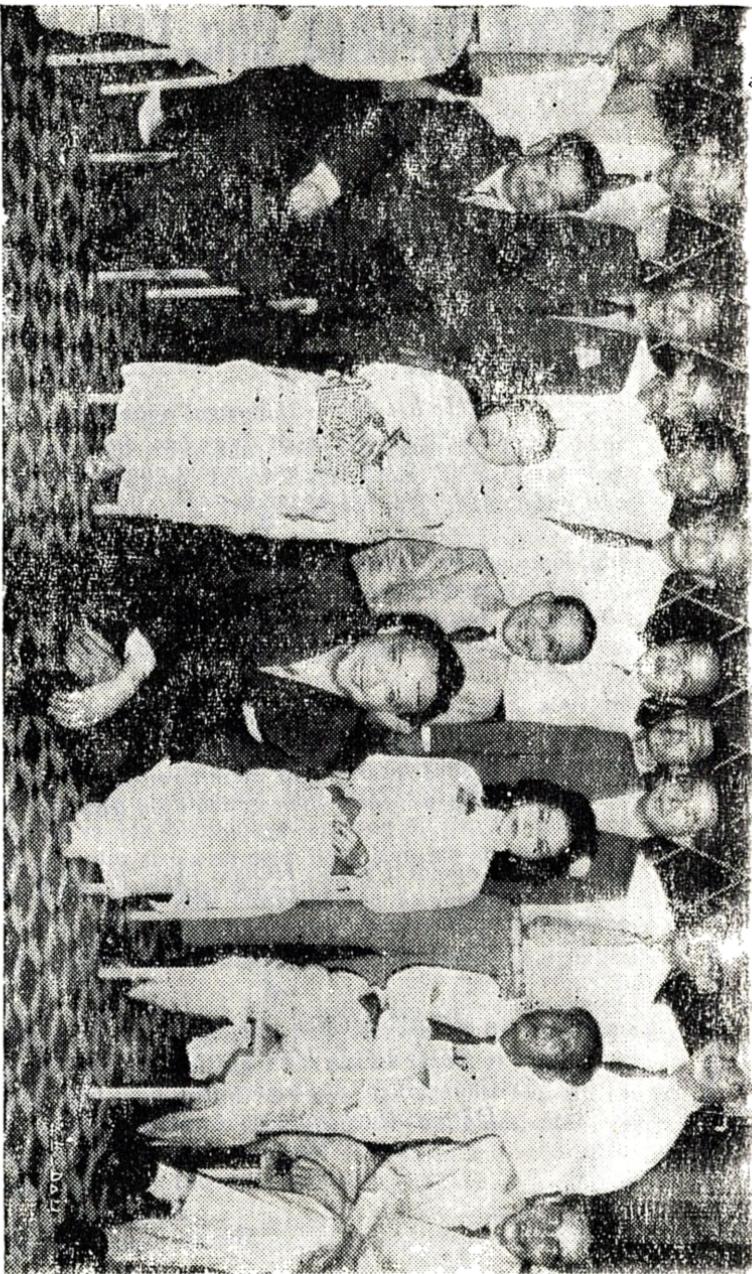
Quý vị phụ huynh hãy
cho con em theo học

LÓP DZÓ-TA

khai giảng khóa mới 15-11-59
tại 95 Nguyễn Thái Học — Saigon

Bộ Biên-tập PHÒ-THÔNG chụp bốn Đệ Nhất chủ biên của Tạp-chí ngày 1.11.1950.

Hàng đầu (ngồi) từ trái sang phải : Thiếu-Son, Bà Thương-Lạc, Nguyễn-Vỹ, Nguyễn-Anh-Ca
(ngồi chòm hõm phía trước), Cô Bạch-Yến, Nguyễn-Triệu, Bá-sai Hồng-Mộng-Lương.
Hàng đứng : Văn-Sơn, Nguyễn-Khắc-Thiệu, Duy-Liêm, Nguyễn-Thú-Minh, Vĩ-buýt-Bắc
Vương-bằng-Sân, Thủ-thu-Diễn, Bình-Nhiêm, Quang-Ham, Phong-Cùm, Cảnh-Lang.



Nharg Đệ-Khart Chug-Kien Tap-Chi PHÒ - THÔNG

Chúng tôi nhận được rất nhiều thư của Bạn đọc thân mến gửi về mừng tạp-chí PHÒ-THÔNG trong dịp Đệ-nhất chu niên của nó. Chúng tôi xin có lời chúc thành cảm tạ thịnh-lành của các Bạn.

Để ghi chút kỷ-niệm trang-nhã của duyên văn tự, chúng tôi xin đăng một bài thơ sau đây của Cò Minh-Đài và xin thành thật cảm ơn hào ý của cô.

N. V.

« Họbit đẽ thơ thẩn ngại ngùng
Mong lời thơ thiền được bao dung
Hương lan tỏa ngát nhiều phong-thát
Hoa dại đồi hoang góp sắc Xuân. »

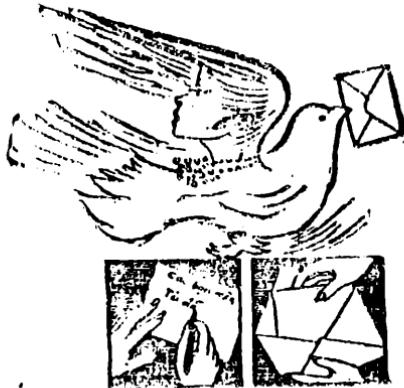
Văn hóa ngày nay đã trưởng thành
Taò đòn cùng họa nét đan-thanh.
Thi-nhán rộn-rã linh thơ thảm ;
Chí-c buồm vờn hoa giữa lá cành.

Một áng văn hay mấy vần-vương
Một vài ý đẹp đủ xông hương,
Cho đời bừng dậy niềm hoan-lạc
Cho đỡ chồn chán khách đậm trưởng.

Tạp-chí PHÒ-THÔNG ngọt giò lành,
Mang về trước hẹn thuở đầu xanh
Giữ đt bốn hướng nguồn vui sảng
Nhắc nhớ người trai chí đấu-tranh.

« NGÀY MỚI » cầu mong nhưa sống trào,
« PHÒ-THÔNG » ghi lại đến nghìn sau ;
Chút duyên văn-nghệ linh tri-kỷ,
Đè loại lòng nhau nghĩa cố-giao.

Mừng ngày Đệ-nhất chu-niên
Tạp-chí PHÒ-THÔNG
MINH-ĐÀI
Bản-cờ ngày 1-11-59



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* DIỆU HUYỀN
và BẠCH YẾN

✓ Bạn Anh-Tú — Bến Ngự — Huân.

1) Viết thư giao-thiệp đứng-dắn, hoặc thư gửi các Thành bằng
nhau, nên viết giấy trắng, các bạn trẻ thân mến nhau (trai hay
gái) có thể dùng giấy xanh. Thư tình, viết với giấy màu hồng nếu
bạn muốn.

2) Trong xe, chỗ sang nhất là ghế sau chờ không phải ghế
trước, ghế sau dành cho người mình kính trọng. Nếu người bạn lái,
ta nên ngồi cạnh bạn ở ghế trước. Nếu có hai người khách thì
để họ ngồi ghế sau, ta ngồi ghế trước, cạnh tài xế. Vợ chồng thì
để nhiên ngồi gần nhau.

3) HENRI SCHIEMANN là một nhà khảo cổ Đức, sinh tại
Neu-Buckow, năm 1822, chết tại Naples năm 1890. Vì yêu thơ của
HOMÈRE mà ông bán hết nhà cửa ở Đức để qua Hy-Lạp, xin
phép Chính phủ ấy cho ông đào đất nơi HISSARLIK để tìm vết
tích thành TROYE, và ông đã thành công. Ông đã tìm lại trọn vẹn
thành Troye đúng y như trong sử sách thời Homère ghi chép.

✓ Bạn Hoa Ngô Đồng (Quảng Nam) hỏi.

« Trong cuốn « La Littérature noi » mục « La Littérature,
expression de la société » nhà văn học Pháp Baldensperger có
viết câu :

— *L'histoire est une géographie qui marche et la littérature
quelque chose comme une démographie qui parle ou qui rêve.*

Thưa ông, tại sao Lịch-sử là I tập đja dữ chí hay đி, còn
nǎn-học có thể xem như một pho «dân-sinh chí» biết nói, biết m-

2) Vì sao có danh từ : Nhóm thi-sĩ Décadents ?.

3) Tôi thường nghe người ta nói những danh từ : Đệ tam quốc tế, Đệ tứ quốc tế, như vậy có đệ nhất, đệ nhì quốc tế không ? và mỗi danh từ như trên dùng để chỉ khuynh-phái nào ?

4) Người ta thường nói đến chỉ số, vậy chỉ số căn cứ vào đâu để lập số lương bông ? Thị dụ chỉ số 470 thì số lương là bao nhiêu ?, .

Đáp : 1) Câu : « *L'Histoire est une géographie qui marche et la Littérature quelque chose comme une démographie qui parle ou qui rêve* » trong quyển LA LITTÉRATURE, mục « La Littérature, expression de la société» của giáo sư Thạc-Sĩ và Văn-Sĩ Pháp FERNAND BALDENSPERGER (1913) có ý-nghĩa như sau đây : Lịch-sử là những sự kiện, những biến cố xảy ra nơi một địa phương, liên tục, từ thời đại này qua thời đại khác, nó di chuyển trong thời-gian, (une géographie qui marche) qui se déplace dans le temps. Còn Văn Chương cũng dai khái như một khoa dàn sinh học, nhưng không phải chỉ chú trọng ở đồng tiền, hột gạo, tẩm áo, mái nhà, hay là các cuộc sinh hoạt vật chất của nhân dân mà thôi, mà còn diễn tả cả tinh thần và tư tưởng của nhân dân ấy nữa.

2) Nhóm Thi-Sĩ DÉCADENTS, là nhóm Thi-sĩ Pháp hồi cuối Thế kỷ XIX, tra đề cao chủ trương Tượng-trưng (Symbolisme) đến mức quá lố, cốt đổi chơi lại lập trường quá mực thước của nhóm Parnassiens. Danh từ Décadents sinh nảy ra từ sau khi quyển Thor trào phúng les Déliquescences d'Adoré Eloupette (1885) của cặp Thi-sĩ hài hước G. Vicaire và H. Beauclair ra đời. Danh từ ấy được xuất hiện do các nhà phê bình văn học thời bấy giờ đặt ra để công kích phái Thi-sĩ tượng-trưng, rồi các nhà thơ này cũng dung nạp luôn danh từ ấy, nhất là PAUL VERLAINE sẵn-sàng tán-thưởng, để thách đố lại các nhà phê-bình Parnassiens, và ông hoan-hỉ cho là danh-từ !OÈTES DÉCADENTS thật là « long-lanh như sơn son thếp vàng » (miroitant de pourpre et d'or). Kế đó, Thi-sĩ ANATOLE BAUDEAUX sáng lập ra tạp-chí « Le Décadent » ra được 31 số, sống được 3 năm (1886-1889) mà bộ biên-lập có Verlaine, Maurice de Plessy, Ernest Reynaud, Jean Lorrain, Laurent Tailhade, toàn là cùa phái Tượng-trưng (Symbolistes). Phái này tự cho rằng họ chịu ảnh-hưởng của Baudelaire, Barbey d'Aurevilly, Villiers de l' Isle-

Adam, Mallarmé, Tristan Corbière. Nhưng sau cùng, chủ-trương quá lập-đị, quá lố-bịch của Thi-phái *Décadent* không đứng vững, nên dần-dần bị... suy đỗ (*décadent*), chỉ còn lại tinh-hoa của Thi-phái Tượng-trung mà thôi.

3) Về các lý-thuyết chính-trị : Đệ-nhứt, đệ-nhị, đệ-tam và đệ-tứ quốc-tế, phải một bài dài lắm mới trình bày tạm đầy-dủ được.

4) Về vấn-dề chỉ-số của lương-bồng, xin ông hỏi nơi Bộ Tài-chánh.

★ **Bạn Hồ văn Bửu — Qui Nhơn**

Về nhà văn LINH-BẢO, bạn viết thư hỏi tại tòa báo Tân-Phong, 217 Lê văn Duyệt — Sài-gòn.

★ **Một bạn đọc ở Quang Ngãi**

Câu chuyện « Vết son trên má tiền thư » là một dật sử, do các cụ thời trước truyền khẩu lại. Nó không ở trong phạm vi lịch sử, cho nên tác giả đã đặt nó vào một khuôn khổ thuyết. Còn những chuyện của ông Cần Chánh NGUYỄN THÂN, những chuyện « ghê gớm » hơn nữa mà các cụ đương thời còn nhắc lại về cái tinh tàn ác của « Ông Cần » thì còn nhiều lắm. Chỉ một việc ông ấy đối xử với xác chết của cụ PHAN ĐÌNH PHỦNG, đã chứng tỏ cái tâm tánh tàn bạo của kẻ phản-quốc ấy.

★ **Em Huỳnh văn Thu — học sinh Tân Thành Sài-gòn**

Tiêu thuyết « Khát tình » của Đoàn-Ngọc, quăng cáo trong PHÒ-THÔNG số 22 của tác-giả gởi đăng chư không phải của chúng tôi. Xin cảm ơn thư em. Mến chúc em gặp nhiều may mắn trên đường học vấn.

★ **Bạn Thanh Văn — Hội An**

1) Bạn gởi thư cho cô ấy bảo rằng bạn còn đang đi học, chưa nghĩ đến vấn đề yêu đương, hay bạn cứ lờ đi, cô ấy sẽ nhận và không đeo đuổi bạn nữa.

2) Các tập PHÒ-THÔNG từ số 1 đến số 11 hiện ở tòa soạn cũng không còn, khi nào có, chúng tôi sẽ loan tin trên báo.

★ **Một bạn đọc không đề tên và địa chỉ**

Chúng tôi có coi giùm các vé số xổ ngày 23-10-59 của ông, không có số nào trùng cả.

★ **Ông Văn Giang — Đồi trà — Biao (ông Thiếu-Sơn trả lời)**

Nhà báo đã chuyển giao cho tôi một bức thư và một gói trà

DÁP BẢN BỐN PHƯƠNG

lòng của ông gửi biếu tôi. Tôi có do địa chỉ trong thư gửi lời cảm tạ ông, nhưng nhà bưu điện đã gửi trả lại, bảo rằng « Địa chỉ để thiếu », vì lẽ đó mà tôi phải nhờ nhà báo nhìn cho tôi mấy hàng đề tạ đáp mối thịnh tình của một bạn văn chương tri kỵ, mà tôi mong sẽ được biết địa chỉ để gửi thư riêng.

Thiếu-Sơn

12, Trịnh hoài Đức — Gia Định

* Ông Lê văn Tất — Châu Đốc

Xin ông gửi thư trực-tiếp đến Cụ Ưng Bình theo địa chỉ sau đây :

CỤ ỦNG BÌNH

25, Trần hưng Đạo — HUẾ

* Bạn Thu-Hương — Biên-hòa.

1) Quyển tiểu thuyết « Thi-sĩ Ký-Phong » xuất bản ở Hà-Nội năm 1937 là của ông Nguyễn-Vỹ ký dưới bút hiệu LÊ-CHI.

2) Ông N.V. không có làm giáo-sư ở Biên-hòa. Mấy năm gần đây ông có làm giáo-sư ở Sài-gòn, nhưng bày giờ ông không còn dạy học nữa.

* Bạn Trần-An-Cát — Huế — hỏi :

Chúng tôi thường nghe người ta nói tiếng Pali, trong các sách báo, thường thường chúng tôi cũng có nghe, nhưng không thấy mặt chữ thế nào. Có nhẽ bạn nói rằng nó là tờ giấy của vua đầu Nhị-thiên-Đường phai không ? Vậy, quý báo có thể cho chúng tôi thấy nét chữ Pali thế nào ? Vì hiện giờ các nước nào dùng mẫu tự đó ? — Hiện trên thế giới có mấy thứ mẫu tự ? — Chẳng hạn nước Đức dùng kiểu mẫu tự nào ? Vì sao luôn luôn đây cho chúng tôi biết nét chữ và mẫu tự của Nga, Đức.

DÁP :

1) Chữ PALL (cũng có người viết : Pāli) là chữ của miền Nam Ấn-độ thời xưa. Nó viết cũng gần giống như chữ SANSKRIT là chữ Ấn-độ cổ-diễn. Các sách Phật về phái tiêu-thừa đều viết bằng chữ Pali. Hiện nay, các thô-dàn Miến-Điện, Tích-Lan (Ceylan) Thái-lau, cũng còn viết lối chữ Pali. Chữ Pali cũng giống như chữ SANSKRIT, là văn-tự chính-thức của người Bà-a-môn (Brahmanes) ở Ấn-Độ. Nó có từ 2000 năm trước J. C. Đại-khai, một vài mẫu-tự Sanscrit như sau đây :

අ	= a	ඇ	= i
ක	= Ka	උ	= dHa
ශ	= Kha	ඌ	= na
ග	= ga	අ	= da
ජ	= ja	ආ	= pa
ත	= Ta	ඊ	= pha

ඉ ඔ = u

ල එ = l

ක ඒ = ai

ඩ ග = ha

ඩ එ = la

v.v..

Trên các giấy tờ « Nhị-thiên-lường » như bạn nói, là chữ khmer (Cao-miên). Những chữ trên ve dầu cù-là Mac-Phsu là chữ Miền-diem. Các thứ chữ ấy đều do gốc ở chữ Sanscrit và Pali.

Đây vài kiểu mẫu tự Nga:

Ӑ	= a (a)	Ӗ	= i (u)	Ҫ	= o (c)
Ӗ	= e (e)	Ӆ	= l (u)	Ӯ	= f (cf)
ӻ	= v (b)	Ӆ	= l (u)	Ӱ	= tše' (qf)
ӻ	= ghé' (z)	Ӎ	= m (u)	Ӳ	= ts'e' (zf)
ӻ	= đé (g)	Ҥ	= n (u)	ӳ	= cha (qll)
ӻ	= ê (e)	Ӱ	= p (u)	Ӵ	= ia (g)
ӻ	= jé (m)	ӱ	= r (u)	ӷ	= fita (s)

v.v..

Mẫu-tự Đức, thuộc về phân-loại latin, cũng như mẫu-tự

Pháp,

3) Nhà Bá-học Ý đã bị Tòa-Án Công-Giáo ở La-Mã kết-án năm 1633 (đang 70 tuổi) vì nói quyết là quả đất xoay, tên là GALILÉE.

4) Xin miễn trả lời những câu hỏi riêng về N.V.



TRÀ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ ĐƯỢNG LỊCH

★ Ông N.P. Tường — Trường quốc học — Huế

Ngày 1-2-1938 là ngày mồng 2 tháng giêng âm lịch, năm Mậu Dần, tháng Giáp Dần, ngày Giáp tý.

★ Một độc giả ở Bình Tây — Cholon

Ngày 13-2 âm lịch năm Tân Sửu = Lundi 1-4-1901

★ Em Cẩm Vân — Đường Nguyễn Du — Sài Gòn

Ngày 18-2 năm Canh Thìn = Mardi 26-3-1940

★ Ông Lâm Lẽ — Quế Sơn — Quảng Nam

Giờ Thân ngày 13 tháng tư Tân Vị nhầm ngày Thứ tư 3-6-1931, 4 giờ chiều.

★ Em Quách tú Trung — Kiến Phong

Ngày 14 tháng 5 nhuần 1933 là ngày 6-7-1933

★ Một Độc giả ở Nha trang

— Ngày 30-2 âm lịch năm Tân Tỵ = Jeudi 27-3-1941

— 6-8 âm lịch năm Mậu Tuất = Mardi 18-9-1858

— Ngày 8-7-1955 = 19-5 âm lịch năm Ất Việt, tháng Nhâm Ngọ, ngày Canh Ngọ

— 22-6-1957 = 25-5 âm-lịch năm Đinh Dậu, tháng Bính Ngọ, ngày Ất Sửu

★ Ông Trần Minh Hoàng — KonTum

Ngày 1-4-1937 là ngày 20-2 âm lịch (năm Đinh Sửu, tháng Quý Mão, ngày Mậu Ngọ).

★ Ông Nguyễn văn Am — k.b.c 4061

— Ngày 15 tháng 5 âm lịch năm Kỷ Mão = Samedi 1-7-1939

— 21-6 âm lịch năm Giáp Thân = Dimanche 9-8-1944

★ Ông Nguyễn hữu Từ — đường Chu mạnh Trinh — Sài Gòn

— 17-8-1944 dương lịch nhằm ngày Quý Sửu, tháng Tân Vị
âm lịch

★ Cô Bích Văn — Cholon — Bình Tây

Ngày 5-5-40 là ngày 28-3 âm lịch năm Canh Thìn, tháng Canh
Thìn, ngày Mậu Thân.

NGUYỄN - TRIỆU

Cung Bàn gởi Bài

Chúng tôi nhiệt-liệt hoan-nghênh các bài của quý Bạn có
nhã-ý gởi đến tòa soạn. Chúng tôi lần lượt xem hết, không bỏ
tới bài nào. Còn đăng được hay không, tại sao không đăng được,
chúng tôi không thể trả lời. Vì thi giờ của chúng tôi rất ít, mà
bài nhận được thì rất nhiều, chúng tôi không thể trả lời riêng tất
cả từng bạn được.

Phổ-Thông ra mỗi tháng 2 kỳ và số trang có hạn, số bài dù
nhiều, nên có nhiều bài đã nhận được nhưng 4 tháng sau, hoặc
6, 8 tháng sau mới đăng được. Vậy, muốn các bạn yên-trí, từ
nay chúng tôi dành riêng một trang để báo tin «NHỮNG BÀI SẼ
ĐĂNG» để các bạn gởi bài biết trước rằng những bài của bạn
sẽ đăng (tuy chưa biết là sẽ đăng trong số nào : có thể đăng ngay,
hay đăng chậm hơn). Sau khi gởi bài, bạn chờ hai kỳ báo
mà không thấy có bài của Bạn trong cột «Những bài sẽ đăng»,
thì xin Bạn hiểu rằng bài ấy vì một lý do nào đó không
được đăng

Xin Quý Bạn thông-cảm cho. Thân tạ.



- Bình đà tinh của anh hùng (*Lâm-hữu-Ngân*).
— Công-Chúa-Thồ-nhỉ-Kỳ.
— Tử-Hi-Thái-hậu
— Nguyễn-tri-Phương (*Phong-Cầm*)
— Hiệu-lâm-học-thuyết Lão-Tử (*Hà-thanh-Tử*).
— Mối-tình Nguyễn-Du (*Nguyễn-khắc-Thiệu*)
— Hội-chùa (thơ) (*Cao-hoàng-Nhân*).
— Èm-áí (thơ)
— Trương-công-Định (*Võ-bùi-Hà*).
— Nguyễn-trường-Tô “
— Nguyễn-thường-Hiền “
— Đoàn-Phú-Tứ (*Tô-Lang*)
— Ông-Bao-Công-xử-một-vụ-phá-trinh (*Mai-hương-Vân*)
— Một-vài-nét-về Bửu-Định (*Ba-den*)
— Hai-thảm-kịch-giữa-kho-vàng (*Lâm-tùng-Sinh*)
— Xã-hội Việt-Nam vào thời Tú-Xương (*Việt-Tứ*).
— Cô-Kiều-mắt-nết (*Nguyễn-khắc-Thiệu*).
— Charles Baudelaire — Thi-sĩ-bình-hoạn (*Ng. Lưu*)
— Thanh-Niên-Anh-ham-học-lái-phi-cơ (*Denis Bardens — Anh*)
— Người-Thơ-xuất-hiện (*Mặc Thu*).
— Món-quà-kỷ-niệm (*Hoàng-Thắng*).
— Xuân-Cô (thơ) (*Tử-trầm-Lệ*).
— Giác-mơ-của-con-púp-pè (*Aokiyama — Nhựt*)

(Còn-nữa).

Thanh-Minh

Tên-của-cô C.T.T.N TUYẾT-NGỌC dâng-trong PHÒ-THÔNG số-22 trong mục « Đáp-bạn-bốn-phương » không-phải là cô C.T.T.N. TUYẾT-NGỌC, HỌC-SINH TRƯỜNG-TRUNG HỌC DỒNG-KHÁNH — HUẾ.

Cùng Bàn gởi Thủ

1) Các bạn muốn hỏi điều gì thắc-mắc trong PHẠM VI VĂN-HÓA, theo tôi chỉ phỏ-biến Văn-hóa của tạp-chí PHIẾU-TIẾP, thì chúng tôi xin hoan-hỷ phúc đáp, theo chút ít hiểu-biết của chúng tôi.

Ngoài ra, xin đừng hỏi về những đề-tài KHÔNG LIÊN-QUAN TRỰC-TIẾP ĐẾN VĂN-HÓA.

2) Bạn viết thư về tòa báo, sớm hay muộn, chúng tôi cũng sẽ trả lời, tùy theo ngày nhận được thư trước, hay sau. Vậy xin các bạn đừng biên thư thúc-giục, và cũng đừng gửi tem yêu cầu trả lời thư riêng.

HỘI THI HỮU MÃI CỦA THI ĐÀN «SƠN HẢI NGUYỆT PHONG VÂN»

Y: Thị đản S.H.N.P.V. Châu đốc, thành lập vào mùn thu 1958. Đến nay đã một năm qua, xin có lời ra mắt quý vị thi hữu từ- phuong.

Y: Thị hữu trong thi đản có 16 vị:

- 1) THANH-TÂM cư-sĩ (75 tuổi) ... 2) PHẠM-KỶ XƯƠNG ...
- 3) MINH-CHON (Phan trường-thọ) ... 4) ĐỨC-LIÊN ...
- 5) NGUYỄN ĐÌNH-NGỌ ... 6) BẠCH-LIÊN ... 7) HÓA-LIÊN ...
- 8) BÀ THÚY-LIÊN ... 9) BÀ PHẨM-LIÊN ... 10) CHÍ-LIÊN ...
- 11) TRẦN-LIÊN ... 12) BÀ MỸ-LIÊN ... 13) MÀN-LIÊN ...
- 14) THÀN-LIÊN ... 15) THÈ-PHƯỢNG ... 16) TÙ-LÝ-HÀ.

Y: Từ trên xuống dưới, sắp theo thứ tự niên kỷ.

Y: Mục đích của thi đản: «Xướng họa thi văn để trau dồi thi nghệ».

Y: Bởi bát hiệu của nhiều thi hữu, có chữ Liêm, nên người Châu đốc thường gọi các Huynh Đệ này là «NHÓM HOA SEN», hay là «LIÊN HOA THI HỦU».

Y: Chúng tôi có thành lập một vườn thơ trên núi Sam, lấy tên là «BẠCH HOA VIÉN». Kính mời quý khách nhàn du, có dịp tiện, đến đó ngâm thi, ngắm cảnh: Nơi đây giò lồng bến mùn. Thư từ giao thiệp rất dễ.

Ô. LÊ-VĂN-TẮT

Thi-Đàn Sơn-Hải-Nguyệt-Phong-Vân
(An-Giang). CHÂU-ĐỐC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
 KIẾN-THIẾT VÀ THIẾT-KẾ
 DÔ-THỊ

THÔNG-CÁO

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống
 Sở Xô-Số Kiến-Thiết

Sở Xô-Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xô-số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc-Đắc trúng	1.000.000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55 lô an ủi		2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958
 Sở Xô-Số KIẾN-THIẾT